

PHẦN II (TIẾP PHẦN I)*Luận đoán 12 cung***I – NHỮNG ĐIỀU CẦN PHẢI CHÚ Ý
TRƯỚC KHI LUẬN ĐOÁN MỘT LÁ SỐ**

Phải quan sát và nhận định trên lá số những điểm sau đây:

**1 – THUẬN LÝ HAY NGHỊCH LÝ
GIỮA NĂM SINH VỚI THÁNG SINH
GIỮA NGÀY SINH VỚI GIỜ SINH**

Thí dụ: Năm sinh thuộc âm, tháng sinh cũng thuộc âm là thuận, ngày sinh thuộc dương, tháng sinh lại thuộc âm là nghịch. Nếu năm sinh, tháng sinh, ngày sinh và giờ sinh đều thuộc dương cả hay âm thì rất tốt.

**2 – TƯƠNG SINH HAY TƯƠNG KHẮC
GIỮA NĂM SINH VỚI THÁNG SINH
GIỮA NGÀY SINH VỚI GIỜ SINH**

Thí dụ: Năm sinh thuộc Mộc, tháng sinh thuộc Hỏa là năm tháng tương sinh. Ngày sinh thuộc Thủy, giờ sinh thuộc Hỏa là ngày, giờ tương khắc. Nếu năm sinh tháng, tháng sinh ngày, ngày sinh giờ, như năm thuộc hỏa sinh tháng thuộc Thổ, tháng thuộc Thổ sinh ngày thuộc Kim, ngày thuộc Kim sinh giờ thuộc Thủy, như vậy số rất quý.

**3 – HỢP HAY PHÁ
GIỮA NĂM SINH VỚI THÁNG SINH
GIỮA NGÀY SINH VỚI GIỜ SINH**

Cần phải xem Can, Chi của năm, tháng và ngày giờ.

**4 – TƯƠNG SINH HAY TƯƠNG KHẮC
GIỮA BẢN MỆNH VÀ CỤC**

Thí dụ: Kim Mệnh, Thủy Cục là tương sinh, vì Kim sinh Thủy. Nếu ngược lại, Cục sinh Bản Mệnh, như Kim Mệnh, Thổ Cục, cũng được tốt đẹp, nhưng không bằng Bản Mệnh sinh Cục. Bản Mệnh khắc Cục: rất xấu: dù toàn thể lá số có tốt chăng nữa, độ số cũng bị chiết giảm một phần nào.

**5 – THUẬN LÝ HAY NGHỊCH LÝ
GIỮA NĂM SINH VÀ CUNG AN MỆNH**

Thí dụ: Sinh năm Tý thuộc Dương, an Mệnh tại cung Dần cũng thuộc Dương là thuận lý.

**6 – CHÍNH DIỆU THỦ MỆNH
(Các sao thuộc Tử Vi và Thiên phủ tinh hệ)**

- Miếu địa?
- Vượng địa?
- Đắc địa?
- Hãm địa?
- Có hợp Mệnh không?
- Sinh Mệnh hay Khắc Mệnh?

Thí dụ: Kim Mệnh, Chính diệu thủ Mệnh, cũng thuộc Kim là hợp.

Kim Mệnh, Chính diệu thủ Mệnh thuộc Thổ là **Chính diệu sinh Mệnh rất tốt**.

Nếu ngược lại, Kim Mệnh, Chính diệu thủ **Mệnh** thuộc Thủy là **Mệnh sinh Chính diệu, rất xấu**.

Kim Mệnh, Chính diệu thủ Mệnh thuộc Hỏa là **Mệnh khắc Chính diệu, lại càng xấu hơn nữa**.

Nếu cung an Mệnh không có Chính diệu, gọi là **Mệnh vô Chính diệu**, cần phải xem đến Chính diệu xung chiếu và Trung tinh Bàng tinh tọa thủ, hội hợp.

7 – TỐT HAY XẤU CỦA MỆNH VÀ THÂN

Cần nhắc xem cung an Mệnh và cung an Thân, để biết cung nào tốt cung nào xấu.

8 – TỐT HAY XẤU CỦA PHÚC ĐỨC

Xem cung Phúc Đức có nhiều sao tốt hay có nhiều sao xấu.

9 – VỊ TRÍ CỦA CÁC CHÍNH DIỆU TRÊN 12 CUNG

- Miếu địa?
- Vượng địa?
- Đắc địa?
- Hãm địa?
- Có đúng chỗ không?

(Tài tinh an tại cung Tài, Quý tinh an tại cung Quan, Phúc tinh tại Phúc, vân vân... như thế là đúng chỗ).

10 – VỊ TRÍ CỦA TỬ HÓA TRÊN 12 CUNG

- Có được việc không?

(Hóa Quyền ở cung Quan, Hóa, Lộc ở cung Tài, vân vân... như thế là được việc).

11 – VỊ TRÍ CỦA LỤC SÁT TINH

Đà Hỏa, Linh, Không, Kiếp trên 12 cung

12 – ĐẠI HẠN 10 NĂM, VẬN HÀNH TRÊN 12 CUNG

Xem lần lượt từng đại hạn một, để biết đại hạn nào tốt, đại hạn nào xấu.

II – ĐỊNH DANH

Miếu địa: Vị trí tốt đẹp nhất đối với một sao. Miếu địa ví như nơi mà sao đó được thờ kính.

Vượng địa: Vị trí thuận lợi đối với một sao.

Đắc địa: Vị trí hợp với một sao.

Bình hòa: Vị trí không làm cho sao thêm sáng sủa, mà cũng không làm cho sao bị mờ ám.

Hãm địa: Vị trí bất lợi đối với một sao, làm cho sao đó bị mờ ám.

Sao tọa thủ: Sao đã được an tại một cung.

Sao đơn thủ: Sao đã được an tại một cung, nhưng không gặp Chính diệu (khắc) cũng tại cung đó.

Nhiều sao tọa thủ đồng cung: Nhiều sao đã được an tại cùng một cung.

Nhiều sao hội hợp: Nhiều sao gặp nhau tại cùng một cung, hay chiếu lẫn nhau.

Sao sáng sủa tốt đẹp: Sao có đặc tính tốt, hay sao đã được an tại một trong những vị trí mà đối với sao đó là Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa.

Sao mờ ám xấu xa: Sao có đặc tính xấu, hay sao đã được an tại vị trí mà đối với sao đó là Hãm địa.

III – ĐẶC TÍNH CÁC SAO

Tử Vi: Nam Bắc Đẩu tinh Dương Thổ

Đế tinh: Chủ tể các sao

Chủ: Uy quyền, tài lộc, phúc đức

- **Miếu địa:** *Tý, Ngọ, Dần, Thân:* thông minh, trung hậu, nghiêm cẩn, uy nghi.
- **Vượng địa:** *Thìn, Tuất:* thông minh, đa mưu túc trí, bất nghĩa, có oai phong.
- **Đắc địa:** *Sửu, Mùi:* thông minh, thao lược hay liều lĩnh.
- **Bình hòa:** *Hợi, Tý, Mão, Dậu:* kém thông minh, nhân hậu.
- An tại cung nào, giáng phúc cho cung đó.
- An tại Hợi, Tý, Mão, Dậu: kém rực rỡ, giảm uy lực, nên không cứu giải được tai ương, họa hại.

- Gặp Tướng, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu: uy quyền hiển hách. Tử gặp những sao này ví như vua gặp bề tôi trung lương có tài phò tá.
- Gặp Phủ: của cải súc tích. Phủ ví như thần coi kho của nhà vua.
- Gặp Lộc, Mã: Tăng thêm quyền lực.
- Làm cho Thất Sát thêm rực rỡ – Ban quyền hành cho Sát. Tử gặp Sát đồng cung ví như vua mang kiếm báu.
- Chế được tính hung ác của Hỏa, Linh.
- Kỵ, gặp Tuần, Triệt án ngữ và Kinh, Đà, Không, Kiếp, Tử gặp những sao này thật chẳng khác gì vua bị vây hãm, bị quân hung đồ làm hại, nên hay sinh ra những sự chẳng lành.

LIÊM TRINH: – Bắc Đẩu tinh Âm – Hỏa

Chủ: Quan lộc, hình ngục

- **Miếu địa:** Thìn, Tuất
- **Vượng địa:** Tý, Ngọ, Dần, Thân
- **Đắc địa:** Sửu, Mùi
- **Hãm địa:** Tỵ, Hợi, Mão, Dậu: khắc nghiệt
- Liêm Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, Thân: còn có thêm đặc tính như Đào Hoa, nên thường gọi là Đào Hoa thứ hai.
- Liêm Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa, gặp Xương, Phù hay Liêm Hãm địa: chủ sự kiện cáo, tù tội, nên gọi là Tù tinh.
- Liêm Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình kết hợp thành một bộ sao tác họa rất khủng khiếp.

THIÊN ĐÔNG: Nam Đẩu tinh Dương – Thủy

Phúc tinh – Chủ: phúc thọ

- **Miếu địa:** Dần, Thân
- **Vượng địa:** Tý
- **Đắc địa:** Mão, Tỵ, Hợi
- **Hãm địa:** Ngọ, Dậu, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
- Canh caui, thaát thồông, trung haäu, töø thieän. Chuû söï may maén, vui veù.
- canh – caui, thaát – thồông, nhaân haäu. Chuû: tai hoïa, thồ phi, kieän cao.

VŨ KHÚC: Bắc Đẩu tinh Âm – Kim

Tài tinh – Chủ: Tài lộc

- **Miếu địa:** Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
- **Vượng địa:** Dần, Thân, Tý, Ngọ
- **Đắc địa:** Mão, Dậu
- công nghò duỡng maõnh, taêng taøi, tieán loäc

- **Hãm địa:** *Ty, Hợi:* tham lam, ương ngạnh, phá tán.
- Có đặc tính như Cô, Quả.
- Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Sát tinh: không đáng lo ngại.

THÁI DƯƠNG – Nam Đẩu tinh Dương – Hỏa

Quý tinh – Chủ: Quan lộc

(Biểu tượng của mặt trời, của Cha, của Ông Nội: đối với đàn bà còn là biểu tượng của Chồng).

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Miếu địa: <i>Ty, Ngọ</i> • Vượng địa: <i>Dần, Mão, Thìn</i> • Đắc địa: <i>Sửu, Mùi</i> • Hãm địa: <i>Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý</i> | thông minh, nhân hậu, hôn
noùng nẫu, taêng taỏi, tieán
loắc, uy quyềan hieãn haùch

keùm thông minh, nhân hậu
hay nhaàm laãn, giaùm uy
quyềan |
|--|---|

- Miếu địa, Vượng địa: nếu sinh ban ngày là thuận lý, rất rục rỡ.
- Tăng thêm vẻ rục rỡ tốt đẹp, nếu gặp Đào, Hồng, Hỉ, Hỏa, Linh, Đắc địa.

Giảm bớt vẻ rục rỡ tốt đẹp, nếu gặp Riêu, Đà, Kỵ, hay Không, Kiếp.

- Miếu địa, Vượng địa gặp Tuần, Triệt án ngữ bị che lấp ánh sáng, thành mờ ám xấu xa.
- Hãm địa gặp Tuần, Triệt án ngữ để tăng thêm vẻ sáng sủa tốt đẹp.
- Đắc địa gặp Kỵ đồng cung thật là toàn mỹ, ví như mặt trời tỏa sáng có mây năm sắc châu một bên.

THIÊN CƠ: Nam Đẩu tinh Âm – Mộc

Thiên tinh – Chủ: Huynh đệ, phúc thọ.

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Miếu địa: <i>Thìn, Tuất, Mão, Dậu</i> • Vượng địa: <i>Ty, Thân</i> • Đắc địa: <i>Tý, Ngọ, Sửu, Mùi</i> • Hãm địa: <i>Dần, Hợi:</i> kém sáng suốt, từ thiện | saùng suoaít, kheùo
leùo, coù mầu cô,
nhaân haäu, tởø thieãn |
|---|--|

THIÊN PHỦ: Nam Đẩu tinh Âm – Thổ

Tài tinh – Quyền tinh

Chủ: tài lộc, uy quyền

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Miếu địa: <i>Dần, Thân, Tý, Ngọ</i> • Vượng địa: <i>Thìn, Tuất</i> • Đắc địa: <i>Ty, Hợi, Mùi</i> | nhaân haäu,
tởø thieãn
gia taêng quyềan,
loắc |
|--|--|

- **Bình hòa:** *Mão, Dậu, Sửu*
- Cứu giải bệnh tật, tai ương.
- Chế được tính hung ác của Kinh, Đà, Hỏa, Linh. Nhưng nếu gặp đủ bộ 4 sao này, uy quyền và tài lộc bị chiết giảm.
- Kỵ gặp Tuần, Triệt án ngữ và Thiên không, Không kiếp, Phủ gặp những sao này, ví như kho tàng bị phá vỡ, thường gây ra sự hao tán, bại hoại.

THÁI ÂM: Bắc Đẩu tinh Âm – Thủy

Phu tinh – Chủ: điền trạch

(Biểu tượng của mặt trăng, của Mẹ, của Bà Nội và của Vợ)

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Miếu địa: <i>Dậu, Tuất, Hợi</i> • Vượng địa: <i>Thân, Tý</i> • Đắc địa: <i>Sửu, Mùi</i> • Hãm địa: <i>Dần, mậu Thìn, Tỵ, Ngọ</i> | <p>khoan hoøa, nhaân haàu, töø thieän. Chuû söï phuù tuùc, nhieàu nhaø ñaát, hay gaëp may maén.</p> <p>töø thieän, keùm saùng suoát, hay nhaàm laãn. Chuû söï phaùt taùn suy</p> |
|---|--|
- Miếu địa, Vượng địa: sinh ban đêm ^{hải} thuận lý, rất sáng sủa tốt đẹp. Nếu sinh ban đêm trong khoảng từ mùng 1 đến ngày 15 là thượng huyền, thật là rực rỡ.
 - Tăng thêm vẻ rực rỡ tốt đẹp, nếu gặp Đào, Hồng, Hỉ.
 - Giảm bớt vẻ rực rỡ tốt đẹp, nếu gặp Riêu, Đà, Kỵ hay Kinh, Không, Kiếp.
 - Miếu địa, Vượng địa gặp Tuần, Triệt án ngữ: bị che lấp ánh sáng, thành mờ ám, xấu xa.
 - Hãm địa gặp Tuần, Triệt án ngữ: thành sáng sủa, tốt đẹp.
 - Đắc địa cần gặp Tuần Triệt án ngữ để tăng vẻ sáng sủa tốt đẹp.
 - Đắc địa gặp Kỵ đồng cung, thật là toàn mỹ ví như mặt trăng tỏa sáng, có mây năm sắc châu một bên.

THAM LANG: Bắc Đẩu tinh Âm – Thủy

Hung tinh – Dâm tinh

Chủ – họa phúc, uy quyền

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Miếu địa: <i>Sửu, Mùi</i> • Vượng địa: <i>Thìn, Tuất</i> • Đắc địa: <i>Dần, Thân</i> • Hãm địa: <i>Tỵ, Hợi, Tý
Ngọ, Mão, Dậu</i> | <p>ña duïc, öa Tồu saéc, chôi bôøi. Chuû: uy quyềan, tạøi loắc</p> <p>daâm, tham, hung baïo, chuyeân taùc hoïa, hay nhaàm laãn. Chuû söï xuaát theá.</p> |
|---|--|

CỰ MÔN: Bắc Đẩu tinh Âm – Thủy

Ấm tinh – Chủ: ngôn ngữ, thị phi

- **Miếu địa:** *Mão, Dậu*
- **Vượng địa:** *Tý, Ngọ, Dần*
- **Đắc địa:** *Thân, Hợi*

nha nhân haầu, vui veû, aên
noui ñanh theùp. Chuû: uy
quyeàn, taõi loắc

- **Hãm địa:** *Thìn, Tuất, Sửu
Mùi, Ty*

Gian traù, keùm saùng suoát, hay
nhaàm laãn, thồoøng gaây ra thò
phi, kieãn caùo, tai hoïa

- Vượng địa – Tý, Ngọ ví như ngọc quý giấu trong đá. Vậy cần gặp Hỏa, Lộc đồng cung hay Tuần, Triệt án ngữ, để vẻ sáng suốt, tốt đẹp được rõ rệt, cũng như đá đã được phá vỡ, ngọc lộ hẳn ra ngoài.
- Hãm địa gặp Khoa: chẳng đáng lo ngại về những sự chẳng lành. Khoa giải trừ được tinh hung của Cự Hãm địa.

THIÊN TƯỚNG: Nam Đẩu tinh Dương – Thủy

Quyền tinh – Dũng tinh

Chủ – Quan lộc, phúc thiện

- **Miếu địa:** *Dần, Thân*
- **Vượng địa:** *Thìn, Tuất, Tý, Ngọ*
- **Đắc địa:** *Sửu, Mùi, Ty, Hợi*
- **Hãm địa:** *Mão, Dậu*

ñoân haầu, can ñaâm, òa
thanh saéc, deã ñam meâ.
Chuû: Uy duỡng, coâng
danh, taõi loắc

- Chế được tính khắc nghiệt nóng nảy của Liêm.
- Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa: chế được tính hung ác của Sát tinh. Coi Sát tinh như sao tùy thuộc.
- Gặp Kinh đồng cung: ví như dao kề trên đầu, thường gây ra những sự chẳng lành.
- Gặp Tuần, Triệt án ngữ: ví như ông tướng mất đầu hay ấn ***** bị sút mẻ, nên mất hết quyền lực, lại thường gây ra những tai họa khủng khiếp.

THIÊN LƯƠNG: Nam Đẩu tinh Âm – Mộc

Thọ tinh – Âm tinh

Chủ: phụ mẫu, phúc thọ

- **Miếu địa:** *Ngọ, Thìn, Tuất*
- **Vượng địa:** *Tý, Mão, Dần, Thân*
- **Đắc địa:** *Sửu, Mùi*
- **Hãm địa:** *Dậu*

Nha nhân haầu, khoan hoợa, coù mỗu cô,
bieát quyeàn bieán, giaûi troờ beãnh
taät, tai hoïa.

nha nhân haầu, hay nhaàm laãn, nha nhân haầu, canh caùi, thaát
thồoøng, ham chôi

Ty, Hợi

THẤT SÁT: Nam Đẩu tinh Dương – Kim

Quyền tinh – Dũng tinh

Chủ: uy vũ, sát phạt

• **Miếu địa:** Dân, Thân, Tý, Ngọ

• **Vượng địa:** Ty, Hợi

• **Đắc địa:** Sửu, Mùi

• **Hãm địa:** Mão, Dậu

Thìn, Tuất

Can ãnũm, duõng maõnh
noùng naũy

hung baõo, lieàu lỏnh.
Hay gaũy tai hoĩa

• Gặp Kinh: thường gây ra những tai họa khủng khiếp.

PHÁ QUÂN: Bắc Đẩu tinh Âm – Thủy

Hung tinh – Hao tinh

Chủ: phu thê, hao tán

• **Miếu địa:** Tý, Ngọ

• **Vượng địa:** Sửu, Mùi

• **Đắc địa:** Thìn, Tuất

• **Hãm địa:** Mão, Dậu, Dân

Thân, Ty, Hợi

can ãnũm, duõng maõnh,
cõng muõi, ãoãi khi gian
hieãm

hung baõo, lieàu lỏnh, gian àuc, thõõng
gaũy ra sõi phaũ taũn, baũ hoãi, tai hoĩa

• Gặp Lương, Hỷ hay Lộc: chẳng đáng lo ngại nhiều về những sự chẳng lành do Phá gây ra. Nhưng sao này chế bớt được tính hung của Phá.

• Gặp Hao: lại càng phá tán, bại hoại.

KINH DƯƠNG (hay DƯƠNG NHẬN) ĐÀ LA

Bắc Đẩu tinh Âm – Kim (đối Hỏa)

Kinh dương: Hình tinh

Đà la: Kỵ tinh

Sàut tinh. Chuũ: sàut phaĩt

• **Đắc địa:** Thìn, Tuất, Sửu, Mùi: can đảm, dũng mãnh, quả quyết, thích nhanh chóng, sẵn sàng.

• **Hãm địa:** liêu lĩnh, hung bạo, độc ác, hay giết chóc phá hoại, gây tai họa, bệnh tật.

HỎA TINH – LINH TINH: Nam Đẩu tinh Âm – Hỏa

Sát tinh – Chủ: Sát phạt

• **Đắc địa:** Dân, Mão, Thìn, Ty, Ngọ

• Thâm trầm, nham hiểm, hay giết chóc, đốt phá, gây tai họa, bệnh tật.

- Giảm thọ nên gọi là Đoản thọ Sát tinh.

VĂN XƯƠNG: Bắc Đẩu tinh Dương – Kim (đối Thổ)

VĂN KHÚC: Nam Đẩu tinh Dương – Thủy (đối Hỏa)

Văn tinh – Chủ văn chương, mỹ thuật, khoa giáp

- **Đắc địa:** Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi
- Thông minh, hiểu học, ưa thích văn chương, mỹ thuật.
- Gặp sát tinh, Ky, Riêu: dâm dăng, giảm thọ.

THIÊN KHÔI: Nam Đẩu tinh Dương – Hỏa (đối Kim)

THIÊN VIỆT: Nam Đẩu tinh Âm – Hỏa (đối Mộc)

Văn tinh, Qui tinh – Chủ: khoa giáp, quyền tước.

- Còn được gọi là Thiên Ất, quý nhân.
- Thông minh, cao thượng, nhân hậu, từ thiện, ưa thích văn chương.
- Gặp Hỏa, Linh, Hình: gây tai họa khủng khiếp.

TẢ PHỦ: Bắc Đẩu tinh Dương – Thổ (đối Kim)

HỮU BẬT: Bắc Đẩu tinh Dương – Thủy (đối Thổ)

Trợ tinh, Phù tinh – Chủ quyền, lệnh: chuyên phò tá, giúp đỡ

- Gặp nhiều sao tốt đẹp: làm cho tốt đẹp thêm.
- Gặp nhiều sao xấu xa: làm cho xấu xa thêm.

LỘC TÔN: Bắc Đẩu tinh Dương – Thổ (đối Thủy)

Quý tinh – Chủ: quyền tước, tài lộc, phúc thọ

Thông minh, hiểu học, cô độc, nghiêm cẩn, nhân hậu, từ thiện, cứu khổn, phò nguy, giải trừ bệnh tật, tai họa.

- Gia tăng tài lộc, phú thọ.
- Triệt tiêu được tính dâm dăng, hoa nguyệt của Đào, Hồng.

ĐỊA KIẾP – ĐỊA KHÔNG: Hỏa

Sát tinh – Chủ: sát, phá tán

- **Đắc địa:** Dần, Thân, Tỵ, Hợi: thâm trầm, gian nguyet, hoành phát, hoành phá.
- **Hãm địa:** Bạo ngược, gian ác, phá tán, hay gây bệnh tật, tai họa.

THIÊN KHÔNG: Hỏa

- Hoang hử, phá tán, gian hùng, quỷ quyệt, nhưng chẳng làm nên việc gì.
- Cung Mệnh có Không, Đào tọa thủ đồng cung: xảo trá, đa mưu, túc trí.

- Cung Mệnh, Không, Hồng, tọa chủ đồng cung: thích ẩn dật, tu hành.

HÓA LỘC: Mộc (đối Thổ)

- Được tôn là thần của cung Phúc đức, là giám quan coi sóc, trông nom việc thu hoạch của cải tại cung Điền trạch và cung Tài bạch.
- Nhân hậu, từ thiện, cứu khổ, phò nguy. Giải trừ bệnh tật tai họa, tăng tài, tiến lộc. Giữ gìn chức vị, uy quyền.
- Gặp Tham, Vũ đồng cung: làm cho giàu có thêm.
- Gặp Lộc Tồn đồng cung: làm cho giàu có thêm.
- Gặp Kiếp, Không, Thiên Không hay Hao: hao tán, suy bại, gây tai họa.

HÓA QUYỀN: Mộc (đối Thủy)

- Mạnh bạo, mau mắn: oai vệ, thích nắm quyền hành.
- Gặp nhiều sao tốt đẹp: làm cho tốt đẹp thêm.
- Gặp nhiều sao xấu xa: làm cho xấu xa thêm.

HÓA KHOA: Mộc (đối Thủy)

- Thông minh, lịch lãm, uyên bác, nhân hậu, từ thiện.
- Tăng phúc, tăng thọ. Giải trừ bệnh tật, tai họa. Cứu khổ, phò nguy.
- Được tôn là thần Giám sát thi cử, chấp chương văn bài.
- Gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt: kết hợp thành một bộ Văn tinh.
- Gặp Quyền, Lộc: kết hợp thành một bộ Quý tinh, có ảnh hưởng nhiều đến công danh, tài lộc.
- Gặp sát tinh: vô hại.

HÓA KỶ: Thủy

- Đắc địa: *Thìn, Tuất, Sửu, Mùi*
- Độc hiểm, ích kỷ, hay ghen ghét, hay nhâm lẫn, gây bệnh tật, tai họa, thị phi, kiện cáo, nhưng giữ của cải bền vững.
- Đắc địa: đỡ lo ngại bệnh tật, tai họa.
- Tọa thủ tại Sửu, Mùi gặp Nhật, Nguyệt đồng cung làm cho Nhật, Nguyệt thêm rực rỡ, tốt đẹp. Kỵ ở đây ví như mây năm sắc che phủ mặt trời, mặt trăng.
- Tọa thủ tại Ty, Hợi, gặp Liêm, Tham đồng cung, chế được tánh hung của Liêm, Tham, Triệt tiêu được những sự chằng lằng do Liêm, Tham gây ra.
- Gặp Cự đồng cung: gây bệnh tật, tai họa khủng khiếp.
- Gặp Lương, Khúc hội hợp: bế tắc, ngăn trở, gây ra nhiều hung họa.

- Gặp Tấu Đà hội hợp: thị phi, kiện cáo, bệnh tật.
- Gặp Đà, Riêu: kết hợp thành bộ sao Tam ám, thường che lấp ánh sáng của Nhật Nguyệt.
- Hãm địa thủ Mệnh: nếu cung Mệnh thuộc Dương, năm sinh cũng thuộc Dương, Ky không thể tác họa mạnh mẽ được. Trong trường hợp này, ảnh hưởng xấu xa của Ky đã bị chiết giảm.

ĐẠI HAO – TIỂU HAO Hỏa – Bại tướng

- **Đắc địa:** Dân, Thân, Mão, Dậu

Hoang hỷ, làm hao hụt tài lộc. Gây ra sự ly tán, xa cách.

TANG MÔN: Mộc

BẠCH HỔ: Kim

Bãi tinh

- **Đắc địa:** Dân, Thân, Mão, Dậu
- Dũng mãnh, bạo tợn, bi thảm. Gây tang thương, bệnh tật, tai họa. Làm hao hụt tài lộc. Nếu hãm địa: lại phương hại đến công danh.
- Gặp Tấu đồng cung: ví như Hổ đội hòm sắt: lợi ích cho việc học hành, thi cử, cầu công danh. Chủ: chức vị, quyền thế.
- Gặp Phi đồng cung, ví như Hổ mọc cánh: vui vẻ, nhanh nhẹn, lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh, đem những sự may mắn đáng mừng đến một cách mau chóng.
- Chủ: chức vị, quyền thế.

THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ: Thủy – Bại tinh

- **Đắc địa:** Tý, Ngọ, Mão, Dậu, Sửu, Mùi
- Đa sầu, đa cảm, buồn rầu, hoảng hốt, hay suy nghĩ xa xôi, gây ra bệnh tật, tang thương, làm ngăn trở mọi công việc buổi đầu (tiên trở, hậu thành). Nếu Đắc địa lại khiến cho lời nói thêm đanh thép.

THIÊN MÃ: Hỏa

- **Đắc địa:** Tý, Dân.
- Tháo vát, may mắn, nhanh nhẹn, hay đi xa. Chủ sự di chuyển, sự thay cũ đổi mới, mọi sự có liên quan đến chân tay, xe cộ. Có ảnh hưởng nhiều đến công danh, tài lộc và phúc thọ.
- Cung Mệnh Thân đã có Mã tọa thủ (Dịch Mã) là người đa tài.
- Tọa thủ tại Dân, Thân gặp Tử, Phủ, đồng cung (Phù du Mã: ngựa kéo xe cho vua chúa): tài giỏi, thao lược, có uy quyền hiển hách, giàu sang đến tột bậc, phúc thọ song toàn).

- Gặp Nhật, Nguyệt sáng sủa hội hợp (Thư hùng Mã: ngựa tốt đủ đôi): đa tài, giàu sang, vinh hiển.
- Lộc tồn đồng cung (Chiết tiễn: bẻ roi đánh ngựa) mọi sự chóng thành tựu, công danh, tài lộc đều hưng vượng.
- Lộc tồn xung chiếu (Lộc, Mã giao trì: Lộc, Mã gặp nhau): mau mắn, vui vẻ, mọi sự hanh thông, tài, quan song mỹ.
- Hỏa (hay Linh) đồng cung (Chiến Mã: ngựa ra trận) dũng mãnh. Chủ quân sự, binh quyền.
- Khốc, Khách hội hợp (Tuấn Mã: ngựa tốt – Mã gặp Khốc, Khách, ví như ngựa đeo nhạc hay (Khốc) lại có người cưỡi tài giỏi (Khách): dũng mãnh thao lược. Chuyên về quân sự. Có liên quan đến việc chinh chiến.
- Hình đồng cung (phù thi Mã: ngựa mang xác người chết): gây tai họa khủng khiếp, chết chóc thâm.
- Đà đồng cung, hay xung chiếu (chiết túc Mã: ngựa què) suy bại. Gây ra sự ngăn trở trong mọi công việc: gây tai họa.
- Tuyệt đồng cung: hay Tọa thủ tại Hợi (cùng đồ Mã: ngựa cùng đường, hết lối chạy), bất tắc, thất bại.
- Tuần, Triệt án ngữ (Tử mã: ngựa chết) gây tai họa, bại hoại, chết chóc.

THIÊN HÌNH: Hỏa

- **Đắc địa:** *Dần, Thân, Mão, Dậu*
- Dũng mãnh, sát phạt, có oai phong. Liên quan đến sự chém giết, mổ cắt, châm chích. Chuyên về quân sự, chế được tính hoa nguyệt, dâm dăng của Đào, Hồng.
- Cung Mệnh, Thân an tại Dần, có Hình Tọa thủ, đắc cách (Hổ hàm kiếm: Hổ ngậm kiếm): dũng mãnh tài giỏi, biết điều khiển ba quân, thường hiển đạt về võ nghiệp.
- Gặp Tướng, Binh, Ấn kết hợp thành bộ sao uy dũng kiêm nhiếp cả văn võ.
- Gặp Sát tinh: gây tai họa khủng khiếp, dâm chém, giết chóc, tù đầy.
- Gặp Lộc, Y: có liên quan đến y dược.
- Gặp Tuần, Triệt án ngữ: mất hết uy lực: ví như thanh kiếm gãy.

THIÊN RIÊU: Thủy

- **Đắc địa:** *Dần, Mão, Mậu, Tuất*
- Đa nghi, huyễn hoặc, có tín ngưỡng, nếu Hãm địa thì dâm dăng.
- Đắc địa: chìm vào tửu sắc cũng không bị nhơ nhuốc, hư hại. Riêu Đắc địa ví như sen mọc trong bùn.
- Hãm địa: nguy khốn vì tửu sắc.
- Gặp Xương, Khúc: dâm dăng, giảm thọ.

- Gặp Đào, Hồng: lẳng lơ, hoa nguyệt, bất chính.
- Gặp Long, Phượng: tốt đẹp, vui vẻ. Có liên quan đến việc cưới hỏi, sinh nở, làm cho công danh tài lộc hưng vượng.
- Cung Mệnh có Riêu Tọa thủ: răng xấu, hay đau. Nếu Riêu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp: không thể sống lâu được.

LONG TRÌ: Thủy

PHƯỢNG CÁC: Mộc (đối Thổ)

- Thông minh nhân hậu, ôn hòa, vui vẻ, bình thường. Có liên quan đến việc cưới hỏi, sinh nở. Dem lại nhiều may mắn, làm cho công danh tài lộc hưng vượng, làm cho nhà đất thêm cao đẹp, rộng rãi.
- Gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu: kết hợp thành bộ “hiền thần” chuyên phò tá Tử, Phủ, khiến uy quyền của Tử, Phủ càng thêm hiển hách.
- Gặp Phi đem lại những sự may mắn, vui mừng một cách nhanh chóng.

TAM THAI: Thủy

BÁT TỌA: Mộc

- Khôn ngoan, bệ vệ, phúc hậu, thích an nhàn. Dem lại sự.
- Làm cho nhà đất thêm cao đẹp.

ÂN QUANG: Mộc

THIÊN QUÍ: Thổ

- Thông minh, vui vẻ, ôn hòa, trọng ân nghĩa. Nhân hậu, từ thiện. Cứu khổ, phò nguy. Giải trừ bệnh tật tai họa. Dem lại nhiều sự may mắn. Chế được tinh hoa nguyệt, dâm đăng của sao Đào, Hồng.
- Gặp Sát tinh vô hại.

ĐÀO HOA: Mộc

HỒNG LOAN: Thủy (đối Kim)

- Vui vẻ, mau mắn, đa tình, lẳng lơ, hoa nguyệt. Chủ mọi sự thuộc về đàn bà, con gái.
- Có ảnh hưởng đến vợ hay chồng. Có lý do đến việc cưới hỏi, lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh. Dem lại nhiều sự vui mừng.
- Làm cho Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt thêm rực rỡ, tốt đẹp.
- Đào, Hồng, Hỉ, kết hợp thành bộ sao Tam Minh, gia tăng sức sáng cho Nhật, Nguyệt.
- Cung Mệnh, Thân có Đào hay Hồng Tọa thủ: đàn ông hai đời vợ (hay có vợ lẽ), đàn bà hai đời chồng.
- Cung Mệnh có Đào hay Hồng Tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội, hợp tất không thể sống lâu được.

- Đàn bà mà cung Mệnh, Thân có Đào hay Hồng Tọa thủ, gặp Riêu, Đà, Kỵ hội hợp là người bất chính, không giữ được toàn danh tiết. Nếu Đào hay Hồng lại gặp Bình, Tướng, Thai hội hợp tất bị hãm hiếp của chửa hoang.

THIÊN HỈ: Thủy

- Vui vẻ, hòa nhã, đem lại nhiều sự may mắn đáng mừng, lợi ích cho công việc cầu danh, cưới hỏi và sinh nở.

THAI PHỤ: Kim (đôi Thổ)**PHONG CÁO:** Thổ (đôi Thủy)

Tự đắc, khoe khoang, hiếu danh, ưa hình thức bề ngoài. Lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh. Chủ: bằng sắc.

QUỐC ẤN: Thổ

- Lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh. Gìn giữ chức vị, quyền hành.
- Gặp Tuần, Triệt án ngữ: ngăn trở mọi công việc, bế tắc, thất bại. Bãi miễn chức vị.

ĐƯỜNG PHÙ: Mộc

- Đường bệ, uy nghi. Lợi ích công việc cầu công danh. Giúp cho việc mua tậu nhà đất được dễ dàng, làm cho nhà đất thêm cao đẹp, rộng rãi.
- Gặp Hổ đồng cung: có sự bất bố, tù đầy.

THIÊN THỌ: Thổ

- Điềm đạm, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện, gia tăng phúc thọ.

BÁC SĨ: Thủy

- Thông minh, khoan hòa, nhân hậu. Lợi ích cho việc học hành thi cử. Giải trừ bệnh tật.

LƯU NIÊN VĂN TINH: Hỏa

- Thông minh, chuộng bằng sắc. Lợi ích cho việc học hành thi cử, cầu công danh.

HOA CÁI: Kim

- Đẹp đẽ, bên ngoài có vẻ uy nghi. Chủ: Phú quý, quyền thế. Lợi ích cho việc cầu công danh.
- Gặp Hổ, Long, Phượng: kết hợp thành bộ sao Tứ Linh. Chủ: công danh, chức vị, uy quyền.
- Gặp Mộc, Riêu hội hợp: có tính dâm dăng.
- Cung Mệnh có Cái, Tấn Tọa thủ đồng cung: người thanh cao.

THIÊN TRÙ: Thổ

- Hay ăn uống, thích rượu thịt. Gia tăng tài lộc.

THIÊN QUAN QUÍ NHÂN: Hỏa

THIÊN PHÚC QUÍ NHÂN: Thổ

- Có đức độ, có lòng tín ngưỡng tôn giáo, nhân hậu, từ thiện, cứu khổ, phù nguy. Giải trừ bệnh tật, tai họa. Gia tăng phúc thọ.

THIÊN GIẢI: Hỏa

ĐỊA GIẢI: Thổ

GIẢI THẦN: Mộc

- Có đức độ, khoan hòa, nhân hậu, từ thiện, cứu khổ, phù nguy. Giải trừ bệnh tật tai họa. Gia tăng phúc thọ.
- Cung Điền trạch hay cung Tài bạch có Giải thần Tọa thủ, tất không thể giàu có lớn được. Cửa cải hay bị hao hụt.

THIÊN ĐỨC – NGUYỆT ĐỨC: Hỏa

- Có đức độ, đoan chính, nhân hậu. Giải trừ được những bệnh tật nhỏ. Chế được tinh hoa nguyệt, dâm dăng của Đào, Hồng.

THIÊN Y: Thủy

- Sạch sẽ, cẩn thận, cứu giải bệnh tật.

CÔ THẦN, QUẢ TÚ: Thổ

- Cô độc, lạnh lùng, khó tính, khắc nghiệt, không thích giao thiệp. Giữ gìn của cải bền vững. Có hại cho việc cưới hỏi, cho sự đoàn tụ, chung sống của vợ chồng và sự tiếp nối giòng dõi.

ĐẤU QUÂN: Hỏa

- Nghiêm nghị, khắc nghiệt. Giữ gìn của cải bền vững. Không lợi ích cho sự sinh nở.
- Gặp nhiều Sát tinh hội hợp: gian giả, quỷ quyết.
- Cung Quan lộc có Đẩu Tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sủa, tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ: được hưởng phú quý song toàn, lại có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy.

THIÊN THƯƠNG: Thổ

THIÊN SỬ: Thủy

- Buồn thảm. Ngăn trở mọi công việc. Dem lại nhiều sự không may, gây tang thương, bệnh tật, tai họa.
- Gặp Xương, Khúc: tác họa một cách khủng khiếp.

KIỆP SÁT: Hỏa

- Sát phạt giết chóc, gây tai họa. Chủ: sự đâm chém, mổ cắt, châm chích.
- Tọa thủ tại cung Mệnh hay cung Tật ách, có đặc tính như Địa kiếp, thường gọi là Địa kiếp thứ hai.

LƯU HÀ: Thủy

- Thâm trầm, gian hiểm, độc ác, sát phạt, giết chóc, gây tai họa.
- Gặp Kiếp Sát đồng cung: tác họa một cách khủng khiếp.
- Cung Mệnh có Lưu Tọa thủ: đàn ông chết ở giữa nơi đường xá: đàn bà chết khi lâm bồn.

PHÁ TOÁI: Hỏa (đôi Kim)

- Táo bạo, chống chán, phá ngang, hao tán. Gây trở ngại trong mọi công việc.
- Cung Mệnh có Lưu Tọa thủ gặp Phá đồng cung (toán Quân lương phá): dừng mãi, hiển đạt về võ nghiệp, có uy danh lừng lẫy.

THIÊN TÀI: Thổ

- Gặp sao mờ ám xấu xa: giảm bớt ảnh hưởng xấu của sao đó.
- Gặp sao sáng sửa tốt đẹp: giảm bớt ảnh hưởng tốt của sao đó.
- Gặp Nhật, Nguyệt sáng sửa (Tài, Nhật đồng cung hay Tài, Nguyệt đồng cung): che lấp ánh sáng của Nhật, Nguyệt,...
- Gặp Nhật, Nguyệt mờ ám (Tài, Nhật đồng cung, hay Tài, Nguyệt đồng cung): làm cho Nhật Nguyệt sáng tỏ.
- Gặp Nhật, Nguyệt đồng cung tại Sửu, Mùi (Tài, Nhật, Nguyệt đồng cung) làm cho Nhật, Nguyệt thêm rực rỡ tốt đẹp.

THIÊN LA – ĐỊA VÕNG

- Hiểm ác, kìm hãm. Gây rắc rối, ngăn trở mọi công việc. Chủ: sự bắt bớ, giam cầm.

THÁI TUẾ: Hỏa

- Khinh người, lạnh lùng, không thích giao thiệp, ít cảm tình. Biết xét đoán, hay lý luận.
- Gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp, hội hợp: nói năng đanh thép, hùng hồn. Chủ: phú quý, uy quyền.
- Gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt: kết hợp thành bộ Văn tinh: lợi ích cho việc làm ăn, học hành, thi cử, cầu công danh.
- Gặp Đà, Ky: ngăn trở mọi công việc, gây rắc rối, tổn hại đến công danh, quyền thế, tài lộc. Chủ: thị phi, kiện cáo, tranh chấp, giam cầm, bệnh tật, tang thương.
- Gặp Sát tinh: chiết giảm phúc thọ, tổn hại đến công danh, quyền thế, tài lộc. Gây ra nhiều sự chẳng lành. Chủ: thị phi, kiện cáo, tù tội, bệnh tật, tai nạn, tang thương.

- Cung Mệnh có Tuế, Cái, Tọa thủ đồng cung: ăn nói kiêu kỳ.

THIỆU DƯƠNG: Hỏa**THIỆU ÂM:** Thủy

- Thông minh, vui vẻ, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện. Giải trừ những bệnh tật, tai họa nhỏ.
- Thiệu dương gặp Nhật sáng sửa đồng cung: rất rực rỡ tốt đẹp. Đây, Thiệu âm ví như mặt trăng thứ hai.
- Thiệu dương hay Thiệu âm gặp Khoa, hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu: kết hợp thành bộ sao gia tăng phúc thọ, cứu khổ phò nguy: giải trừ bệnh tật, tai họa.

QUAN PHÙ: Hỏa

- Biết xét đoán, lý luận. Hay giúp đỡ. Chủ: thị phi, kiện cáo, những việc có liên quan đến pháp luật.
- Gặp sao tốt đẹp: làm cho tốt đẹp thêm.
- Gặp sao xấu xa: làm cho xấu xa thêm.
- Gặp Xương, Khúc, Tuế: lợi ích cho những việc có liên quan đến pháp luật.
- Gặp Liêm, Tang, Hổ: tổn hại đến công danh, quyền thế. Tác họa một cách khủng khiếp. Chủ: bệnh tật, tai nạn, tang thương, thị phi, kiện cáo, tù tội.
- Gặp Tuế, Đà, Ky: tổn hại đến công danh, quyền thế. Gây rắc rối, ngăn trở mọi việc. Chủ: thị phi, kiện cáo, giam cầm.

TỬ PHÙ – TRỰC PHÙ: Hỏa

- Buồn thảm. Chủ: tang thương. Gây rắc rối, ngăn trở mọi việc.

TUẾ PHÁ: Hỏa

- Ngang ngược, phá tán.
- Cung Mệnh, Thân có tuế, Phá Tọa thủ: răng xấu, hay đau.

LONG ĐỨC: Thủy**PHÚC ĐỨC:** Thổ

- Có đức độ, đoan chính, hòa nhã, nhân hậu, từ thiện. Giải trừ những bệnh tật, tai họa.
- Gặp Thiên Đức, Nguyệt đức, kết hợp thành bộ Tứ Đức chế được tính hoa nguyệt, dâm đảng của Đào, Hồng.

HIẾU KHÁCH: Hỏa

- Khinh người. Hay khoe khoang, nói năng không cần thận. Ham chơi. Chủ: bệnh tật, đau yếu, tai nạn, tang thương.
- Gặp Tang Hình: gây ra không sự chẳng lành, như tai nạn xe cộ, ngã, bệnh tật, tang thương.

LỰC SĨ: Hỏa

- Có sức khỏe, mạnh bạo, nhanh nhẹn. Hay ăn uống
- Chủ: uy lực.
- Gặp sao tốt đẹp: làm cho tốt đẹp thêm. Đem những sự may mắn đáng mừng đến một cách nhanh chóng.
- Gặp sao xấu xa: làm cho xấu xa thêm. Đem những sự chẳng lành đến một cách nhanh chóng.

THANH LONG: Thủy

- Vui vẻ, hòa nhã. Lợi ích cho việc cầu công danh, cưới hỏi, sinh nở. Giải trừ những bệnh tật tai họa nhỏ.
- Tọa thủ tại Tứ Mộ, gặp Kỵ đồng cung – đây, Thanh Long ví như rồng xanh ẩn trong đám mây năm sắc: rất rực rỡ tốt đẹp. Chủ: phú quý, uy quyền, đem lại nhiều sự may mắn đáng mừng.
- Gặp Lưu đồng cung – đây, Thanh Long ví như rồng xanh vùng vẫy trên sông lớn: rất rực rỡ tốt đẹp. Lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh.

TƯỚNG QUÂN: Mộc

- Can đảm, dũng mãnh, hiên ngang, kiêu căng, có óc lãnh tụ, thích cầm đầu. Lợi ích cho việc cầu công danh.
- Chủ: uy quyền, những việc có liên quan đến quân sự.
- Gặp Thiên, Tướng đồng cung: uy quyền hiển hách.
- Gặp Tuần, Triệt án ngữ, ví như ông tướng cụt đầu (Đoản đầu Tướng quân): tổn hại đến công danh, quyền thế. Chủ: sự truất giáng, bãi cách. Chủ: tai nạn, xe cộ hay đao súng, sát hại rất khủng khiếp.
- Đàn bà mà cung Mệnh có tướng Tọa thủ: hay ghen tuong, hay lấn át chồng.

TẤU THỦ: Kim

- Vui vẻ, nói năng khôn khéo. Lợi ích cho việc làm văn, đàm luận và đàn hát.

PHI LIÊM: Hỏa

- Vui vẻ, nhanh nhẹn, nhưng không lợi ích cho việc sinh nở.
- Gặp nhiều sao tốt đẹp: đem những sự may mắn đáng mừng đến một cách nhanh chóng.
- Gặp nhiều sao xấu xa: đem những sự chẳng lành đến một cách mau chóng.
- Gặp Việt, Hỏa, Linh, Hình: ví như mũi tên hòn đạn. Chủ: sự đâm, chém, bắn, giết.
- Tọa thủ tại cung Tử tức: giảm bớt số con.
- Tọa thủ tại cung Huynh đệ: giảm bớt số anh, chị em.

HỈ THẦN: Hỏa

- Vui vẻ. Đem lại những sự may mắn đáng mừng. Lợi ích cho việc cưới hỏi.
- Gặp Long, Phượng: rất rực rỡ tốt đẹp. Chủ: sự vui mừng. Lợi ích cho việc thi cử, cầu công danh, cưới hỏi, sinh nở.

BỆNH PHÙ: Thổ (đối Mộc)

- Đau yếu, buồn rầu. Chủ: bệnh tật.
- Cung Mệnh có bệnh Tọa thủ: ốm yếu, da xanh xao vàng vọt.
- Cung Mệnh hay cung Tật ách có Bệnh Tọa thủ lại gặp Đào, Hồng, Riêu hội hợp: chắc chắn là mắc bệnh phong tình.

PHỤC BINH: Hỏa

- Gặp nhiều sao tốt đẹp: hay giúp đỡ, phò tá. Chủ: những việc có liên quan đến quân sự.
- Gặp nhiều sao xấu xa: giam quyền, hay lừa đảo, trộm cắp. Chủ: những việc ám muội, hãm hại.

QUAN PHÙ: Hỏa

- Gây rắc rối, phiền nhiễu. Ngăn trở mọi công việc.

TRƯỜNG SINH: Thủy

- Nhân hậu, từ thiện, có độ lượng. Gia tăng phúc thọ. Lợi ích cho việc sinh nở. Chủ: bền vững, lâu dài.
- Tọa thủ tại Dần, Thân, Tỵ gặp Mã đồng cung: làm cho mọi công việc được dễ dàng, chóng thành tựu. Đem lại nhiều sự may mắn đáng mừng. Chủ: công danh, quyền thế.
- Tọa thủ tại Hợi gặp Mã đồng cung: chủ sự trắc trở, vất vả không lợi ích cho việc cầu công danh.
- Tọa thủ tại cung Tật ách, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp: có bệnh tật, đau yếu lâu khỏi.

MỘC DỤC: Thủy

- Hay thay đổi, canh cải, chán nản, bỏ dở công việc. Dâm dật, u mê, nhầm lẫn. Chủ: sự tầm gọi, làm giáng, sự đi xa.
- Gặp Đào, Hồng, Riêu, Cái: chủ bệnh tật, tai họa do sắc dục gây ra.
- Cung Mệnh có Mộc tọa thủ, nếu không gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp, tất chuyên về công nghệ, thợ làm vàng bạc, thợ rèn.
- Cung Mệnh vô Chính diệu có Mộc hoặc tọa thủ, hoặc xung chiếu: hay bỏ dở công việc, học hành gián đoạn, dù có học nhiều cũng không thành tài.

QUAN ĐỐI: Kim

- Ham thích công danh. Chủ: chức vị, quyền thế.
- Gặp nhiều sao mờ ám xấu xa: gây rắc rối, phiền nhiễu, ngăn trở mọi công việc.
- Gặp nhiều Sát tinh, Bại tinh, ví như sợi dây thắt cổ. Chủ sự trói buộc, tự ải.

LÂM QUAN: Kim

- Khoe khoang, thích làm giáng, lấy điện, nói năng kiêu cách.
- Gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp: chủ sự phát đạt, vui vẻ.
- Gặp nhiều sao mờ ám xấu xa: chủ sự phiền nhiễu, ngăn trở mọi công việc.

ĐẾ VƯỢNG: Kim

- Uy nghi, đường bệ, vui vẻ, nhân hậu, từ thiện. Gia tăng phúc thọ, giải trừ bệnh tật, tai họa, lợi ích cho công danh, quyền thế, tài lộc. Chủ: sự sinh sản nhiều và mau chóng: sự thịnh đạt.
- Cung Mệnh, Thân có vượng tọa thủ, gặp Tử Vi đại ca: có tài lãnh đạo.

SUY: Thủy

- Yếu đuối, hèn kém. Chủ: sự sa sút, suy bại.

BỆNH: Hỏa

- Đau yếu, suy nhược, buồn rầu, khờ khạo, hay nhầm lẫn. Chủ: bệnh tật.

TỬ: Thủy

- Thâm trầm, kín đáo. Hay suy nghĩ sâu xa, đa sầu, đa cảm. Chiết giảm phúc thọ. Chủ sự chết chóc, tang thương, sầu thảm.
- Cung Điền trạch hay cung Tài bạch có Tử tọa thủ rất có tiền bạc, quý vật chôn giấu, lại là người cần kiệm, biết giữ của.

MỘ: Thổ

- Ngu si đần độn, u mê. Chủ: sự nhầm lẫn, sự chôn cất.
- Cung Phúc đức, an tại Tứ Mộ có Mộ tọa thủ: rất rục rở tốt đẹp. Trong họ có âm phần đã kết phát, ba bốn đời giàu sang vinh hiển.

TUYỆT: Thổ

- Chủ: sự bại hoại, tiêu tán, khô cạn. Làm bế tắc mọi công việc. Chiết giảm phúc thọ.
- Cung Mệnh có Tuyệt tọa thủ: khôn ngoan, đa mưu, túc trí.

THAI: Thổ

- Ngu dốt, mê muội, hay nhầm lẫn, a dua, chơi bời. Chủ: sự giao hợp, thụ thai, sinh nở.

- Thai tọa thủ tại bất cứ cung nào, gặp Tuần, Triệt án ngữ, hay gặp nhiều Sát tinh, Bại tinh, hội hợp: mới lọt lòng mẹ đã đau yếu, quặt quẹo: thường là sinh thiếu tháng.

DUỠNG: Mộc

- Chăm chỉ, cẩn thận. Chủ: sự phù trì, nuôi nấng, chăn giắt. Tọa thủ tại cung:
- **Mệnh:** được nhiều người yêu mến. Nuôi súc vật rất dễ dàng.
- **Thân:** có nhiều con.
- **Phúc đức** hay **Mệnh:** làm con nuôi người khác.
- **Tật ách:** gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp: có nhiều bệnh tật, đau yếu lâu khỏi.
- **Tử tức:** có con nuôi.
- **Huynh đệ:** có anh chị, em nuôi.

IV – NHẬN ĐỊNH KHÁI QUÁT VỀ CUNG MỆNH VÀ CUNG THÂN

1 – Từ lúc lọt lòng mẹ cho đến năm 30 tuổi, phải căn cứ vào cung Mệnh để xem xét một sự tốt xấu và luận đoán vận hạn: còn từ 30 tuổi trở đi, phải căn cứ vào cung Thân. Nhưng dù sao, cũng vẫn phải chú ý đến cung Mệnh.

2 – Dương cư Dương vị: năm sinh thuộc Âm, cung an Mệnh cũng thuộc Âm, như vậy là *thuận lý độ số gia tăng*.

Dương cư Âm vị: năm sinh thuộc Dương, cung Mệnh thuộc Âm – hay *Âm cư Dương vị:* năm sinh thuộc Âm, cung Mệnh thuộc Dương, như vậy là *ngịch lý, độ số giảm thiểu*.

3 – Nhận định cung Mệnh là Sinh địa, Vượng địa, Bại địa, hay Tuyệt địa

Phải căn cứ vào Bản Mệnh và coi bảng dưới đây:

BẢN MỆNH	CUNG MỆNH			
	Sinh Địa	Vượng Địa	Bại Địa	Tuyệt Địa
Kim	Tỵ	Dậu	Ngọ	Dần
Mộc	Hợi	Mão	Tý	Thân
Hỏa	Dần	Ngọ	Mão	Hợi
Thủy – Thổ	Thân	Tý	Dậu	Tỵ

Thí dụ: Kim Mệnh – cung Mệnh an tại Tỵ là Sinh địa: rất tốt.

- Mộc Mệnh – cung Mệnh an tại Mão là Vượng địa: được nhiều lợi ích.
- Hỏa Mệnh – cung Mệnh an tại Mão là Bại địa: rất xấu.
- Thủy Mệnh hay Thổ Mệnh – cung Mệnh an tại Tỵ là Tuyệt địa: giảm thọ, rất đáng lo ngại.

A – Cung Mệnh là Bại địa dù có gặp vận hạn tốt đẹp cũng chẳng được lâu bền, ví như cành hoa mong manh, sớm nở tối tàn.

B – Cung Mệnh là Tuyệt địa, rất cần phải có Chính diệu sáng sủa tốt đẹp tọa thủ hay Khoa, Quyền, Lộc hội hợp để cứu giải. Nếu không rất đáng lo ngại.

Chính diệu cứu giải lại phải là cứu Chính diệu sinh được Bản Mệnh.

Thí dụ: Thủy Mệnh, cung Mệnh an tại Tỵ là tuyệt địa, vậy cần phải có Văn Khúc tọa thủ để cứu giải, vì Văn Khúc thuộc Kim, sinh nhưng Thủy Mệnh.

C – Cung Mệnh là tuyệt địa, có Chính diệu sinh được Bản Mệnh tọa thủ để cứu giải, gọi là **Tuyệt xứ phù sinh**, cũng ví như cành hoa tuy mong manh nhưng lâu tàn. Vậy cho nên cũng chẳng đáng lo ngại nhiều.

4 – Đàn ông sinh năm Ngọ, Mùi, cung Mệnh an tại Tỵ, Sửu: suốt đời vất vả, chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

5 – Đàn bà, cung Mệnh an Tứ Mộ: đảm đang, khôn ngoan. *Cung Mệnh an tại Dậu*: ra ngoài được nhiều người yêu mến vị nể. *Cung Mệnh an tại Tỵ, Ngọ*: suốt đời an nhàn.

6 – Cung Mệnh sinh được Chính diệu tọa thủ – Chính diệu tọa thủ lại sinh được Bản Mệnh, như vậy là *thuận lý*, độ số gia tăng.

Thí dụ: Cung Mệnh an tại Mão, thuộc Mộc, có Thái dương thuộc Hỏa tọa thủ, Bản Mệnh lại thuộc Thổ. Như vậy là thuận lý, vì cung Mộc sinh được Chính diệu thuộc Hỏa. Chính diệu thuộc Hỏa lại sinh được Thổ Mệnh. Đây, chắc chắn là độ số gia tăng.

7 – Chính diệu thủ Mệnh sinh cung Mệnh – hay Bản Mệnh sinh Chính diệu thủ Mệnh: như vậy là *ngịch lý*, độ số giảm thiểu.

8 – Cung Mệnh khắc Chính diệu tọa thủ, hay Chính diệu thủ Mệnh khắc Bản Mệnh: như vậy cũng là *ngịch lý* thì độ số cũng giảm thiểu, nhưng đáng lo ngại hơn trường hợp trên.

9 – Cung Mệnh có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp gặp nhiều Sát tinh hay Bại tinh xâm phạm, tuy cũng được hưởng phú quý, nhưng thăng giáng thất thường và hay phải lao tâm khổ tứ.

10 – Cung Mệnh không có Chính diệu tọa thủ gọi là Mệnh vô Chính diệu.

Người có Mệnh vô Chính diệu rất *khôn ngoan sắc sảo và thường là con vợ lẽ hay con nàng hầu*. Nếu là con vợ cả, tất *hay đau yếu, sức khỏe rất suy kém*. Không những thế, *lúc thiếu thời lại rất vất vả, thường lang thang phiêu bạt, vô sở, bất chi*.

Mệnh vô Chính diệu rất cần có *Tuân Triệt án ngữ và Thiên Địa không hội hợp*. Nếu không phải có nhiều Chính diệu sáng sủa, tốt đẹp hội chiếu và nhiều Trung tinh rực rỡ quần tụ. Như thế mới mong sống lâu được.

Mệnh vô Chính diệu mà không gặp sự cứu giải của các sao như đã kể trên, thật đáng lo ngại. Đây, muốn tăng tuổi thọ, *tất phải làm con nuôi họ khác, hay phải sởi gia đình.*

11 – Cung Mệnh và cung Thân đều sáng sủa tốt đẹp: độ số gia tăng. Chắc chắn là suốt đời được xứng với ý toại lòng.

12 – Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, cung Thân mờ ám xấu xa: lúc thiếu thời sung sướng. Nhưng đến lúc đứng tuổi, về già lại chẳng mấy khi được toại ý.

13 – Cung Mệnh mờ ám xấu xa, cung Thân sáng sủa tốt đẹp: lúc thiếu thời thường phải lao tâm khổ tứ. Nhưng đến lúc đứng tuổi, về già lại sung sướng.

14 – Cung Mệnh có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhưng cung Thân lại có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hơn hội hợp. Như vậy gọi là Mệnh nhược Thân cường: suốt đời cũng được xứng ý toại lòng, nhưng không thể giàu có lớn được.

15 – Cung Mệnh và cung Thân đồng nhất gọi là Mệnh Thân đồng cung.

A – **Tại Tứ Mộ, vô Chính diệu:** cùng khổ và giảm thọ. Đây rất cần phải có Tuần, Triệt án ngữ, hay nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp cứu giải. Như vậy cũng đỡ lo ngại, suốt đời cũng được no cơm ấm áo.

B – **Tại Tý, Ngọ, vô Chính diệu,** nếu có nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp: cùng khổ hay chết non: cũng ví như đóa hoa mới nở đã bị mưa gió vùi dập phủ phàng. Đây, nếu có *Hóa Lộc tọa thủ thì giàu nhưng giảm thọ.* Trái lại, nếu không có *Hóa Lộc tọa thủ thì nghèo mà sống lâu.*

16 – Cung Mệnh có Thân án ngữ: cung Thân có Triệt án ngữ: gọi là Mệnh Tuần, Thân Triệt. Đây, cung Mệnh hay cung Thân rất cần phải có *Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương sáng sủa tốt đẹp hội hợp.* Có như thế, suốt đời mới được xứng ý toại lòng. Nhất là khi về già mới có danh giá và được an nhàn.

17 – Cung Mệnh có Triệt án ngữ: cung Thân có Tuần án ngữ, gọi là Mệnh Triệt, Thân Tuần. Đây, cung Mệnh và cung Thân *rất cần phải có vô Chính diệu.* Có như thế, suốt đời mới được xứng ý toại lòng, được tăng thêm tuổi thọ, về già lại được sung sướng án ngữ.

18 – Cung Mệnh có Địa Không tọa thủ: cung Thân có Địa kiếp tọa thủ gọi là Mệnh Không, Thân Kiếp.

Người có “Mệnh Không, Thân Kiếp” rất khôn ngoan sắc sảo. Nhưng trong đời vui ít, buồn nhiều, mưu sự thì thành bại thất thường: làm việc gì cũng chẳng được lâu bền. Đây, *nếu cung Mệnh vô Chính diệu lại có Đại, Tiểu Hao hội hợp,* là người tuy ít học, nhưng cũng lập được công danh, sự nghiệp khá hiển hách. Cũng trong trường hợp này, *nếu cung Mệnh hay cung Thân lại có Thiên Đồng, Thiên Lương hay Phá Quân tọa thủ,* thật không sống lâu được.

19 – Cung Mệnh có Địa kiếp tọa thủ: cung Thân có Địa Không tọa thủ gọi là Mệnh Kiếp Thân Không.

Người có Mệnh Kiếp Thân Không rất khôn ngoan sắc sảo. Nhưng trong đời vui ít buồn nhiều, mưu sự thì thành bại bất thường: làm việc gì cũng chẳng được lâu bền. Đây, *nếu cung Mệnh vô Chính diệu lại có Hồng, Đào, Sát tinh hội hợp*, tất phải chết non. Nếu không, lúc thiếu thời vất vả, gian truân.

Cũng trong trường hợp này, nếu cung Mệnh hay cung Thân lại có *Nhật, Nguyệt hay Tử Vi sáng sủa tọa thủ* thì cũng được no cơm ấm áo.

20 – Thân Cư Thiên Di

A – **Nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp**: lập nghiệp ở phương xa, rất thịnh vượng.

B – **Tuần, Triệt án ngữ**: hay có **nhiều Sát tinh hội hợp**: chết ở xa nhà

22 – Thân cư Thê thiếp (hay Phu Quân)

A – **Nguyệt tọa thủ**: sợ vợ, thường phải nhờ vả nhà vợ.

B – **Tuần, Triệt án ngữ**: trắc trở về hôn phối, buồn thương vị tình.

23 – Thân cư Tài bạch:

A – **Tọa thủ**: hay có **Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương sáng sủa tốt đẹp hội hợp**: hay có **Sát, Phá, Liêm, Tham sáng sủa tốt đẹp hội hợp**: có danh giá trước, có tiền tài sau.

B – **Đại, Tiểu Hao, Quyền, Lộc, Kiếp, Hỏa hội hợp**: buôn bán mà trở nên giàu có. Đây, nếu có thêm **Phục, Kinh hội hợp**: không nên buôn bông vải và phải luôn luôn đề phòng hỏa hoạn.

C – **Lưu Kiếp hội hợp**: nếu kiếm ăn bằng nghề đánh cá hay buôn bán qua lại sông nước, thật không thể tránh được thủy nạn.

24 – Thân cư Quan lộc

A – **Tuần Triệt án ngữ, Kiếp, Hòa, Kỵ hội hợp**: đàn ông muộn đường công danh. Nếu có thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, cũng phải ngoài 40 tuổi mới nhẹ bước thang mây.

B – **Tuần Triệt án ngữ, nhiều Sát tinh hội hợp**: đàn bà khó giữ được toàn danh tiết. Nếu có **Tang, Hổ hội hợp**, tất phải góa bụa cô đơn. Đây, nếu không muộn đường chồng con, hay nếu không chịu lấy kẻ, lấy lẽ, thật không thể tránh được mấy độ buồn thương.

25 – Thân cư Phúc Đức

A – **Sáng sủa tốt đẹp**: được hưởng phúc sống lâu. Tránh được nhiều tai họa.

B – **Mờ ám xấu xa**: khó tránh được tai họa. Giảm thọ, dù cung Mệnh có sáng sủa tốt đẹp chẳng nữa, cũng không thể sống lâu được.

TỬ VI ĐẠI CƯƠNG

– Cung Mệnh có Tử Vi, Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình đầy đà và cao, da hồng hào, mặt đầy đặn, có trí thông minh, suốt đời được hưởng phúc, tuổi thọ cũng gia tăng.

– Tử Bình hòa, nên thân mình vừa phải, kém thông minh, nhưng trọn đời cũng được no cơm ấm áo, và chắc chắn là sống lâu.

– Tử Miếu địa và Bình hòa: tính nhân hậu, thẳng thắn về già lại rất khiêm cung.

– Tử Vượng địa và Đắc địa: có nhiều mưu cơ, thủ đoạn, đôi khi dám làm cả những việc bất nghĩa.

– Tử gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp, hội hợp, nhất là Phủ, Vũ, Tướng, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Long, Phượng, tất có uy quyền hiển hách, phúc thọ song toàn, và được hưởng giàu sang trọn đời.

– Tử gặp Tuần Triệt án ngữ, nên sớm khắc một trong hai thân, hay khắc anh chị em, lúc thiếu thời chẳng được xứng ý toại lòng, thường đau yếu và có nhiều bệnh tật, lại phải ly tổ bốn ba, dẫn thân vào những chốn hiểm nghèo hay mắc tai họa khủng khiếp, đôi khi phải ở phương xa, chắc chắn là yếu tử.

– Tử gặp nhiều sao mờ ám, xấu xa hội hợp, nhất là Không Kiếp, nên suốt đời phải lao tâm khổ tứ, công danh trắc trở, lại hay gặp những sự chẳng lành.

– Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Tử tọa thủ, gặp Tham đồng cung, là người yếm thế, thường nhìn đời bằng con mắt bi quan: đôi khi lại muốn lánh mình ra khỏi cảnh trần, tục để học đạo và tu dưỡng thân tâm. Có cách này, mà còn chen chân vào chốn phồn tạp, dĩ nhiên là còn phải lao khổ. Nhưng sớm biết tu hành, tất được yên thân và hưởng phúc.

NAM MỆNH

– Tử Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý đến cực độ và sống lâu.

– Tử Bình hòa, cần phải gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp mới được hưởng giàu sang.

– Tử gặp Tuần Triệt án ngữ, nên lúc thiếu thời lao khổ, về già mới được xứng ý toại lòng. Có cách này, nếu không sớm lìa bỏ gia đình bốn tẩu ở phương xa, tất cả phải yếu tử.

– Tử gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, chắc chắn là suốt đời phải lao tâm khổ tứ, lo lắng vì sinh kế và hay mắc tai họa.

– Tử gặp Tham đồng cung, thật chỉ có tu hành mới mong được yên thân.

NỮ MỆNH

– Tử thủ Mệnh gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người có đức độ, sống lâu, được hưởng giàu sang trọn đời và rất vượng phú ích tử.

– Tử gặp Tuần Triệt án ngữ, nên lúc thiếu thời cô đơn, lao khổ, đôi khi có bệnh hay tật khó chữa: nếu không sớm xa cách những người thân, tất không thể sống lâu được, lại phải muộn lập gia đình hay lấy kẻ lấy lẽ mới tránh được mấy độ buồn thương, nếu sớm lập gia đình, chắc chắn là phải bỏ chồng, khóc chồng hay sầu não vì con.

– Tử gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, là người hạ tiện, dâm dật, hay ưa chuyện ong bướm đi về, tuy khắc chồng hại con, nhưng vẫn được no cơm ấm áo.

PHỤ GIẢI

1 – Tử Vi trung hậu

Cung Mệnh có Tử Miếu địa hay Bình hòa tọa thủ là người trung hậu.

2 – Đế tọa la, Vong, hoàn vi phi nghĩa chi nhân

(Tử Vi là Đế tinh nên gọi tắt là Đế, Thìn là vị trí cố định của Thiên La, nên gọi tắt là La, cũng như Tuất là vị trí cố định của Địa Vong nên gọi tắt là Vong).

3 – Tử Vi cư Ngọ, vô Hình Ky

Giáp, Đinh, Kỷ vị chí công khanh

Cung Mệnh an tại Ngọ có Tử tọa thủ lại không bị Kinh (Hình), Đà (Ky) xâm phạm nên rất rực rỡ tốt đẹp. Tuổi Giáp, Đinh, Kỷ có cách này rất quý hiển. Các tuổi khác có cách này cũng hiển đạt, nhưng dù sao cũng không bằng được tuổi Giáp, Đinh, Kỷ.

4 – Tử Vi nam Hợi, nữ Dần cung

Nhâm Giáp sinh nhân phú quý đồng

Đàn ông tuổi Nhâm, Giáp mà trong số cung Mệnh an tại Hợi có Tử tọa thủ nên được hưởng phú quý trọn đời. Đàn bà tuổi Nhâm, Giáp, mà trong số cung Mệnh an tại Dần có Tử tọa thủ cũng được hưởng giàu sang.

Các tuổi khác có những cách trên đây, cũng khá giả.

5 – Tử Phủ đồng cung vô Sát,

Giáp nhân hưởng phúc chung thân

Cung Mệnh an tại Dần, Thân có Tử Phủ tọa thủ đồng cung nên rất rực rỡ tốt đẹp. Tuổi Giáp có cách này chắc chắn là được hưởng phúc trọn đời và dĩ nhiên là được hưởng phú quý song toàn. Các tuổi khác có cách này rất quý hiển và khá giả.

6 – Tử Vi, Thiên phủ toàn y: Phụ, Bật chỉ công

Cung Mệnh có Tử hay Phủ tọa thủ, hay có Tử, Phủ tọa thủ đồng cung, lại gặp Phụ, Bật hội hợp nên được hưởng phú quý trọn đời.

7 – Tử Phủ, Kinh Dương tại cư thương

Cung Mệnh có Tử hay Phủ, tọa thủ, gặp Kinh đồng cung là người buôn bán lớn rất giàu.

8 – Tử Phủ, Vũ, Tướng, Tả, Hữu, Long, Phượng, Khoa, Quyền, Lộc, Áo quần thân khánh hội chi cách gia đình, Kiếp loạn thế nan thành đại sự.

Cung Mệnh có Tử tọa thủ, gặp Phủ, Vũ, Tướng, Tả, Hữu, Long, Phượng, Khoa, Quyền, Lộc, Ấn, hội hợp nên rất rực rỡ tốt đẹp, ví như vua tôi khánh hội ở chốn triều đình. Có cách quân thần khánh hội, chắc chắn là được hưởng phú quý đến cực độ, lại thêm uy danh lừng lẫy, tuổi thọ cũng gia tăng. Nhưng nếu trong cách này có Kinh, Kiếp hội hợp, tất không thể tạo lập được sự nghiệp lớn trong thời loạn.

9 – Lưu Huyền Đức thừa Hán nghiệp, thi ư Tử, Phủ, Khoa, Quyền, Hình, Ấn, Hồng, Khôi, Mệnh, Thân

Trong số Lưu Huyền Đức, cung Mệnh và cung Thân đều có Tử, Phủ, Khoa, Quyền, Hình, Ấn, Hồng, Khôi hội hợp. Vậy cho nên Lưu Huyền Đức được kế nghiệp nhà Hán, làm chúa ở đất Thục. Người nào có cách này cũng rất quý hiển và được hưởng giàu sang trọn đời.

10 – Trương Tử Phòng thao lược, đa mưu, do phùng Tử, Phù, Kỵ, Quyền

Trong số Trương Tử Phòng, cung Mệnh an tại Dần có Tử, Phủ tọa thủ đồng cung, gặp Kỵ, Quyền hội hợp. Vậy cho nên Trương Tử Phòng có tài thao lược, lắm mưu cơ, phò tá Lưu Bang nên đế nghiệp. Sau Trương được phong là Lưu Hầu. Người nào có cách này cũng đa mưu túc trí, sau này cũng rất quý hiển.

11 – Tử Vi, Thiên tướng, Thân phụng Phá kiêm ngọ Vượng, Kinh, đa mưu, yếm trá.

Cung Mệnh có Tử, Tướng tọa thủ đồng cung: cung Thân có Phá tọa thủ gặp Vượng, Kinh hội hợp là người lắm mưu cơ thủ đoạn, gian hùng và xảo quyệt.

12 – Tử Sát đồng lâm Tỵ, Hợi, nhất triều phú quý song toàn

Cung Mệnh an tại Tỵ Hợi, Sát tọa thủ đồng cung, nên được hưởng phú quý song toàn.

13 – Tử Vi, Thất Sát gia Không Vong, hư danh, thụ ảm.

Cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi có Tử, Sát tọa thủ đồng cung, gặp Tuần Triệt án ngữ nên suốt đời lao khổ, chỉ có hư danh bề ngoài mà thôi và thường phải nhờ đến cha mẹ mới có hư danh.

14 – Tử Vi, Thất Sát, Hóa Quyền phản tác trình tường

Cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi có Tử, Sát, Quyền, tọa thủ đồng cung, nên rất rực rỡ tốt đẹp. Có cách này chắc chắn là rất quý hiển lại thêm uy danh lừng lẫy.

15 – Tử Vi, tài năng

Cung Mệnh có Tử hay Vũ Miếu địa, hay Đắc địa tọa thủ là người có nhiều tài năng.

16 – Tử Vi, Vũ Khúc, Phá Quân, hội Dương, Đà, khi công danh, chi nghị kinh thương

Cung Mệnh có Tử, Vũ hay Phá tọa thủ, lại gặp Kinh, Đà hội hợp nên không thích công danh mà chỉ thích buôn bán, nhưng cũng khá giả. Có cách này nếu còn chen thân trên hoạn lộ, tất còn phải lao khổ và buồn bực.

17 – Tử Vi, Vũ khúc, Sát diệu phùng nhất sinh tăng, lại, sinh anh hùng

Cung Mệnh có Tử hay Vũ tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, tất là thầy tu hay quan lại nhỏ, nhưng lại thích được tiếng là anh hùng.

18 – Tử, Phá tại Mộ cung, bất trung bất hiếu

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Tử hay Phá tọa thủ là người gian quyết, bất trung, bất hiếu.

19 – Tử, Phá, Mệnh, lâm ư Thìn, Tuất, Sửu, Mùi tái gia cát diệu, phú quý thâm kỳ.

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có Tử hay Phá tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp nên được hưởng phú quý đến tột bậc, lại thêm uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy.

20 – Tử Vi, Phá Quân vô Tả, Hữu, vô cát diệu hung ác hôn lại chí đồ

Cung Mệnh an tại Sửu, có Tử, Phá tọa thủ đồng cung nếu không gặp Tả, Hữu và nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất là người gian tham độc ác, thường có quan chức nhỏ thấp, nhưng cũng là hạng tham nhũng và dốt nát.

21 – Tử Vi cư Mão, Dậu, Kiếp, Không đa vi thoát tục chỉ tăng

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Tử tọa thủ, gặp Kiếp, Không hội hợp là người tu hành. Những người có cách này phần nhiều là muốn xuất thế.

22 – Tử Vi mạc phùng Kiếp, Không, Hồng, Đào nhập Mệnh giảm thọ

Cung Mệnh có Tử tọa thủ, gặp Kiếp, Không, Hồng, Đào đồng cung, nên tuổi thọ bị chiết giảm.

23 – Tử Vi, Xương, Khúc phú quý khả kỳ

Cung Mệnh có Tử tọa thủ, gặp Xương, Khúc hội hợp, nên được hưởng giàu sang.

24 – Tử Vi, Phụ, Bát đồng cung nhất hô bá nặc cư thượng phẩm

Cung Mệnh có Tử, Phụ, Bát tọa thủ đồng cung, nên được hưởng phú quý, lại thêm uy quyền hiển hách, nói một lời được muôn người nghe theo.

25 – Tử Vi tu cần Tam Hóa, nhược phùng Tứ Sát, phong bãi hà hoa.

Cung Mệnh có Tử tọa thủ, cần phải Khoa, Quyền, Lộc hội hợp mới sáng sủa tốt đẹp. Nếu gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp hội hợp lại thành mờ ám xấu xa, ví như cảnh hoa bị mưa gió vùi dập phủ phàng.

26 – Tử Vi cư Tý, Ngọ, Khoa, Quyền, Lộc chiếu tối vi kỳ

Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ có Tử tọa thủ gặp Khoa, Quyền, Lộc hội chiếu nên rất sáng sủa tốt đẹp. Có cách này, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn.

27 – Tử Vi, Quyền, Lộc ngô Dương, Đà tuy mỹ cát nhi vô đạo, vi nhân, thâm, thuật bất chính

Cung Mệnh có Tử tọa thủ, gặp Quyền, Lộc hội hợp và bị Kinh, Đà xâm phạm, cũng vẫn sáng sủa tốt đẹp. Có cách này là người giàu sang nhưng vô đạo và bất chính.

28 – Tử, Lộc đồng cung Phụ, Bát chiếu quý bất khả ngôn

Cung Mệnh có Tử, Lộc tọa thủ đồng cung, gặp Phụ, Bát hội chiếu nên quý hiển đến tột bậc.

29 – Tử, Phụ giáp Mệnh vi quý cách

Cung Mệnh có sáng sủa tốt đẹp, giáp Tử, giáp Phụ, nên rất quý hiển.

30 – Tử, Phủ triều viên, thực lộc vạn chung

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp có Tử, Phủ hội chiếu là người rất giàu, suốt đời sung túc và no ấm.

LIÊM TRINH**ĐẠI CƯƠNG**

Cung Mệnh có Liêm tọa thủ nên thân hình cao lớn, xương to và lộ, da thô, mặt hơi dài, sớm có nếp nhăn, vẻ mặt không được tươi nhuận, mắt lồi, sáng, lông mày rậm.

– Liêm, Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa là người liêm khiết thẳng thắn, can đảm, dũng mãnh, nhưng nghiêm nghị, nóng nảy, được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Liêm gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là: Phủ, Tướng, Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy danh lừng lẫy.

– Liêm Đắc địa gặp Xương, Khúc đồng cung là người có tài thao lược, biết quyền biến.

– Liêm Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm, lại hay bị bắt bớ giam cầm, hay mắc những tai nạn bất kỳ.

– Liêm Hãm địa, là người khắc nghiệt, thâm hiểm, có óc kinh doanh, khéo tay, thích đua chen, thường chuyên về kỹ nghệ, máy móc hay thủ công. Nhưng suốt đời vất vả, có nhiều bệnh tật nên sức khỏe suy kém, lại khó tránh thoát được tù tội và những tai nạn đáng lo ngại, nếu không ly tổ lập nghiệp ở phương xa, tất không thể sống lâu được. Đây, nếu Liêm gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là: Sát tinh, Kỵ, Hình, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại có tàn tật hay có bệnh khó chữa, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng, và dĩ nhiên là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

Liêm Hãm địa Ty, Hợi, gặp Kỵ đồng cung, cũng đỡ mờ ám xấu xa. Vậy cho nên người mà cung Mệnh có cách này, cũng được no cơm ấm áo, và chẳng đáng lo ngại nhiều về những bệnh tật hay những tai nạn xảy đến trong đời.

– Liêm Hãm địa Ty, Hợi, gặp Xương hay (Khúc) Kỵ đồng cung lại rất mờ ám xấu xa. Tuổi Bính mà cung Mệnh có cách này, bị khắc hại nhiều nhất.

– Liêm Hãm địa, Mão, Dậu, gặp Hỏa, Linh hội hợp là người gian ác, lòng lang dạ thú.

NAM MỆNH

– Liêm Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, lại có uy quyền hiể hách và sống lâu.

– Liêm Đắc địa gặp Xương, Khúc đồng cung là người có tài kiêm văn võ, là bậc cái thế anh hùng.

Liêm Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ, cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại có tàn tật hay có bệnh khó chữa, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xiềng xích và chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách thê thảm.

NỮ MỆNH

– Liêm, Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người nghiêm nghị, đoan chính, thanh cao, lại rất tài giỏi và đảm đang. Tuy được hưởng giàu sang, sống lâu, nhưng phải muôn lập gia đình mới tránh được nổi ưu phiền, đau đớn vì chồng con. Đây, nếu Liêm gặp sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.

– Liêm, Hãm địa là người ty tiện, độc ác, khắc chồng hại con. Suốt đời vất vả có nhiều bệnh tật, hay mắc tai nạn nếu không ly tổ lập nghiệp ở phương xa, chắc chắn không thể sống lâu được. Đây nếu Liêm gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là một đời cùng khổ cô

đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại có tàn tật hay có bệnh khó chữa, thường mắc những tai nạn khủng khiếp và dĩ nhiên là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

PHỤ GIẢI

1 – Liêm Trinh thanh bạch năng tương thủ.

Cung Mệnh có Liêm Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, là người thẳng thắn, cao khiết.

2 – Liêm Trinh chủ hạ tiện, cơ hàn

Cung Mệnh có Liêm Hãm địa tọa thủ, là người nghèo hèn, suốt đời lao khổ.

3 – Liêm Trinh Thân, Mùi cung vô Sát, phú quý thanh dương phiêu viên danh.

Cung Mệnh an tại Thân, Mùi, có Liêm tọa thủ không bị Sát tinh xâm phạm, tất được phú quý đến tột bậc.

4 – Liêm Trinh, Phá quân, Hỏa tinh cư Hãm địa, tự ải đầu hà.

Cung Mệnh có Liêm Hãm địa (hay Phá Hãm địa) tọa thủ gặp Hỏa đồng cung: hay cô Liêu, Phá, tọa thủ đồng cung tất phải tự tử, hoặc thất cổ, hoặc đâm đầu xuống sông mà chết.

5 – Liêm Trinh phùng Văn quế cánh bôn ba

Cung Mệnh có Liêm tọa thủ, gặp Khúc đồng cung, nên suốt đời phải bôn ba, nay đây mai đó.

6 – Liêm Trinh Mão Dậu gia Sát công tư vô diện quan nhân.

Cung Mệnh an tại Mão Dậu, có Liêm tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, tất không thể mưu cầu công danh được. Có cách này thường chuyên về kỹ nghệ hay doanh thương.

7 – Liêm Trinh, Mão, Dậu, mạc ngộ Kiếp, Kinh tu phòng hình ngục.

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu có Liêm tọa thủ, gặp Kiếp, Hình hội hợp, nên suốt đời phải lang thang phiêu bạt.

8 – Liêm Trinh, Sát tinh cư Tý, Hợi, lưu đặng thiên thai.

Cung Mệnh an tại Tý, Hợi có Liêm tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, nên suốt đời phải lang thang phiêu bạt.

9 – Liêm Trinh, Tứ Sát, tạo hình lục

Cung Mệnh có Liêm tọa thủ, gặp Kinh, Đà, Hỏa, Linh hội hợp, nên hay bị bắt bớ giam cầm, và cũng có thể bị ám sát.

10 – Tù ngục Kinh, Đà, Hỏa, Linh hữu già tảo thất cốc chỉ ưu.

Cung Mệnh có Liêm Hãm địa tọa thủ, gặp Kinh, Đà, Hỏa, Linh hội hợp, nên hay bị mắc tù tội và thường bị đói khát khổ sở.

11 – Liêm Trinh, Bạch Hổ, hình ngục nan đào.

Cung Mệnh có Liêm tọa thủ, gặp Hổ hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu, thật là khó tránh thoát được xiềng xích gông cùm.

12 – Liêm Trinh nhập Miếu hội Tướng quân Trong Do uy mãnh

Cung Mệnh có Liêm tọa thủ, gặp Tướng hoặc đồng cung hoặc xung chiếu, tất cũng dừng mãnh như ông Trọng Do (Tử Lê) học trò Đức Khổng Tử. (Số ông Trọng Do, cung Mệnh an tại Thân có Liêm tọa thủ, gặp Tướng đồng cung).

THIÊN ĐỒNG**ĐẠI CƯƠNG**

Cung Mệnh có Thiên Đồng tọa thủ, nên thân hình nở nang, hơi thấp, chân tay ngắn, da trắng, mặt vuông vắn đầy đặn.

– Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa là người thông minh, có tính khoan hòa, nhân hậu, từ thiện, nhưng không quả quyết, không bền chí, hay thay đổi ý kiến, công việc. Tuy vậy, vẫn được hưởng giàu sang và phúc thọ song toàn.

– Đồng Đắc địa tại Ty, Hợi, lại là người thích phiêu lưu, nay đây mai đó, và hay thay đổi chỗ ở.

– Đồng Đắc địa tại Ty, Hợi, khắc tuổi Đinh, Canh, vậy cho nên tuổi Đinh, Canh mà cung Mệnh an tại Ty, Hợi, có Đồng tọa thủ, tất suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

– Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy danh lừng lẫy.

– Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Hình tuy suốt đời vẫn được no cơm ấm áo, nhưng lao tâm khổ tứ, sức khỏe lại suy kém, thường có bệnh tật hoặc ở mắt, hoặc ở bộ tiêu hóa.

– Đồng Hãm địa là người kém thông minh và nông nổi, cũng có tính nhân hậu, nhưng thay đổi thất thường, không quả quyết, không có định kiến, làm việc gì rồi cũng chóng chán, lại thích chơi bời ăn uống, tuy sống lâu nhưng rất vất vả, thường phải ly tổ bốn ba, luôn luôn lo lắng vì sinh kế, lại hay mắc tiếng thị phi. Cung Mệnh có Đồng Hãm địa tọa thủ, nên đi buôn.

– Đồng Hãm địa, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, lại là người hay nói khoác lác và không cần ngôn.

– Đồng Hãm địa Ngọ, là người có óc kinh doanh.

– Đồng Hãm địa Tuất, Ngọ ứng hợp với tuổi Đinh. Vậy cho nên tuổi Đinh mà cung Mệnh an tại Tuất, Ngọ có Đồng tọa thủ, tất nhiên là khá giả.

– Đồng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Xương Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc phải đoán là cũng có công danh và tiền tài.

– Đồng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Ky, Hình. Thật là suốt đời lao khổ phải lang thang phiêu bạt, thường có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, lại hay mắc tai nạn và không thể sống lâu được.

NAM MỆNH

Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy danh lừng lẫy. Phúc thọ song toàn.

– Đồng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời lao khổ, phải lang thang phiêu bạt, thường có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, lại hay mắc tai nạn và không thể sống lâu được.

NỮ MỆNH

– Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, Mão thủ Mệnh, là người đảm đang, có đức độ, rất vượng phu ích tử.

– Đồng Đắc địa, Ty, Hợi, là người đảm đang, nhưng đa dâm, thường phải sớm ly tổ.

– Đồng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, tất được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây nếu Đồng gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc, và phúc thọ song toàn.

– Đồng Đắc địa, Ty, Hợi, hay Hãm địa, phải muộn lập gia đình hay lấy kế lấy lẽ, mới tránh buồn thương.

– Đồng Hãm địa là người hoang đàng dâm dật, tuy được no cơm ấm áo và sống lâu, nhưng suốt đời vất vả, thường phải sớm ly tổ, bôn ba, nay đây mai đó. Đây, nếu Đồng gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, khắc chồng hại con, phải lang thang phiêu bạt, lại có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, hoặc ở tử cung và hay mắc tai nạn: tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

PHỤ GIẢI

1 – Thiên Đồng nhập Mệnh, hoán cải vô thường

Cung Mệnh có Đồng tọa thủ, là người không có định kiến, hay thay đổi chí hướng, công việc và chỗ ở.

2 – Thiên Đồng hội cát thọ nguyên thời

Cung Mệnh có Đồng tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt để hội hợp, chắc chắn là sống lâu.

3 – Thiên Đồng, Tuất cung vi phản bội

Định nhân hóa cát, chủ đại quý

Đồng thủ Mệnh tại Tuất rất mờ ám xấu xa, nhưng đối với tuổi Đinh lại thành sáng sửa tốt đẹp, vì có sự ứng hợp. Vậy cho nên tuổi Đinh mà cung Mệnh an tại Tuất có Đồng tọa thủ, tất nhiên là rất quý hiển.

4 – Dần, Thân tối hỷ, Đồng, Lương hội

Cung Mệnh an tại Dần, Thân, có Đồng Lương tọa thủ đồng cung nên rất sáng sửa tốt đẹp. Có cách này, tất được hưởng phú quý đến tốt bậc, phúc thọ song toàn.

5 – Đồng, Lương viên ngộ Khôi Quyền, tăng phùng Linh, Kỵ, giao lai Song Lộc, doanh thương dị phát phú

Cung Mệnh có Đồng Lương tọa thủ đồng cung, gặp Khôi, Quyền hội hợp, cùng với Linh, Kỵ lại gặp thêm Song Lộc hội chiếu, là người kinh doanh, buôn bán, làm giàu một cách dễ dàng, và nhanh chóng.

6 – Đồng, Nguyệt hãm cung gia Sát, trọng kỹ nghệ doanh thương

Cung Mệnh an tại Ngọ có Đồng, Nguyệt tọa thủ đồng cung, gặp Sát tinh hội hợp, là người chuyên về kỹ nghệ, hay kinh doanh, buôn bán.

7 – Đồng, Nguyệt, Dương cư Ngọ vị, Bính, Mậu, trấn ngự biên cương

Tuổi Bính Mậu mà cung Mệnh an tại Ngọ, có Đồng, Nguyệt, Kinh tọa thủ đồng cung, là võ tướng, trọng trấn ở chốn biên cương.

8 – Đồng, Âm tại Tý, Nguyệt lãng Thiên môn dung nhan mỹ ái: Hổ, Khốc, Riêu, Tang xâm nhập chung thân đa lệ phối duyên

Cung Mệnh an tại Tý có Đồng, Nguyệt tọa thủ đồng cung, nên rất rực rỡ tốt đẹp, vì ở đây, Nguyệt sáng sửa ví như mặt trăng lơ lửng trên nền trời. Đàn bà có cách này, tất có vẻ mặt xinh tươi đáng yêu.

Đàn bà mà cung Mệnh an tại Tý, có Đồng, Nguyệt tọa thủ đồng cung, gặp Hổ, Khốc, Riêu, Tang hội hợp, cũng là người đẹp, nhưng suốt đời phải khóc chồng.

9 – Phúc diêu phùng Việt diêu, định thị hải hà dục tú

Cung Mệnh có Đồng tọa thủ gặp Việt đồng cung là người đẹp đẽ, có vẻ mặt uy nghi.

(Phúc diêu là tên riêng của Thiên Đồng).

10 – Thiên Đồng Tuất cung Hóa Ky,

Đinh nhân Mệnh ngộ phải vì giai

Đồng thủ Mệnh tại Tuất, gặp Ky đồng cung, rất mờ ám xấu xa, nhưng đối với tuổi Đinh lại thành sáng sủa tốt đẹp, vì có sự ứng hợp. Vậy cho nên tuổi Đinh mà cung Mệnh an tại Tuất có Đồng, Ky rõ ràng đồng cung, tất được hưởng phú quý song toàn.

VŨ KHÚC

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Vũ khúc tọa thủ, nên thân hình nở nang cao vừa tầm, nặng cân đầu, mặt dài, vẻ mặt uy nghi: thường cách biệt những người thân: nếu không khắc cha mẹ anh em, tất phải khắc vợ (hay chồng) khắc con hay hiếm con.

– Vũ Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa, là người thông minh, có chí lớn, có tài tổ chức, có óc kinh doanh, tính quả quyết, cương nghị, hiếu thắng, nhưng thẳng thắn, suốt đời được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Vũ gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp nhất là Tử, Phủ, Tướng, Tham, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, tất được hưởng phú quý đến tột bậc mà có uy quyền hiển hách. Người sinh ở phương Tây Bắc mà cung Mệnh có cách này, thật là toàn mỹ.

– Vũ Miếu địa Sửu, Mùi, lúc thiếu thời tuy vẫn được no cơm ấm áo, nhưng chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, vì công dân trắc trở, tiền tài, tụ tán thất thường, sự nghiệp như lâu đài xây trên bãi cát. Phải từ ngoài ba mươi trở đi mới được hưởng phú quý song toàn, mới giữ được của cải bền vững là càng về già lại càng giàu có.

– Vũ Đắc địa Mão, tuy vẫn được hưởng giàu sang, nhưng trong mình thường có tật, lại hay mắc bệnh thần kinh, hay bệnh khí huyết, và khó tránh thoát được tai nạn về đao súng, xe cộ, điện lửa.

– Vũ Đắc địa Dậu, tuy vẫn được hưởng giàu sang, nhưng thường có bệnh nội thương khó chữa và hay mắc tai nạn xe cộ. Người sinh ở phương Tây Bắc mà cung Mệnh an tại Dậu, có Vũ Đắc địa tọa thủ, tất có uy quyền hiển hách, khuất phục được quân côn đồ gian ác và được nhiều người kính trọng.

– Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, dù có gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, tuy kém tốt đẹp nên hay có bệnh tật ở chân, tay, vai, ngực và hay mắc tai họa, nhưng cũng được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Vũ Hãm địa là người kém thông minh, lại có tánh tham lận và không được lương thiện: suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm, thường hay phải bỏ nhà đi lập nghiệp ở phương xa, hay đi làm thợ, nếu có cửa cải của tiền nhân để lại, rồi cũng phá tán đến hết, và dĩ nhiên là tuổi thọ bị chiết giảm. Đây, nếu Vũ gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, tất chuyên về thủ công, kỹ nghệ hay kinh doanh buôn bán, nhưng cũng khá giả và được hưởng tuổi thọ lâu dài.

– Vũ Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Ky, Hình, nên có tính gian tham độc ác, bất lương, suốt đời cùng khổ cô đơn, lại hay mắc tai nạn khủng khiếp, nếu không có tàn tật: nếu không có bệnh khó chữa, chắc chắn là phải yếu tử chết một cách rất thê thảm.

NAM MỆNH

– Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, lại có uy quyền hiển hách, và dĩ nhiên là phải sống lâu.

– Vũ Đắc địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, chắc chắn là hiển đạt về võ nghiệp.

– Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp Xương hay Khúc đồng cung, tất có tài kiêm văn võ.

– Vũ Hãm địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên chuyên về thủ công, kỹ nghệ hay kinh doanh buôn bán, nhưng phải bỏ nhà đi lập nghiệp ở phương xa mới khá giả và mới được tăng tuổi thọ.

– Vũ Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, phải tha phương cầu thực, thường có tàn tật, có bệnh khó chữa, hay mắc tai họa, dễ bị bắt bớ giam cầm, và không thể sống lâu được.

NỮ MỆNH

Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người tài giỏi đảm đang, gan góc, được hưởng giàu sang và sống lâu. Nhưng phải muộn lập gia đình mới tránh được những nỗi buồn khổ, đau đớn vì chồng con, và mới vượng phu ích tử. Đây, nếu Vũ gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.

– Vũ hãm địa cũng là người đảm đang, nhưng có tính tham lận, bạo tợn, và hay lấn át chồng, suốt đời phải lao tâm khổ trí, ưu phiền vì chồng con, lại thường mắc bệnh tật, tai họa, tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Đây, nếu Vũ gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, tất có thêm

tính bạo ngược, lằng loàn, lại phải cùng khốn cô đơn, khắc chồng, hại con, khó tránh thoát được những tai họa khủng khiếp và phải yếu tử.

PHỤ GIẢI

1 – Vũ Khúc vi Quả Tú

Vũ cũng có đặc tính như Quả Tú. Vậy cho nên người mà cung Mệnh có Vũ tọa thủ, tất hay cách biệt những người thân, nếu không khắc cha mẹ, anh em, cũng khắc vợ (hay chồng), khắc con hay hiếm con.

2 – Vũ Khúc, Miếu viên, uy danh bách hiến

Cung Mệnh có Vũ mục đích tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý đến tột bậc, lại thêm uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy.

3 – Vũ Khúc nhàn cung đa thủ nghệ

Cung Mệnh có Vũ Hãm địa tọa thủ, nên chuyên về thủ công hay làm thợ.

4 – Vũ, Phá, Tý, Hợi, tham lận bất lương

Cung Mệnh an tại Tý, Hợi có Vũ, Phá tọa thủ đồng cung, là người tham lận và bất lương.

5 – Vũng phùng Phá diệp, nan bảo di lai sản nghiệp

Cung Mệnh an tại Tý, Hợi có Vũ, Phá tọa thủ đồng cung nên không thể gìn giữ được của cải hay sản nghiệp của tiền nhân để lại, thường phải phá tán cho đến hết.

6 – Vũ Khúc, Phá Quân, phá gia lao碌

Cung Mệnh có Vũ, Phá tọa thủ đồng cung, tất phải bỏ nhà đi kiếm ăn ở phương xa, và suốt đời vất vả lao碌.

7 – Vũ, Phá tương ngộ Xương, Khúc

thông minh cơ xảo định vô cùng

Cung Mệnh có Vũ, Phá tọa thủ đồng cung, gặp Xương, Khúc đồng cung là người thông minh, khéo tay nên chuyên về kỹ nghệ máy móc.

8 – Vũ Khúc cư Càn thương tối phạ Thái Âm, phùng Tham Lang

Cung Mệnh an tại Hợi (hợi thuộc quẻ Càn) có Vũ tọa thủ (gặp Phá đồng cung) gặp Nguyệt nhị hợp (Nguyệt tọa thủ tại Dần) gặp Tham hợp chiếu nên rất mờ ám xấu xa. Có cách này tất là suốt đời vất vả, chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

Nhưng cũng nên chú ý, tuổi Giáp, Kỷ, Nhâm, mà cung Mệnh an tại Hợi, có Vũ tọa thủ, gặp Hỏa đồng cung, lại được hưởng giàu sang và sống lâu.

9 – Tiền bản hậu phú, Vũ, Tham, đồng Mệnh Thân chi cung: Tiền phú hậu bản, chỉ vì phùng Kiếp, Sát

Cung Mệnh, Thân an tại Sửu, Mùi có Vũ, Tham tọa thủ đồng cung, nên trước nghèo mà sau giàu. Lúc thiếu thời, công danh trắc trở, tài lộc tụ tán thất thường, nhưng từ ngoài ba mươi tuổi trở đi, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn và càng già lại càng giàu có.

Nhưng nếu cung Mệnh, Thân an tại Sửu, Mùi, có Vũ, Tham tọa thủ đồng cung, lại gặp Kiếp cũng đồng cung và nhiều Sát tinh hội hợp, tất trước giàu mà sau nghèo, lúc thiếu thời được hưởng giàu sang, từ ngoài ba mươi tuổi trở đi, bắt đầu sa sút, và càng về già lại càng nghèo túng.

10 – Mão cư Vũ, Sát, Phá, Liêm, phòng mộc áp lôi kinh

Cung Mệnh an tại Mão, có Vũ, sát tọa thủ đồng cung hay có Phá, Liêm tọa thủ đồng cung, nên suốt đời phải đề phòng tai nạn về điện, lửa, sấm sét và bệnh thần kinh.

11 – Vũ Khúc, Dương, Đà kiêm Quả Tú, vị tiền nhân nguy

Cung Mệnh có Vũ Hãm địa tọa thủ, gặp Kinh, Đà, Quả hội hợp, tất vì tiền mà nguy khốn đến thân.

12 – Vũ Khúc, Văn Khúc vi nhân đa học, đa năng

Cung Mệnh có Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, gặp Khúc đồng cung, là người thông minh, học rộng, có tài năng.

13 – Vũ Khúc, Khôi, Việt cư Miếu, Vượng tài chức chi quan

Cung Mệnh có Vũ Miếu địa hay Vượng địa tọa thủ, gặp Khôi hay Việt đồng cung, tất có quan chức về tài chính, thường được coi giữ kho tàng.

14 – Vũ Khúc, Lộc, Mã giao trì, phát tài viễn quận

Cung Mệnh có Vũ Miếu địa, hay Đắc địa tọa thủ, gặp Lộc, Mã hội hợp, tất lập nghiệp ở xa quê hương, nhưng rất khá giả.

Nếu cung Mệnh ở tại Dần, Thân có Vũ tọa thủ, gặp Lộc đồng cung, Mã xung chiếu, hay gặp mã đồng cung, Lộc xung chiếu, chắc chắn là tạo lập được cơ nghiệp lớn lao ở xa nơi chôn nhau cắt rốn.

15 – Vũ Khúc, Dần Thân nhị ngộ Lộc, Quyền phú gia Vương, Khải

Cung Mệnh an tại Dần Thân, có Vũ tọa thủ, gặp Lộc, Quyền hội hợp là người rất giàu, sánh ngang với Vương Khải đời xưa.

16 – Vũ Khúc, Kiếp Sát hội Kinh, Dương sát nhân, bất hiếu nhưn

Cung Mệnh có Vũ Hãm địa tọa thủ, gặp Kiếp Sát đồng cung gặp Kinh chiếu, nên rất gian ác bất lương, giết người không biết ghê tay.

THÁI DƯƠNG

ĐẠI CƯƠNG

– Cung Mệnh có Thái Dương, Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình đầy đà, cao vừa tầm, da hồng hào, mặt vuông vắn đầy đặn, có vẻ uy nghi, (sinh ban đêm: mặt đỏ) mặt sáng, dáng điệu đường hoàng, bề vệ, rất thông minh, tính thẳng thắn, cương nghị, hơi nóng nảy, nhưng nhân hậu, từ thiện được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Nhật Miếu địa, Vượng địa, ứng hợp với Dương nam, Dương nữ.

– Cung Mệnh có Nhật Miếu địa hay Vượng địa tọa thủ, mà lại sinh ban đêm, nên kém tốt đẹp.

– Nhật Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hồng, Hỉ, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy và phúc thọ song toàn.

– Nhật Miếu địa, Vượng địa gặp Tuần, Triệt án ngữ nên suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, thiếu sức khỏe, thường có bệnh đau đầu, bệnh thần kinh, bệnh khí huyết, mắt kém, nếu không sớm ly tổ, lập nghiệp ở phương xa tất không thể sống lâu được.

– Nhật Đắc địa gặp Tuần, Triệt án ngữ, tuy mắt kém, cũng thường có những bệnh đã kể trên và phải sớm ly tổ, nhưng được hưởng phú quý và phúc thọ song toàn.

– Nhật Đắc địa, nếu không gặp Tuần, Triệt án ngữ, tuy có bệnh tật, vẫn có tài lộc, nhưng không thể quý hiển được.

– Nhật Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Kinh, Đà, Không, Kiếp, Kỵ, Riêu, Hình, nên suốt đời vất vả, công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm, hay đau mắt, thường có bệnh ở trong đầu, lại rất dễ mắc những tai nạn nguy hiểm: tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Nhật Đắc địa gặp Kỵ đồng cung và không bị Kinh Đà, Không, Kiếp, Riêu, Hình xâm phạm, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và sống lâu.

– Nhật Hãm địa, nên thân hình nhỏ nhắn, hơi gầy, cao vừa tầm, da xanh sạm mặt choắt có vẻ buồn tẻ, má hóp, mắt lộ, cũng khá thông minh, tính cũng nhân hậu từ thiện, nhưng đôi khi ương gàn, lại không cương nghị, không bền chí, mắt kém, thường có bệnh đau đầu, bệnh thần kinh, bệnh khí huyết, nếu không sớm ly tổ, tất không thể sống lâu được.

– Nhật Hãm địa về già mới được an nhàn sung sướng.

– Nhật Hãm địa, Hợi, Tý, là người cao khiết, có đức độ, ham chuộng văn chương, triết học, đạo lý.

– Nhật Hãm địa, Thân, Tuất, Tý (Dương cung) cũng không đến nỗi mờ ám xấu xa lắm, nên vẫn được no cơm ấm áo, và chẳng đáng lo ngại nhiều về những bệnh tật.

– Nhật Hãm địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hồng, Hỉ hay Hỏa Linh, Đắc địa, tất cũng có công danh, tiền tài và được tăng phúc tăng thọ.

– Nhật Hãm địa gặp Tuần, Triệt án ngữ, lại thành sáng sửa tốt đẹp, tuy phải sớm ly tổ, nhưng được hưởng giàu sang khỏe mạnh và sống lâu.

– Nhật Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Kinh, Đà, Không, Kiếp, Kỵ, Riêu, Hình, thật là chung thân cùng khổn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, thiếu sức khỏe, thường có bệnh đau đầu, bệnh thần kinh, bệnh khí huyết mất rất kém, nếu trong mình không có tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn là bị mù lòa không những thế hay bị tai họa khủng khiếp, và dĩ nhiên yếu tử.

– Nhật, dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa gặp Hình đồng cung, tất mất có tật, mất thường bị vật kim khí bén nhọn chạm phải mà có thương tích.

NAM MỆNH

– Nhật, Miếu địa, vấn đề, hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người tài giỏi, thao lược, văn võ kiêm toàn, được hưởng giàu sang đến tột bậc, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy và sống lâu.

– Nhật Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, thiếu sức khỏe, thường có bệnh đau đầu, bệnh thần kinh, bệnh khí huyết, mất rất kém, nếu trong mình không có tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn là mù lòa. Không những thế, lại còn hay mắc những tai họa khủng khiếp, và dĩ nhiên là yếu tử.

NỮ MỆNH

– Nhật Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh là người tài giỏi đảm đang, khí huyết dồi dào, tính cương nghị, nóng nảy, được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn.

– Nhật Hãm địa là người đa sầu, đa cảm, khéo tay, suốt đời tuy vất vả, mất kém, hay đau yếu, có nhiều bệnh tật, nhưng vẫn được no cơm ấm áo.

– Nhật Hãm địa, phải sớm ly tổ mới có thể sống lâu được và phải muộn lập gia đình hay lấy kế lấy lẽ mới tránh được mấy độ buồn thương.

– Nhật Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổn cô đơn, khắc chồng, hại con, lang thang phiêu bạt, thiếu sức khỏe, thường có bệnh đau đầu, bệnh

thần kinh, bệnh khí huyết, mắt rất kém, nếu trong mình không có tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn bị mù lòa. Không những thế, lại còn hay mắc những tai họa khủng khiếp và dĩ nhiên là yếu tử.

PHỤ GIẢI

1 – Nhật xuất Lôi môn, phú quý vinh hoa

Cung Mệnh an tại Mão có Nhật, tọa thủ, tất được hưởng phú quý và rất vinh hiển. (Mão thuộc quẻ Chấn là biểu tượng của sấm sét nên gọi là Lôi môn).

2 – Thái Dương cư Ngọ, Nhật lệ trung thiên

Cung Mệnh an tại Ngọ, có Nhật tọa thủ nên rất sáng sủa tốt đẹp, Nhật ở đây ví như mặt trời rực rỡ trên tầng cao. Tuổi Canh, Tân, Đinh, Kỷ có cách này tất hay chuyên quyền, nhưng được hưởng phú quý đến tột bậc. Còn các tuổi khác có cách này, 2 được hưởng giàu sang trọn đời.

3 – Thái Dương cư Ngọ

Canh, Tân, Đinh, Kỷ nhân phú quý song toàn

Tuổi Canh, Tân, Đinh, Kỷ mà cung Mệnh an tại Ngọ có Nhật tọa thủ, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn.

4 – Thái Dương cư Tý, Bính, Đinh phú quý trung lương

Cung Mệnh an tại Tý, có Nhật tọa thủ, kém sáng sủa tốt đẹp. Riêng tuổi Bính, Đinh, có cách này được hưởng giàu sang và là người trung chính lương thiện. Còn các tuổi khác có cách này là người tài giỏi, nhưng suốt đời bất đắc chí.

5 – Nhật tại Mùi, Thân, Mệnh vị, vi nhân tiên cần hậu lẩn

Cung Mệnh an tại Mùi, Thân có Nhật tọa thủ, là người không bền chí, làm việc gì cũng chỉ chuyên cần siêng năng buổi đầu, rồi về sau lại lười biếng trễ nải và bỏ dở.

6 – Nữ Mệnh đoan chính Thái Dương tinh

tảo ngộ hiền phu tín khả bằng

Đàn bà mà cung Mệnh có Nhật Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, là người đoan chính và chắc chắn là sớm lấy được chồng hiền, có tài thao lược.

7 – Nhật lạc nhàn cung, sắc thiều xuân dung

Cung Mệnh có Nhật Hãm địa tọa thủ, nên vẻ mặt kém tươi đẹp và có vẻ buồn tẻ.

8 – Nhật, Nguyệt thủ Mệnh, bất như chiếu hợp tinh minh

Nhật, Nguyệt Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa tọa thủ tại cung Mệnh, không được toàn mỹ bằng hội chiếu cung Mệnh.

Nếu cung Mệnh an tại Sửu hoặc có Nhật, Nguyệt tọa thủ đồng cung tại Mùi xung chiếu, hoặc có Nhật tọa thủ tại cung Ty, Nguyệt tọa thủ tại Dậu hợp chiếu, hay an tại Mùi, hoặc có Nhật, Nguyệt tọa thủ đồng cung tại Sửu xung chiếu, hoặc có Nhật tọa thủ tại mãi, Nguyệt tọa thủ tại Hợi, hợp chiếu, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn.

9 – Nhật, Nguyệt tinh minh, tá cữu trùng kim điện

Cung Mệnh an tại Sửu có Nhật tọa thủ tại Mão, Nguyệt tọa thủ tại Hợi hợp chiếu là người có tài kinh bang tế thế, được hưởng giàu sang, thường phò tá bậc nguyên thủ đất nước.

A – Tam hợp Minh Châu sinh Vương địa, ẩn bộ Thiềm cung

Cung Mệnh có Nhật, Nguyệt sáng sủa tốt đẹp hợp chiếu, ví như hòn ngọc sáng. Có cách này rất quý hiếm, nhẹ bước trên đường công danh, như bước trên cung Thiềm (mặt trăng).

B – Nhật Nguyệt nhi chiếu hư không, học hất nhi thập

Cung Mệnh vô Chính diệu có Nhật, Nguyệt sáng sủa tốt đẹp hợp chiếu, là người thông minh biết suy xét nên học một biết mười. Trong trường hợp này, nếu cung Mệnh vô Chính diệu lại có Tuần, Triệt án ngữ, thật là hoàn mỹ.

10 – Nhật, Ty, Nguyệt, Sửu cung Mệnh, bộ Thiềm cung

Cung Mệnh an tại Sửu có Nhật tọa thủ tại Ty, Nguyệt tọa thủ tại Dậu hợp chiếu nên rất quý hiếm, thường “*nhẹ bước thang mây*” như dạo gót trên cung Thiềm (mặt trăng)

11 – Nhật, Mão, Nguyệt, Hợi, Mùi cung, Mệnh đa chiết quế

Cung Mệnh an tại Mùi có Nhật tọa thủ tại Mão, Nguyệt tọa thủ tại Hợi, hợp chiếu, tất đi thi được đỗ cao, ví như được bề cảnh quế.

12 – Nguyệt, Nhật đồng Mùi, Mệnh an Sửu, hầu bá chi tài

Cung Mệnh an tại Sửu có Nhật Nguyệt tọa thủ đồng cung tại Mùi xung chiếu, là người tài giỏi quyền cao, chức trọng.

13 – Nhật, Nguyệt Mệnh, Thân cư Sửu, Mùi tam phương vô cát, phản vi hung

Cung Mệnh hay cung Thân an tại Sửu, Mùi có Nhật, Nguyệt tọa thủ đồng cung, nếu không có thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp, xung chiếu, hợp chiếu, tất bị mờ ám xấu xa. Như thế, tuy no cơm ấm áo trọn đời, nhưng không thể quý hiển được.

14 – Nhật, Nguyệt, Sửu, Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy, kỵ phòng Sát tinh, nhược lại Văn diệu, diệc kiến Quý, Ân, Thai, Tọa, Khôi, Hồng văn tài nguy lý, xuất sử thành công

Cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Nhật Nguyệt tọa thủ đồng cung nên kém tốt đẹp vì Âm, Dương hội hợp, giảm bớt ánh sáng. Đây, Nhật Nguyệt rất kỵ Sát tinh. Nhưng trong trường hợp này, nếu Nhật Nguyệt gặp Xương, Khúc hội hợp cùng với Quý, Ân, Thai, Tọa, Khôi, Hồng, tất là người có văn tài lỗi lạc hay nguy biến, biết trì thủ, biết xuất xử đúng lúc và chắc chắn là được hưởng giàu sang.

15 – Nhật, Nguyệt, Sửu, Mùi, ái ngộ, Tuần, Không, Quý, Ân, Xương, Khúc, ngoại triều, văn tất thượng cách

Cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Nhật Nguyệt tọa thủ đồng cung, rất cần gặp án ngữ để thêm sáng sửa tốt đẹp. Đây, nếu Nhật Nguyệt gặp Tuần án ngữ, gặp Quý, Ân, Xương, Khúc hội chiếu, tất có sự nghiệp văn chương lớn lao và có quyền cao chức trọng.

16 – Nhật Nguyệt, Khoa, Lộc, Sửu cung, đình thị công khanh

Cung Mệnh an tại Sửu có Nhật Nguyệt tọa thủ đồng cung, gặp Khoa Lộc hội hợp là người có chức vị lớn trong chính quyền.

17 – Nhật Nguyệt tịnh tranh quang, quyền lộc phi tàn

Cung Mệnh an tại Thìn có Nhật tọa thủ, gặp Nguyệt tọa thủ tại Tuất xung chiếu, hay an tại Tuất có Nguyệt tọa thủ gặp Nhật tọa thủ tại Thìn xung chiếu, nên rất rực rỡ tốt đẹp: vì Nhật Nguyệt ở đây ví như mặt trời mặt trăng đua nhau chiếu sáng. Có cách này, thật là suốt đời được hưởng giàu sang, lại gìn giữ được quyền thế và tài lộc bền vững.

18 – Dương, Âm, Thìn, Tuất, Nhật, Nguyệt, bách cung nhược vô minh, không diệu tu cần, song đắc giao huy, nhi phòng Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Phụ, Cáo, Tả, Hữu nhất cử thành danh, chúng nhân tôn phục.

Cung Mệnh an tại Tuất có Nhật tọa thủ, gặp Nguyệt tọa thủ tại Thìn xung chiếu, hay an tại Thìn có Nguyệt tọa thủ gặp Nhật tọa thủ tại Tuất xung chiếu, rất mờ ám xấu xa. Vậy cần gặp Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Không đồng cung để trở nên sáng sửa tốt đẹp, có như thế mới được hưởng giàu sang và sống lâu.

Cung Mệnh an tại Thìn, có Nhật tọa thủ, gặp Nguyệt tọa thủ tại Tuất xung chiếu, hay an tại Tuất có Nguyệt tọa thủ gặp Nhật tọa thủ tại Thìn xung chiếu, nên rất rực rỡ tốt đẹp, vì Nhật Nguyệt ở đây ví như mặt trời, mặt trăng cùng tỏa ánh sáng giao hội lẫn nhau. Trong trường hợp này, nếu Nhật Nguyệt gặp Xương Tuế, Lộc, Quyền, Phụ, Cáo, Tả, Hữu hội hợp, tất sớm được nhẹ bước thang mây, thành danh một cách dễ dàng, lại có uy quyền hiển hách, được nhiều người tôn phục.

19 – Nhật Nguyệt, Sát hội, nam đa gian đạo, nữ đa dâm

Cung Mệnh có Nhật Hãm địa tọa thủ hay có Nguyệt Hãm địa tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, nên rất xấu xa. Đàn ông có cách này là quân trộm cướp. Đàn bà có cách này là hạng dâm đảng.

20 – Nhật, Nguyệt vô minh, nhi phùng Riêu, Đà, Ky, Kiếp, Kinh ư Mệnh, tạt nguyên lương mục

Cung Mệnh có Nhật Hãm địa tọa thủ, hay có Nguyệt Hãm địa tọa thủ, gặp Riêu, Đà, Ky, Kiếp, Kinh hội hợp, tất bị mù lòa hai mắt.

21 – Nhật, Nguyệt giáp Mệnh, bất quyền tắc phú

Cung Mệnh an tại Sửu, giáp Nhật tại Dần, giáp Nguyệt tại Tý, hay an tại Mùi, giáp Nhật tại Ngọ, giáp Nguyệt tại Thân, nếu không có uy quyền hiển hách, tất là bậc triệu phú như Vương Khải, Thạch Sùng.

22 – Cự tại Hợi cung, Nhật Mệnh Ty thực lộc tri danh

Cung Mệnh an tại Ty có Nhật tọa thủ gặp Cự tọa thủ tại Hợi xung chiếu, thật là suốt đời được hưởng lộc dồi dào, công danh bền vững.

23 – Cự tại Ty cung, Nhật Mệnh Hợi, phản vi bất gia

Cung Mệnh an tại Hợi, có Nhật tọa thủ, gặp Cự tọa thủ tại Ky xung chiếu, nên không được sáng sủa tốt đẹp. Có cách này, công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm, về già mới khá giả.

24 – Nhật tại Ty cung, Nhật mỹ huy thiên, kiêm lai Lộc Mã, Trường Sinh, Phụ, Bát, thế sự thanh bình vi đại phú nhược kiêm Tướng, Ấn, Binh, Hình, vô lai Tuần, Triệt loạn thế thành công

Cung Mệnh an tại Ty, có Nhật tọa thủ, rất sáng sủa tốt đẹp và Nhật ở đây ví như mặt trời rực rỡ trên tầng cao. Trong trường hợp này, nếu Nhật gặp Lộc, Mã, Sinh, Phụ, Bát giao hội, tất làm nên giàu có lớn trong thời bình và nếu Nhật gặp Tướng, Ấn, Binh, Hình giao hội, nhưng không gặp Tuần, Triệt án ngữ, tất lập được sự nghiệp vĩ đại trong thời loạn.

25 – Nhật cư Hợi địa, Nhật trầm thủy đề, ngoại hữ Tam Kỳ, Tả, Hữu, Hồng, Khôi, kỳ công quốc loạn viên thành, hoan ngộ Phượng, Long, Cái, Hồ bất kiến Sát tinh, thỉnh thế phát danh tài.

Cung Mệnh an tại Hợi, có Nhật tọa thủ, không được sáng sủa tốt đẹp, vì Nhật ở đây ví như mặt trời chìm dưới đáy nước. Trong trường hợp này, nếu Nhật gặp Khoa, Quyền, Lộc chiếu, Tả, Hữu, Hồng Khôi giao hội, tất lập được kỳ công, có sự nghiệp lớn trong thời loạn, và nếu gặp Phượng, Long, Cái, Hồ giao hội, nhưng không bị Sát tinh xâm phạm, tất có công danh và tài lộc trong thời bình.

26 – Nhật Hãm, xung phùng ác Sát, lao碌 bốn ba

Cung Mệnh có Nhật Hãm địa tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, thật là suốt đời lao khổ, thường phải bôn ba, nay đây mai đó.

27 – Thái Dương, Hóa Kỵ, hữu mục hoàn thương

Cung Mệnh có Nhật, Kỵ tọa thủ đồng cung, nên hay đau mắt, mắt thường có tật.

THIÊN CƠ

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Thiên Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình cao, xương lộ, da trắng, mặt dài, nhưng đều đặn, rất thông minh, khôn ngoan, có óc kinh doanh, có mưu trí, biết quyền biến, tính nhân hậu, từ thiện, được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Đại, Tiểu hao, Khoa, Quyền, Lộc, tất được hưởng phú quý song toàn và có uy danh lừng lẫy.

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Tả, Hữu, Lộc, Hình, Y, Quang, Quý hội hợp, chắc chắn chuyên về y khoa hay được khoa.

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Tả, Hữu, Linh, Hình là người khéo tay, thường chuyên về kỹ nghệ, máy móc hay thủ công.

– Cơ Miếu địa, Mão Dậu gặp Đại Tiểu Hao hội hợp là người đa tài, được hưởng phú quý đến tột bậc. Cung Mệnh có cách này, mà lại sinh năm Ất, Tân, Kỷ, Bính, thật là toàn mỹ.

– Cơ Đắc địa Tý Ngọ, gặp nhiều Văn tinh hội hợp, dĩ nhiên là quý hiển. Nhưng tuổi Ất, Bính, Đinh mà cung Mệnh có cách này lại lập được sự nghiệp lớn lao và được hưởng giàu sang trọn đời.

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Tuần, Triệt án ngữ, tất phải ly tổ, bôn ba, suốt đời vất vả, chân tay thường có tật, lại khó tránh thoát được tai nạn xe cộ hay đao súng, tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Có cách này, thật chỉ có tu hành mới được yên thân, hưởng phúc và sống lâu.

– Cơ Hãm địa, nên thân hình nở nang, hơi thấp, da trắng, mặt tròn, kém thông minh, cũng có óc kinh doanh, nhưng có tính gian xảo, thường phải buôn bán ngược xuôi hay làm nghề thủ công để kiếm ăn. Tuy vậy, vẫn được no cơm ấm áo và sống lâu.

– Cơ Hãm địa gặp Tuần Triệt án ngữ, tuy khá giả, nhưng phải lập nghiệp ở xa quê hương, bản quán và hay mắc tai nạn xe cộ, đao súng.

– Cơ Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình, tất phải có tàn tật, nhất khó chữa, phải thường lang thang phiêu bạt, lại hay mắc những tai họa khủng khiếp, nếu không cùng khổ cô đơn, chắc chắn là yếu tử.

NAM MỆNH

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.

– Cơ Miếu địa Thìn, Tuất, là người có mưu trí hay bàn xét về chính lược chiến lược.

– Cơ Miếu địa Mão, Dậu gặp Đại Tiểu Hao hội hợp, là người có tài kiêm văn võ.

– Cơ Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, tất phải có tàn tật, có bệnh khó chữa, thường phải lang thang phiêu bạt, hay mắc những tai họa khủng khiếp, nếu không cùng khổ, cô đơn, chắc chắn là yếu tử

NỮ MỆNH

– Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người khôn ngoan tài giỏi, đảm đang, vượng phu ích tử, nhưng hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Cơ gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.

– Cơ Miếu địa Mão Dậu, tất có tính dâm dăng.

– Cơ Hãm địa là người đảm đang, nhưng gian xảo và bất chính suốt đời vất vả, phải muộn lập gia đình hay lấy kế, lấy lẽ mới tránh được những nỗi buồn thương, đau đớn vì chồng con. Đây, nếu Cơ gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là cùng khổ cô đơn, nếu được no cơm ấm áo, chắc chắn là không thể sống lâu được.

PHỤ GIẢI

1 – Cơ Viên phú tính từ tâm

Cung Mệnh có Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, là người có lòng từ thiện.

2 – Thiên Cơ gia ác Sát đồng cung, căn thân thử thiết

Cung Mệnh có Cơ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh đồng cung, là người quỷ quyệt xảo trá. Nhưng nếu cung Mệnh có Cơ Hãm địa tọa thủ, lại gặp nhiều Sát tinh đồng cung tất là hạng trộm cướp bất lương.

3 – Thiên Âm, triều cương, nhân từ chi trưởng

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cơ (Thiên) Lương (Ấm) tọa thủ đồng cung, nên rất nhân từ và chắc chắn là được hưởng phúc thọ song toàn. Đây, nếu Cô, Lương gặp Tuần, Triệt án ngữ hay gặp nhiều Sát tinh hội hợp, thật chỉ có tu hành mới được yên thân, hưởng phúc và sống lâu.

4 – Cơ, Lương hội hợp, thiện đàm binh, cư Tuất, diệc vi mỹ luận

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất có Cơ, Lương tọa thủ đồng cung, là người học rộng tài cao, hay bàn xét về chính lược, chiến lược.

5 – Cơ, Lương thủ Mệnh gia Cát diệu, phú quý song toàn

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cơ, Lương tọa thủ đồng cung, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn đời.

6 – Cơ, Lương, Tứ Sát, Tướng Quân xung, vũ khách, tăng lưu Mệnh sở phùng

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cơ, Lương tọa thủ đồng cung, gặp Kinh Đà, Hỏa, Linh hội hợp, gặp Tướng xung chiếu, tất là hạng võ sĩ giang hồ hay thầy tu.

7 – Cơ, Nguyệt, Cấn, Khôn, nhi hội Xương, Riêu, thi tứ, dâm tàng

Cung Mệnh an tại Dần (Cấn), Thân (Khôn) có Cơ, Nguyệt tọa thủ đồng cung gặp Xương, Riêu hội hợp, nên hay làm thơ văn dâm tình.

8 – Cơ, Nguyệt Đồng Lương tác lại nhân

Cung Mệnh có Cơ, Nguyệt, Đồng Lương hội hợp, thường là công chức.

9 – Cơ, Lương đồng chiếu Mệnh Thân Không, vi tăng đạo.

Cung Mệnh hay cung Thân có Tuần, Triệt án ngữ, có Cơ, Lương (đồng cung), chiếu, tất là thầy tu.

THIÊN PHỦ

ĐẠI CƯƠNG

– Cung Mệnh có Thiên Phủ tọa thủ, nên thân hình đầy đặn, da trắng, vẻ mặt thanh tú, đều và đẹp, tính khoan hồng nhân hậu, ưa việc từ thiện, biết suy tính và có nhiều mưu cơ để giải quyết những công việc khó khăn. Suốt đời được hưởng phúc, giàu sang và sống lâu.

– Phủ gặp Tuần, Triệt án ngữ hay Không, Kiếp hội hợp, thì thân hình lại cao và hơi gầy, da kém vẻ tươi nhuận, tính ương ngạnh, thích ăn hoang tiêu rộng, chơi bởi phóng túng, thích phiêu lưu nay đây mai đó, hay mưu toan chuyện viễn vông. Vậy cho nên suốt đời túng thiếu, và chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Cung Mệnh có Phủ tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, là người gian trá, hay đánh lừa, nói dối.

– Phủ rất cần gặp Tử Vi, Tướng, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu hội hợp cùng với Khoa, Quyền, Lộc và rất kỵ gặp Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Không, Không Kiếp hội hợp.

NAM MỆNH

– Phủ thủ Mệnh gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp, hội hợp, nhất là Tử Vi, Tướng, Xương, Khuê, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, tất được hưởng phú quý song toàn và sống lâu.

– Phủ gặp Tuần Triệt án ngữ, hay Thiên Không, Kiếp hội hợp, thật là cùng khổ suốt đời, khó tránh thoát được tai họa và thường yếu tử. Gặp cách này, chỉ có lánh mình ở chốn thuyền môn đạo viện mới được yên thân và sống lâu.

NỮ MỆNH

– Phủ thủ Mệnh nên vẻ mặt tươi đẹp như hoa mới nở.

– Phủ gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng giàu sang sống lâu và rất vượng phu ích tử.

Phủ gặp Tuần Triệt án ngữ, hay Thiên Không dám, Không Kiếp hội hợp, nên suốt đời phải lao tâm khổ tứ, buồn bực vì chồng con và không thể sống lâu được. Nhưng nếu có cách này mà dốc lòng tu hành thì cũng được hưởng phúc và thanh nhàn.

PHỤ GIẢI

1 – Thiên Phủ ôn lương

Cung Mệnh có Phủ tọa thủ là người khoan hòa, nhân hậu, có lòng từ thiện.

2 – Nam Thiên Phủ, giao long vãng uyên

Đàn ông có Phủ thủ Mệnh là người cẩn thận, chín chắn, biết suy nghĩ sâu xa, ví như con thong luôn qua vực.

3 – Thiên Phủ lâm Tuất hữu tinh phù, phú quý song toàn

Cung Mệnh an tại Tuất, có Phủ tọa thủ, lại gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng giàu sang trọn đời.

4 – Thiên Phủ Tuất cung vô Sát tấu

Giáp, Kỷ nhân hoạnh phát danh tài

Cũng như trên, cung Mệnh không bị Sát tinh xâm phạm. Cách này hợp với tuổi Giáp, Kỷ. Vậy cho nên nếu tuổi Giáp, Kỷ có cách này tất hoạnh phát công danh, và được hưởng phú quý đến tột bậc.

5 – Dần Mộc, Phủ, Vi hữu hội Tam Kỳ, Kinh, Bát, cư lai án ngữ Mệnh xuất vô do văn, uy quyền qui phụ chung nhân, mạc phùng Không, Kiếp, hư vô

Cung Mệnh hay cung Thân an tại Dần có Phủ, Vi tọa thủ đồng cung, lại gặp Khoa, Quyền, Lộc hội hợp cùng với Kinh, Bát, là người có văn chức, nhưng gặp thời loạn nên kiêm nhiếp cả quân sự, có uy quyền lớn, khiến mọi người phải phục tùng, kính nể. Nhưng nếu cách

này gặp Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Không, Địa không, Địa kiếp xâm phạm, sẽ không được kể đến nữa.

6 – Phủ, Vũ, Tý cung, Giáp, Đinh nhân tọa, phúc vượng danh ba, hung lai Tuần Triệt, danh sú nhân khi ư Canh Nhâm tuế, tài phúc trường hành

Tuổi Giáp Đinh có cung Mệnh an tại Tý, có Phủ, Vũ tọa thủ đồng cung, nên được hưởng phúc giàu sang và có danh tiếng xấu và bị nhiều người khinh bỉ, công danh cũng trắc trở, tài lộc cũng suy kém.

Những tuổi khác nếu có cách này, thường được luận đoán như trên. Nhưng riêng hai tuổi Canh Nhâm mà có cung Mệnh an tại Tý, có Phủ, Vũ tọa thủ đồng cung, dù gặp Tuần Triệt án ngữ cũng không bị mang tiếng xấu, vẫn có tài lộc và được hưởng phúc.

**7 – Thiên Phủ cư Ngọ, Tuất, Thiên Tướng lai triều
Giáp nhân nhất phẩm chi quý**

Cung Mệnh an tại Ngọ, Tuất, có Phủ tọa thủ, gặp Tướng hợp chiếu, tất có quan chức và được hưởng giàu sang. Riêng tuổi Giáp, nếu có cách này rất quý hiển.

8 – Thiên Phủ, Thiên Tướng, Thiên Lương đồng, quân thần khánh hội

Cung Mệnh có Phủ tọa thủ, gặp Tướng chiếu nhị hợp có Lương, nên rất rực rỡ tốt đẹp, ví như vua tôi khánh hội ở chốn triều đình. Nếu có cách này, chắc chắn là được hưởng giàu sang.

9 – Thiên Phủ, Xương, Khúc, Tả, Hữu, cao đệ ân vinh

Cung Mệnh có Phủ tọa thủ, gặp Xương, Khúc, Tả, Hữu, hội hợp, nên được vinh hiển, có danh giá hơn người.

10 – Thiên Phủ, Xương, Khúc, Lộc Tồn, cự vạn chi tứ

Cung Mệnh có Phủ tọa thủ, gặp Xương, Khúc, Lộc hội hợp, nên rất giàu có.

11 – Phủ, Tướng đồng lai hội Mệnh cung toàn gia thực lộc

Cung Mệnh có Phủ, tướng hội chiếu, nên rất sung túc, thừa cơm ăn áo mặc.

THÁI ÂM

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Thái Âm, mục đích, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình to lớn, hơi cao, da trắng, mặt vuông vắn, đầy đặn, dương, mắt sáng, rất thông minh, tính khoan hòa, nhân hậu, từ thiện, ưa thích văn chương, mỹ thuật, được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa, ứng hợp với Âm Nam, Âm Nữ.

– Cung Mệnh có Nguyệt Miếu địa hay Vượng địa tọa thủ, mà lại sinh ban đêm, nhất là vào khoảng từ ngày Mười đến ngày Hai Mười, thật là toàn mỹ.

– Cung Mệnh có Nguyệt Miếu địa hay Vượng địa mà lại sinh ban ngày, nên kém sáng sủa tốt đẹp.

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hợp nhất là Xương Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hồng, Hỉ, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và nổi tiếng là giàu có.

– Nguyệt Miếu địa hay Vượng địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, nên suốt đời lao khổ, phải lập nghiệp ở phương xa, lại hay đau yếu thường có bệnh ở bộ tiêu hóa, mắt rất kém, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Nguyệt Đắc địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, tuy phải sớm ly tổ, đau mắt, cũng thường có bệnh ở bộ tiêu hóa, nhưng được hưởng phú quý và phúc thọ song toàn.

– Nguyệt Đắc địa, nếu không gặp Tuần Triệt án ngữ, tuy vô bệnh tật, vẫn có tài lộc, nhưng không thể quý hiển được.

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Riêu, Hình tất không được hưởng giàu sang trọn vẹn: mắt kém, thường có bệnh ở bộ tiêu hóa, lại hay mắc tai nạn, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Nguyệt Đắc địa gặp Kỵ đồng cung và không bị Sát tinh xâm phạm, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc và sống lâu.

– Nguyệt Hãm địa nên thân hình nhỏ, hơi cao, mặt dài kém thông minh, tính ương ngạnh, thích ngao du chơi bời, ưa ngâm hoa vịnh nguyệt, và không tham cầu danh lợi: suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, rất vất vả, thường phải ly tổ bốn ba, lại hay đau yếu, mắt kém, khó tránh thoát được tai nạn nếu trong mình không có kỳ tật, tất không thể sống lâu được.

– Nguyệt Miếu địa Mão ty (Âm cung) cũng không đến nỗi mờ ám xấu xa lắm, nên không nên vẫn được no cơm ấm áo, và chẳng đáng lo ngại nhiều về sự chẳng lành xảy đến trong đời.

– Nguyệt Hãm địa gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hồng, Hỉ tất được có danh tài và được tăng thêm tuổi thọ.

– Nguyệt Hãm địa gặp Tuần Triệt án ngữ, lại thành tốt đẹp, tuy vẫn phải ly tổ lập nghiệp ở phương xa, nhưng được hưởng giàu sang, khỏe mạnh và sống lâu.

– Nguyệt Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Riêu, Kỵ thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, hay đau yếu, thường có bệnh ở bộ tiêu hóa, mắt rất kém, nếu trong mình có bệnh tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn là mù lòa. Không những thế, lại còn hay mắc những tai họa khủng khiếp, và dĩ nhiên là yếu tử.

– Nguyệt, dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa gặp Hình đồng cung, tất mắt có tật, mắt thường bị vật kim khí sắc nhọn chạm phải mà có thương tích.

NAM MỆNH

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa (gặp Tuần Triệt án ngữ) thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy quyền hiển hách và sống lâu.

– Nguyệt Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, lang thang phiêu bạt, hay đau yếu, thường có bệnh ở bộ tiêu hóa, mắt rất kém, nếu trong mình không có tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn là mù lòa. Không những thế, lại còn hay mắc những tai họa khủng khiếp và dĩ nhiên là yếu tử.

– Cung Thân có Nguyệt tọa thủ, là người nể vợ hay sợ vợ.

NỮ MỆNH

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người có nhan sắc, có đức độ, lại có tài giỏi đảm đang, vượng phu ích tử, được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Nguyệt gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.

– Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay gặp Tuần Triệt án ngữ, hay Nguyệt Hãm địa, tất phải muộn lập gia đình, hay lấy kế lấy lẽ mới tránh được những nỗi ưu phiền, đau đớn vì chồng con.

– Nguyệt Hãm địa là người dâm dật, suốt đời vất vả, có nhiều tật bệnh. Đây, nếu Nguyệt gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại hay đau yếu thường có bệnh hoặc ở bộ tiêu hóa, hoặc ở tử cung, mắt kém, nếu trong mình không có tật, chân tay không bị thương tàn, chắc chắn là mù lòa. Không những thế, lại còn hay mắc những tai họa khủng khiếp, và dĩ nhiên là yếu tử.

PHỤ GIẢI

1- Nguyệt lãng Thiên môn ư Hợi địa đăng vân chấp chưởng đại quyền

Cung Mệnh an tại Hợi, có Nguyệt tọa thủ, nên rườ rức rõ tốt đẹp, ví như mặt trăng sáng vàng bạc giữa trời. Có cách này, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc, lại nắm giữ quyền hành lớn, thường đứng ở trên cao mà sai khiến muôn người.

(Hợi thuộc quẻ Càn là biểu tượng của Trời, nên gọi là Thiên môn).

2 – Thái Âm cư Tý, hiệu viết, thủy đăng quế ngọc, đắc thanh yếu chi chức, trung gián chi tài.

Cung Mệnh an tại Tý, có Nguyệt tọa thủ, nên rất sáng sủa tốt đẹp, ví như giọt nước đọng trên cành quế. Có cách này, rất quý hiển, không những thế, lại có tài can gián được người trên.

3 – Thái Âm cư Tý, Bính, Đinh phú quý trung lương

Cung Mệnh an tại Tý, có Nguyệt tọa thủ, tất được hưởng giàu sang và sống lâu.

Cung Mệnh an tại Tý có Nguyệt tọa thủ, mà lại sinh năm Bính Đinh là hợp cách, nên được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn và là người trung lương.

4 – Nguyệt diệu Thiên lương, nữ dâm bản

Đàn bà mà cung Mệnh có Nguyệt Hãm địa tọa thủ, gặp Lương chiếu, là người dâm đảng và nghèo hèn.

5 – Thái Âm, Vũ Khúc, Lộc Tồn đồng

Tả, Hữu, tương phùng phú quý ông

Cung Mệnh có Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, (hay có Vũ Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ) gặp Lộc đồng cung, gặp Tả Hữu hội hợp, là bậc triệu phú.

6 – Thái Âm, Dương, Đà tất chủ nhân ly tài tán.

Cung Mệnh có Nguyệt Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, gặp Kinh, Đà hội hợp, tất phải ly tổ, tiền tài bị hao tán.

Nếu cung Mệnh có Nguyệt Hãm địa tọa thủ, gặp Kinh, Đà hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ, thường phải lang thang phiêu bạt và rất nghèo túng.

THAM LANG

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Tham Lang mục đích, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình cao lớn, đầy đà, da trắng, mặt đầy đặn, lông tóc, râu rậm rạp, có ẩn tình, (Miếu địa: có nốt ruồi kín) khá thông minh, tính trung hậu, nhưng hiếu thắng và tự đắc, ưa hoạt động, có óc kinh doanh, có tài tổ chức, lòng tham dục không bờ bến, hay, mưu tính những việc to lớn, làm việc gì cũng muốn chóng xong, nhưng chỉ chuyên cần siêng năng buổi đầu, rồi về sau sinh lười biếng, chán nản và bỏ dỡ, lại thích lui tới những chỗ đông người ồn ào thích ăn ngon mặc đẹp, chơi bời cho thỏa chí.

– Tham Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, tất được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Tham Miếu địa, lúc thiếu thời vất vả, chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng. Nhưng từ ngoài 30 tuổi trở đi, thật là phú quý song toàn và càng về già lại càng sung sướng an nhàn.

– Tham Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc hay Hỏa Linh Đắc địa, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy và sống lâu.

– Tham Vượng địa, gặp Kỵ hoặc đồng cung hoặc xung chiếu, tất buôn bán, kinh doanh mà nên giàu có.

– Tham Hãm địa, nên thân hình cao vừa tầm, hơi gầy da thô xấu, mặt dài, không được đầy đặn, tiếng nói to, kém thông minh.

– Tham Hãm địa, Tý, Ngọ, Tỵ, Hợi là người gian hiểm, tham lam, có nhiều dục vọng, cũng có kinh doanh nhưng không quả quyết, không bền chí, thường chuyên về kỹ nghệ, thủ công, hay đi buôn, suốt đời lao khổ, sức khỏe suy kém, có nhiều bệnh tật, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, hoặc ở bộ sinh dục, lại hay mắc tai nạn hay bị bắt bớ giam cầm, nếu không sớm ly tổ tất không thể sống lâu được.

– Tham Hãm địa Tý Ngọ, lại có tính dâm dật, chơi bời hoang đàng.

– Tham Hãm địa Mão Dậu là người yếm thế, làm việc gì cũng thất bại, và hay gặp những sự chẳng lành. Chỉ có tu hành mới mong được yên thân và hưởng phúc thọ.

– Tham Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình thật là chung thân cùng khổn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, có nhiều bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, giọng ở bộ tiêu hóa, hoặc ở bộ sinh dục, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng, và dĩ nhiên là yếu tử.

– Tham, dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay hãm địa, hoặc gặp Kỵ đồng cung, hoặc gặp Riêu đồng cung, tất hay bị bắt bớ giam cầm, nếu không, thật là khó tránh thoát được tai nạn sông nước.

NAM MỆNH

Tham Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người tài giỏi thao lược, thường hiển đạt về võ nghiệp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy danh lừng lẫy và phúc thọ song toàn.

– Tham Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, có nhiều bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, hoặc ở bộ sinh dục, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng và dĩ nhiên là yếu tử.

NỮ MỆNH

Tham Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ Mệnh, là người tài giỏi, đảm đang, gan góc, bạo tợn, hay ghen tuông, nhưng hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Tham gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn.

– Tham Hãm địa, phải muộn lập gia đình, hay lấy kế lấy lẽ mới tránh được mấy độ buồn thương.

– Tham hãm địa, Tý, Ngọ, Tỵ, Hợi là người gian tham hiểm độc, thâm dật, hay lằng loàn, suốt đời vất vả, có nhiều bệnh tật, thường mắc những tai nạn đáng lo ngại, nếu không sớm ly tổ, tất không thể sống lâu được.

– Tham hãm địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, thật là chung thân cùng khốn cô đơn, khắc chồng hại con, phải lang thang phiêu bạt, lại có nhiều bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ tiêu hóa, hoặc ở bộ sinh dục, thường hay mắc những tai nạn khủng khiếp và dĩ nhiên là yếu tử.

PHỤ GIẢI

1 – Tham Lang nhập Miếu thọ nguyên thời

Cung Mệnh có Tham Miếu địa tọa thủ, nên sống lâu.

2 – Tham Lang Hãm địa tác trử nhân

Cung Mệnh có Tham Hãm địa, là người vô dụng, bỏ đi.

3 – Tham Lang, Tý, Ngọ, Mão, Dậu, thủ thiết cầu thân

Tuổi	Cung Mệnh an tại	
Thân, Tý, Thìn	Tý	Có Tham tọa thủ là hàng trộm cắp gian giảo
Dần, Ngọ, Tuất	Ngọ	
Hợi, Mão, Mùi	Mão	
Tỵ, Dậu, Sửu	Dậu	

4 – Tham Lang Tỵ, Hợi, bất vi đồ thị, diệc tào hình

Cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi có Tham tọa thủ, nếu không làm đồ tể, hàng thịt, tất hay bị bắt bỏ giam cầm, rất khổ sở.

5 – Nữ Mệnh Tham Lang đa tật đố

Đàn bà mà cung Mệnh có Tham tọa thủ là hay ghen tuông. Nếu Tham Hãm địa, lại có thêm tính hiểm độc.

6 – Tham, Vũ tiền bản nhi hậu phú

Cung Mệnh an tại Sửu Mùi có Tham, Vũ tọa thủ đồng cung, nên lúc thiếu thời vất vả, nghèo túng, phải từ ngoài 30 tuổi trở đi mới khá giả và càng về già lại càng giàu có.

7 – Tham, Vũ đồng hành, văn cảnh biên di thần phục

Cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Tham Vũ tọa thủ đồng cung, về già có uy quyền, được nhiều người lui tới thần phục.

8 – Tham, Vũ, Mộ trung cư tam thập tổng phát phúc

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Tham tọa thủ, có Vũ tọa thủ, hay có Tham, Vũ tọa thủ đồng cung, tất phải ngoài 30 tuổi mới phát phúc và được hưởng giàu sang.

9 – Tham, Vũ, Thân cung vi hạ cách

Cung Thân an tại Tứ Mộ có Tham tọa thủ, có Vũ tọa thủ, hay có Tham, Vũ tọa thủ đồng cung, là hạ cách, nên suốt đời vất vả, và không thể quý hiển được.

10 – Tham Lang, Vũ Khúc đồng thủ Thân

vô cát Mệnh, Phản bất tường

Cung Mệnh an tại Sửu Mùi, có Tham, Vũ tọa thủ đồng cung, mà cung Mệnh lại không được sáng sủa tốt đẹp, nên rất mờ ám xấu xa. Có cách này, thật là lao khổ trọn đời.

11 – Tham, Vũ, Phá, Quân vô cát diệu

mê luyến tử sắc di vong thân

Cung Mệnh có Tham, Vũ tọa thủ đồng cung, gặp Phá chiếu, nhưng không gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất hay say mê rượu ngon gái đẹp mà hại đến thân.

12 – Tham, Vũ, Tử, Sinh, Tử, Mộ cung

Phá Quân, Kỵ, Sát tinh bách công thông

Cung Mệnh an tại Tứ Sinh, Tứ Mộ, có Vũ tọa thủ gặp Phá, Kỵ, Sát tinh hội hợp, là người khéo tay, biết nhiều nghề, thường chuyên về kỹ nghệ, thủ công hay làm thợ.

13 – Tham Lang, Liêm Trinh đồng độ

nam đa dãng, nữ đa dâm

Cung Mệnh có Tham, Liêm tọa thủ đồng cung, rất mờ ám xấu xa. Đàn ông có cách này, hay chơi bởi lang thang nay đây mai đó. Đàn bà có cách này rất dâm dật.

14 – Dần, Thân nhi hội Tham, Liêm

ngộ Văn Xương, nhập lao Quân Trọng

Cung Mệnh an tại Dần, Thân có Liêm tọa thủ, gặp Xương đồng cung, chắc chắn là trong đời có phen bị giam cầm khổ sở như ông Quân Trọng đời chiến quốc.

15 – Tham, Liêm, Càn thượng vân lập vô phong

Tuyệt, Linh ưu nhập vi nhân bản khổ, nãi phùng

Dương Nhận, Kiếp, Không, Hư, Mã,

Chung thân phi yếu tác cô bản

Cung Mệnh an tại Hợi (Cần) có Tham tọa thủ đồng cung, rất mờ ám xấu xa, vì Tham, Liêm ở đây bị khắc hãm ví như mây đứng không gặp gió.

Trong trường hợp này, nếu Tham, Liêm gặp Tuyệt, Linh đồng cung, là người nghèo khổ, và nếu Tham, Liêm gặp Kinh, Kiếp, Không, Hư, Mã hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ, mà không yếu tử thì cũng cô đơn, bản hàn.

16 – Tham, Xương cư Mệnh, phấn cốt túy si

Cung Mệnh có Tham, Xương tọa thủ đồng cung, thường mắc bệnh bạch biến hay lang ben, da loang lổ trông rất xấu.

17 – Tham Lang hội Sát vô cát diệu, đồ tể chi nhân

Cung Mệnh có Tham Hãm địa tọa thủ, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, mà lại không gặp thêm nhiều sao sáng sửa tốt đẹp giao hội, tất phải làm nghề đồ tể, hàng thịt.

18 – Tham Lang gia Sát đồng cung

nữ thâm hương, nam thứ thiết

Cung Mệnh có Tham Hãm địa tọa thủ, gặp Sát tinh đồng cung, rất mờ ám xấu xa. Đàn bà có cách này là hạng thâm dật, buôn son bán phấn. Đàn ông có cách này, là quân trộm cắp, gian xảo.

19 – Tham ngộ Dương, Đà, cư Hợi, Tý,

đanh vi phiếm thủy đào hoa

Cung Mệnh an tại Hợi, Tý có Tham tọa thủ, gặp Kinh đồng cung, hay gặp Đà đồng cung, nên rất mờ ám xấu xa. Tham ở đây ví như hoa đào nổi trôi trên giòng nước. Có cách này, là người chơi bời, hoang đàng, thường lang thang nay đây mai đó.

20 – Tham Lang Đà La, tại Dần cung, phong lưu thái trj5ng

Cung Mệnh an tại Dần, có Tham, Đà tọa thủ đồng cung, là người chơi bời bữa bãi, đến nổi bị đánh đập, mang họa vào thân.

21 – Tham Lang ngộ Hỏa, Linh, Tứ Mộ cung

hào phú gia tư, hầu bá chi quý

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Tham tọa thủ, hoặc gặp Hỏa đồng cung, hoặc gặp Linh đồng cung, gặp hoặc Hỏa, Linh hội hợp, là người rất giàu và có quyền cao chức trọng.

22 – Tham Lang, Hỏa tinh cư Miếu, Vượng, danh trấn chư bang

Cung Mệnh có Tham Miếu địa ha Vương địa tọa thủ, gặp Hỏa đồng cung, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy danh lừng lẫy.

23 – Tham, Linh tinh thủ, tướng tướng chi danh

Cung Mệnh có Tham Miếu địa hay Vương địa tọa thủ, gặp Linh đồng cung, là người có tài thao lược, hiển đạt về võ nghiệp, và được hưởng giàu sang. Tuổi Mậu, Kỷ, có cách này, vì có sự ứng hợp, nên được hưởng phú quý đến tột bậc, xuất tướng nhập tướng lại thêm uy quyền hiển hách.

24 – Tham Lang Kỵ Ngọ Sát tinh, ưu âm Không, Kiếp, văn niên phú thọ nan toàn lưỡng

Tham Lang rất kỵ gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp hội hợp. Nếu cung Mệnh có Tham Miếu địa hay Vương địa tọa thủ, gặp Không đồng cung, hay Kiếp đồng cung, tất sau này không được hưởng phúc thọ song toàn, giàu thì chết sớm mà nghèo thì sống lâu.

25 – Tham, Sát, Ngọ, dần kiếm ngộ Hổ, Tang lôi thú, nan đề

Cung Mệnh an tại Ngọ, Dần, có Tham tọa thủ, gặp Sát tinh hội hợp cùng với Hổ, Tang, thật khó mà đề phòng được sấm sét hay ác thú cắn đá.

26 – Tham tọa Thủy cung, giáp biên Tứ Sát bản khổ chung thân

Cung Mệnh an tại Hợi, Tý (Thủy cung) có Tham tọa thủ giáp Tứ Sát, thật là suốt đời nghèo khổ.

27 – Tham Lang, Hợi, Tý, hạnh phúc, Quyền, Vương, biến hư thành thực, ư Giáp, Kỵ tuế phú danh viên mãn

Cung Mệnh an tại Hợi, Tý có Tham tọa thủ, gặp Quyền, Vương hội hợp, biến hư thành thực, chuyển xấu thành tốt. Tuổi Giáp, Kỷ có cách này, được hưởng giàu sang trọng vẹn.

28 – Tham tú tọa nhi phùng Hóa kỵ đạo ngoại hành thương

Cung Mệnh có Tham Miếu địa hay Vương địa tọa thủ, gặp Kỵ đồng cung, hay xung chiếu là người buôn bán xuôi ngược, nay đây mai đó, nhưng rất giàu.

29 – Tham cư Đoài, Chấn, thoát tục vi tăng

Kỵ, Kiếp lai xâm trần hoàn đa trái

Cung Mệnh an tại Dậu (Đoài), Mão (Chấn) có Tham tọa thủ, là người thoát tục, tu hành. Nhưng trong trường hợp này, nếu Tham gặp Kỵ, Kiếp hội hợp, chắc chắn là sẽ phá giới, trở lại làm người thường, vì còn nặng nợ trần gian.

30 – Tham Lang gia cát tọa Trường Sinh, thọ khảo vĩnh như Bành Tổ

Cung Mệnh an tại Dần, Thân có Tham tọa thủ, gặp Sinh đồng cung, gặp thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất sống lâu như ông Bành Tổ.

**31 – Tham, Đào tại nhàn cung, Nữ Mệnh độc phụ
chi nhân, ngộ Triệt Tuần tâm tình thư thái**

Đàn bà mà cung Mệnh có Tham Hãm địa tọa thủ, gặp Đào đồng cung, là người độc ác thâm hiểm và rất dâm dăng. Nhưng trong trường hợp này, nếu Tham, Đào gặp Tuần Triệt án ngữ, lại là người nhân hậu và đoan chính.

**32 – Tham cư Tý, thử thiết vô nghi,
ngộ Tuần, Triệt phải vi đoan chính**

Cung Mệnh an tại Tý, có Tham tọa thủ, là hạng trộm cắp, du đãng, bất nhân, bất nghĩa. Nhưng trong trường hợp này, nếu Tham gặp Tuần Triệt án ngữ, lại là người lương thiện, thẳng thắn và đúng mực.

CỰ MÔN

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Cự môn, nên thân hình đầy đặn, thấp da trắng, mặt vuông vắn, đầy đặn, mắt lộ.

– Cự Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa là người thông minh, nhân hậu, vui vẻ, có mưu cơ, có trí xét đoán sáng suốt, ăn nói đanh thép, được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Cự gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy.

– Cự Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Tuế Hình, là người có văn tài lỗi lạc, khẩu thuyết hùng hồn, thích hoạt động chính trị, thường chuyên về tư pháp, ngoại giao.

– Cự Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp Hổ, Tuế, Phù hội hợp là người biết nhiều luật pháp, hay lý luận, thường làm quan tòa, thầy kiện.

– Cự Vượng địa, Tý, Ngọ là người học rộng tài cao có đức độ. Đây, Cự ví như ngọc giắt trong đá. Vậy cần phải gặp Hóa Lộc đồng cung, hay gặp Tuần Triệt án ngữ, như thế ngọc mới lộ vẻ sáng đẹp. Cung Mệnh có cách này mới được hưởng phú quý. Trái lại, nếu Cự không gặp Hóa Lộc đồng cung, không gặp Tuần Triệt án ngữ, hay nếu Cự gặp Tồn đồng cung: thật chẳng khác gì ngọc chìm sâu trong đá. Cung Mệnh có cách này là người đa học, đa năng nhưng không gặp thời.

– Cự Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình, tuy vẫn sống lâu, nhưng suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, thường

phải sớm xa cách gia đình, sức khỏe suy kém, có bệnh tật hoặc ở mắt, hoặc ở bộ sinh dục, lại hay mắc tai nạn, hay mắc thị phi kiện cáo, và khó tránh thoát được sự cầm hãm trói buộc.

– Cự Hãm địa là người kém thông minh, gian quyết, tham lam, khắc nghiệt, đa nghi, không cần ngôn, hay nói khoác lác, không thích giao thiệp rộng nên ít bạn bè, suốt đời vất vả, có nhiều bệnh tật, thường mắc thị phi, kiện cáo, tù tội hay mắc tai nạn, nếu không sớm ly tổ, tất không thể sống lâu được.

– Cự Hãm địa, Thìn, Tuất rất mờ ám xấu xa, nhưng đối với tuổi Quý, Tân lại thành sáng sủa tốt đẹp, vì có sự ứng hợp. Vậy, cho nên tuổi Quý, Tân mà cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự tọa thủ là người thông minh, được hưởng giàu sang và chẳng đáng lo ngại nhiều về sự chẳng lành xảy đến trong đời.

– Cự Hãm địa, Thìn, Tuất đối với tuổi Đinh, Canh lại càng mờ ám xấu xa, vì có sự khắc hãm. Vậy cho nên tuổi Đinh, Canh mà cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự tọa thủ, thật là khổ sở, khốn đốn đến cùng cực.

– Cự Hãm địa, Sửu, Mùi rất mờ ám xấu xa, nhưng đối với tuổi Ất, Bính, Tân lại thành sáng sủa tốt đẹp, vì có sự ứng hợp. Vậy cho nên tuổi Ất, Bính, Tân mà cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Cự tọa thủ, là người thông minh, học rộng, hiểu đạt, khá giả và chẳng đáng lo ngại nhiều về bệnh tật, hay tai ương họa hại bất kỳ.

– Cự Hãm địa, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc là người hiểu biết sâu rộng, cũng có văn tài, ăn nói khôn ngoan đanh thép, thường hoạt động chính trị, hay làm thầy giáo và cũng được hưởng giàu sang.

– Cự Hãm địa gặp Lộc, Tuế hội hợp, nên đi buôn.

– Cự Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình, thật chung thân cùng khốn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mắt, hoặc ở bộ sinh dục, hay mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng và chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách thê thảm.

– Cự, dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa, gặp Kỵ đồng cung, tất không thể tránh thoát được những tai nạn hoặc về sông nước hoặc về xe cộ.

NAM MỆNH

– Cự Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, thủ Mệnh là sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc có uy danh lừng lẫy, phúc thọ song toàn.

– Cự Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khốn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mắt, hoặc ở bộ sinh dục, hay mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng, và chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

NỮ MỆNH

Cự Miếu địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người tài giỏi đảm đang, có đức độ, rất vượng phú ích tử, lại được hưởng giàu sang và sống lâu. Đây, nếu Cự gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn.

– Cự Hãm địa là người có tướng lạ, ai mới trông thấy cũng quý mến, nhưng lại có tính dâm dật, hoang đàng gian tham, ăn nói sàm sỡ điêu ngoa, hay ghen tuông, suốt đời vất vả, có nhiều tật bệnh, thường mắc những tai nạn bất kỳ, nếu không sớm ly tổ nhất định là không thể sống lâu được.

– Cự hãm địa, nên muộn lập gia đình, để cố tránh những sự dở dang, đau đớn về sau này.

– Cự Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổn cô đơn, khắc chồng hại con, phải lang thang phiêu bạt, có bệnh tật khó chữa, hoặc ở mất, hoặc ở bộ phận sinh dục, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, đáng lo ngại và tất nhiên là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

PHỤ GIẢI

1 – Thìn, Tuất ứng hiềm hãm Cự Môn

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự Hãm địa tọa thủ, nên rất mờ ám xấu xa, nhưng riêng đối với hai tuổi Quý, Tân, cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự tọa thủ, lại thành sáng sửa tốt đẹp.

2 – Cự, Môn, Thìn, Tuất vi Hãm địa, Tân nhân hóa cát, lộc tranh vinh

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự Hãm địa tọa thủ, nên rất mờ ám xấu xa, nhưng đối với tuổi Tân lại thành sáng sửa tốt đẹp. Vậy cho nên tuổi Tân mà cung mệnh an tại Thìn, Tuất, có Cự tọa thủ, tất được hưởng phú quý song toàn.

3 – Cự, Nhật, đồng cung, quan phong tam đại

Cung Mệnh có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung, tất từ đời ông đời cha đã vinh hiển và liên tục ba đời đều có danh giá.

4 – Cự, Nhật Mệnh cung, Dần vị, thực lộc trì danh

Cung Mệnh an tại Dần, có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung, chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn vẹn.

5 – Cự, Nhật, Mệnh, lập Thân cung, diệc diệc

Cung Mệnh an tại Thân có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung, cũng khá giả, danh tài gồm đủ, nhưng không được toàn mỹ, như trong trường hợp cung Mệnh an tại Dần, có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung.

6 – Cự, Nhật, Dần cung, lập Mệnh Thân, tiên tri danh nhi thực lộc

Cung Mệnh an tại Thân, có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung tại Dần xung chiếu, tất quý hiển trước, rồi về sau mới phú túc.

7 – Cự, Nhật, Thân, lập Mệnh Dần, tri danh thực lộc

Cung Mệnh an tại Dần, có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung tại Thân, xung chiếu, cũng được hưởng giàu sang.

8 – Cự, Nhật, Dần, Thân thiên môn, Nhật lãng, ký ngộ Lộc Tồn, ái giao Quyền, Phượng

Cung Mệnh an tại Dần, Thân, có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung, rất tốt đẹp, vì ở đây Nhật sáng sủa ví như mặt trời lơ lửng trên cao, tỏa ánh sáng xuống mặt đất. Trong trường hợp này, Cự, Nhật gặp Lộc Tồn đồng cung, và cần gặp Quyền, Phượng hội hợp. Vậy cho nên nếu cung Mệnh có Cự, Nhật, Lộc tọa thủ đồng cung, tất suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, và nếu cung Mệnh có Cự, Nhật tọa thủ đồng cung, gặp Quyền, Phượng hội hợp, thật hiển nhiên là được hưởng phú quý song toàn.

9 – Cự, Hình củng chiếu diệp vi kỳ

Cung Mệnh tốt đẹp, có Cự, Nhật sáng sủa hợp chiếu, tất được hưởng giàu sang trọn đời.

10 – Cự Tú, Thiện Cơ vi phá đặng

Cung Mệnh an tại Dần, có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung là người thông minh, học rộng, nhưng thích chơi bời, ăn tiêu hoang phí.

11 – Cự, Cơ đồng cung, công khanh chi vị

Cung Mệnh an tại Dần, có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung, chắc chắn là có quan chức lớn.

12 – Cự, Cơ, Mão, Dậu, Ất, Tân, Kỵ, Bính chí công khanh

Tuổi Ất, Tân, Kỵ, Bính mà cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung, tất có quyền cao chức trọng. Các tuổi khác mà cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Cơ, Cự tọa thủ đồng cung, cũng hiển đạt khá giả, nhưng không được toàn mỹ như tuổi Ất, Tân, Kỵ, Bính.

13 – Cự, Cơ Dậu thượng hóa cát giả, túng hữu tài quan đã bất chung

Cự, Cơ tọa thủ đồng cung tại Dậu, không hoàn toàn tốt đẹp như tọa thủ đồng cung tại Mão. Vậy cho nên cung Mệnh an tại Dậu, có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung, tuy cũng được hưởng phú quý, nhưng không được trọn đời, và nếu càng giàu sang lại càng giảm thọ. Trong trường hợp này, Cự, Cơ cần gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc. Như thế mới được hưởng phú quý bền vững và phúc thọ song toàn.

**14 – Mão, Dậu, Cự, Cơ, Ất, Tân, Âm Nữ, vượng phu ích tử
bất kiến Triệt Tuần đa tài thao lược**

Âm nữ tuổi Ất, Tân mà cung Mệnh an tại Mão, Dậu có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung nên rất vượng phu ích tử. Trong trường hợp này, nếu Cự, Cơ không gặp Tuần Triệt xung chiếu, lại là người tài giỏi đảm đang, thao lược.

15 – Cự, Cơ nhi ngộ Lộc Tồn, ngôn ngữ bất cẩn

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Cự, Cơ Lộc tọa thủ đồng cung, là người ăn nói không chín chắn, cẩn thận.

Ngoài ra, cung Mệnh an bất cứ tại vị trí nào, nếu có Cự tọa thủ gặp Lộc đồng cung, cũng phải giải đoán như trên.

**16 – Cự, Cơ chính hưởng, hạnh ngộ Song Hao,
uy quyền quán thế**

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Cự, Cơ tọa thủ đồng cung, gặp Song Hao hội hợp, tất có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy.

**17 – Cự, Đồng nhập Mộ, nhi hội Kỵ, Kinh,
nan phòng thủy nạn**

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Cự tọa thủ hay có Đồng tọa thủ, hay có Cự, Đồng tọa thủ đồng cung, gặp Kinh, Kỵ hội hợp thật là khó đề phòng tai nạn sông nước. Nhưng riêng hai tuổi Bính, Tân mà cung Mệnh có cách này không đáng lo ngại.

**18 – Cự, Đồng nhi phùng La, Vong, ngộ Khoa tinh,
thoại thuyết Lịch Sinh**

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất có Cự tọa thủ, hay có Đồng tọa thủ, gặp La, Vong hội hợp, gặp Khoa hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu, là người có tài du thuyết như Lịch Sinh đời Hán.

**19 – Tân nhân tối ái Cự Môn, nhược lâm Tứ Mộ
hạnh phúc cứu Mệnh chi tinh**

Tuổi Tân ứng hợp với Cự và cần có Cự thủ Mệnh. Vậy cho nên tuổi Tân mà cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Cự tọa thủ, tuy ở đây Cự mờ ám, cũng vẫn khá giả. Trong trường hợp này nếu, Cự gặp Tả, Hữu hội hợp, lại thành một bộ sao cứu Mệnh, giải trừ được khá nhiều bệnh tật và tai họa có thể xảy đến trong đời.

20 – Cự Môn, Tứ Sát hãm nhi hung

Cung Mệnh có Cự tọa thủ, gặp Kinh, Đà, Hỏa, Linh hội hợp, nên rất mờ ám xấu xa. Có cách này thật là suốt đời vất vả, thường mắc nhiều tật bệnh và khó tránh thoát được những tai họa đáng lo ngại.

21 – Cự Môn, Đà La tất sinh dị chí

Cung Mệnh hay cung Thân có Cự Hãm địa tọa thủ, hoặc Kinh đồng cung, hoặc gặp Đà đồng cung là người yếu đuối, mắc nhiều bệnh tật, suốt đời khổ sở. Nếu khỏe mạnh lại là quân trộm cắp, là hạng đàng điếm, ăn tàn phá hại.

23 – Cự, Hỏa, Linh phùng ác hạn, tử thuật ngoại đạo

Cung Mệnh có Cự tọa thủ, gặp Hỏa, Linh hội hợp, nên rất mờ ám xấu xa. Có cách này mà gặp ác hạn, tất chết ở giữa nơi đường xá.

24 – Cự, Hỏa, Kinh, Dương, Đà La phùng ác diệu, ả tử đầu hà

Cung Mệnh có Cự tọa thủ, gặp Hỏa, Kinh, Đà hội hợp, cùng với nhiều sao xấu xa ác độc, tất thất cổ hay đâm đầu xuống sông mà chết.

25 – Cự Môn Hợi Tý, kỵ ngộ Lộc Tồn nhi phùng Quyền, Lộc, kiếm xạ Đẩu Ngưu

Cung Mệnh an tại Hợi, Tý, có Cự tọa thủ, kỵ gặp Lộc Tồn đồng cung. Trong trường hợp này nếu Cự gặp lại Lộc Tồn đồng cung và gặp Quyền, Lộc hội hợp, là người có nhiều cao vọng, nhưng không thể thực hiện được, cũng ví như ném kiếm lên sao Đẩu, sao Ngưu.

26 – Cự Môn Tý, Ngọ, Khoa, Quyền Lộc, thạch trung cần ngọc, phúc hưng long

Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ, có Cự tọa thủ, gặp Khoa, Quyền Lộc hội hợp, là người học rộng tài cao, có đức độ, ví như ngọc báu ẩn trong đá và chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc, phúc thọ song toàn.

27 – Cự Môn, Thìn cung Hóa Kỵ, Tân nhân Mệnh ngộ phản vi giai

Cung Mệnh an tại Thìn có Cự, Kỵ tọa thủ đồng cung, nên rất mờ ám xấu xa, nhưng riêng đối với tuổi Tân lại thành sáng sủa tốt đẹp, vì có sự ứng hợp. Vậy cho nên, tuổi Tân mà cung Mệnh an tại Thìn, có Cự, Kỵ tọa thủ đồng cung, tất được hưởng giàu sang.

THIÊN TUỞNG

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Thiên tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, nên thân hình nở nang, cao vừa tầm, da trắng, vẻ mặt đẹp dễ uy nghi, rất thông minh, tính đôn hậu, thẳng thắn, nhưng thích ăn ngon mặc đẹp, ưa thanh sắc bề ngoài, và dĩ nhiên là được hưởng giàu sang, phúc thọ song toàn.

– Tướng Hãm địa, thân hình cũng nở nang, nhưng, thấp kém thông minh tính cũng đôn hậu, nhưng dễ đam mê, thích ăn chơi và không biết lo xa, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, tuy vậy, vẫn có đủ cơm ăn áo mặc và sống lâu.

– Tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Vũ, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, lại có uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy.

– Tướng Vượng địa gặp Kình, Đà hội hợp, nên chuyên về kỹ nghệ hay kinh doanh buôn bán và chắc chắn là có nhiều tiền của.

– Tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh tuy kém tốt đẹp nên hay có bệnh tật ở đầu, mặt, nhưng cũng vẫn được hưởng giàu sang, sống lâu và cũng chẳng đáng lo ngại nhiều về những sự chẳng lành xảy đến trong suốt cuộc đời.

– Tướng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, tất phải có tật trong mình hay có bệnh ở đầu, mặt, tính rất liều lĩnh, trước khi làm bất cứ việc gì cũng không biết suy xét cẩn thận, nên hay nhầm lẫn suốt đời lao khổ, phải lo lắng về sinh kế, khó tránh thoát được tai họa, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Tướng dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa gặp Tuần Triệt án ngữ, tất suốt đời khổ cực, công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm, thường phải ly tổ bốn ba, lại hay mắc tai họa khủng khiếp, nhất là về đao gươm súng đạn, không thể sống lâu được và dĩ nhiên là phải chết một cách thê thảm.

– Tướng dù Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa, gặp Hình đồng cung, thật là khó tránh được tai họa về đao gươm, súng đạn và chắc chắn là đầu, mặt hay chân tay bị thương tàn.

NAM MỆNH

– Tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý đến tột bậc, lại có uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy.

– Tướng Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, hay Tướng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật chỉ có tu hành mới được yên thân và sống lâu.

NỮ MỆNH

– Tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người tài giỏi đảm đang hay ghen tuông, được hưởng giàu sang và phúc thọ song toàn. Đây, nếu tướng gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và rất vượng phú ích tử.

– Tướng Hãm địa cũng là người có tài, hay ghen tuông, nhưng suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, thường phải buồn khổ vì chồng vì con.

– Tướng Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nên có tính lăng loạn, lại khắc chồng hại con, suốt đời cực khổ, cô đơn và không thể sống lâu được.

– Tướng Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa hay Hãm địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, là người cô đơn khốn khổ có tàn tật, nếu có danh giá tiền tài, tất phải yếu tử, và dĩ nhiên là phải chết một cách thê thảm.

PHỤ GIẢI

1 – Thiên Tướng Thìn, Tuất, khởi thị công danh

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có tướng tọa thủ, nên rất quý hiển.

2 – Nữ tướng tinh, tướng cận như mãnh hùng

Đàn bà mà cung Mệnh có Tướng tọa thủ, nên rất can đảm, dũng mãnh và bạo tợn, ví như con gấu dữ.

3 – Thiên Tướng chi tinh Nữ Mệnh triều, tất dương tử quý cập phu hiền

Đàn bà mà cung Mệnh có Tướng Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, tất lấy được chồng hiền, tài giỏi và sanh con quý.

4 – Thiên Tướng, Liêm Trinh, Kinh Dương giáp hình trượng nan đào

Cung Mệnh an tại Tý Ngọ có Liêm, Tướng tọa thủ đồng cung, lại giáp Kinh, nên khó tránh thoát được tù tội.

5 – Tướng Hồng nữ Mệnh, quý nhân hảo phối

Đàn bà mà cung Mệnh có Tướng, Hồng, tọa thủ đồng cung, tất lấy được chồng giàu sang.

6 – Tướng ngộ Khúc, Mộc, Cái, Đào, thuần tước dâm phong

Đàn bà mà cung Mệnh có Tướng tọa thủ, gặp Khúc, Mộc, Cái, Đào hội hợp, nên rất xinh đẹp, nhưng lại có tính dâm đẳng.

THIÊN LƯƠNG

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Thiên Lương tọa thủ, nên thân hình thon và cao, da trắng, vẻ mặt thanh tú khôi ngô, tính khoan hòa, được hưởng tuổi thọ lâu dài.

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa rất thông minh, lại có tính nhân hậu, và từ thiện: được hưởng giàu sang trọn đời.

– Lương Hãm địa, Ty Hợi kém thông minh, cũng có tính nhân hậu, nhưng nông nổi, thích chơi bời phóng đãng, ăn hoang tiêu rộng, và thích phiêu lưu, nay đây mai đó.

– Lương Hãm địa Dậu, kém thông minh, cũng có tính nhân hậu, nhưng không bền chí trước khi làm, bất cứ việc gì cũng không suy xét cẩn thận nên hay nhầm lẫn.

– Lương Hãm địa, Ty, Hợi, Dậu, nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, hay thay đổi chí hướng, nghề nghiệp, công việc lại thường phải ly tổ bốn ba và khó tránh được tai họa.

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, chắc chắn là được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy quyền hiển hách.

– Lương Miếu địa, Vượng địa, hay Đắc địa gặp Xương Khúc, Tả, Hữu, Tuế, tất có văn tài lỗi lạc và thường chuyên về sự phạm.

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, nên suốt đời lao khổ, thường phải sớm xa gia đình, lại hay mắc tai họa khủng khiếp, tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Có cách này thật chỉ có tu hành mới được yên thân và sống lâu.

– Lương hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Hỏa, Linh, tất trong mình phải có tật và nếu không cùng khổ cô đơn, chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách thâm trầm.

NAM MỆNH

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy quyền hiển hách.

– Lương Miếu địa, Thìn, Tuất, tất có nhiều mưu cơ và thích bàn xét về chính lược, chiến lược.

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa gặp Tuần, Triệt án ngữ, thật chỉ có tu hành mới được yên thân và sống lâu.

– Lương Hãm địa, nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, hay thay đổi chí hướng, nghề nghiệp, công việc lại thường phải ly tổ bốn ba, và khó tránh thoát được tai họa.

– Lương Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, tất trong mình phải có tật, suốt đời cùng khổ, cô đơn và hay gặp sự chẳng lành. Nếu có danh chức, tài lộc, chắc chắn là không thể sống lâu được.

NỮ MỆNH

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, là bậc hiền phu, được hưởng giàu sang trọn đời và rất vượng phu ích tử.

– Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp Tuần Triệt án ngữ, tất phải muộn lập gia đình, hay lấy kẻ lấy lẽ, mới tránh được mấy độ buồn thương, chắc chắn là phải cô đơn khổ cực. Tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Có cách này thật chỉ có tu hành mới được hưởng phúc an nhàn và sống lâu.

– Lương Hãm địa nên có tánh phóng đãng, ưa việc ong bướm đi về, suốt đời phải lo lắng buồn bực vì chồng con.

– Lương Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, là hạng hạ tiện, dâm dật, khắc chồng, hại con, nếu không cùng khổ cô đơn, tất phải yếu tử.

PHỤ GIẢI

1 – Thiên Lương thủ chiếu, cát tướng phùng

Cung Mệnh có Lương Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa tọa thủ, hay chiếu lại gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nên hưởng phúc và sống lâu.

2 – Thiên Lương cư Ngọ vị, quan tư thanh hiển

triều đình (ngọ thương Thiên Lương)

Cung Mệnh an tại Ngọ có Lương tọa thủ, nên rất rực rỡ tốt đẹp. Tuổi Đinh, Kỷ, Quý có cách này, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, lại thêm uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy. Các tuổi khác có cách này, cũng có quan chức lớn.

3 – Lương, Nhật, mao cung, Nhật xuất phù tang dung mạo phương viên

Cung Mệnh an tại Mão có Lương, Nhật tọa thủ đồng cung, thật là rực rỡ tốt đẹp, ví như mặt trời mới mọc phương đông hừng sáng. Có cách này, nên mặt vuông vắn, đầy đặn và tươi nhuận, lại được hưởng phú quý đến tột bậc, suốt đời an nhàn sung sướng.

4- Thiên Lương, Thái Dương, Xương, Lộc hội lộ truyền đệ nhất danh

Cung Mệnh an tại Tý, có Lương tọa thủ, gặp Nhật xung chiếu và Xương Lộc hội hợp, hay an tại Ngọ có Nhật tọa thủ, gặp Lương xung chiếu và Xương, Lộc hội hợp, là người rất thông minh, đi thi rất đỗ cao, lại sớm hiển đạt, được hưởng giàu sang trọn đời và có uy danh lừng lẫy.

5- Thiên Lương, Thái Âm, khước tác phiêu bông chi khách

Cung Mệnh có Lương Hãm địa tọa thủ, gặp Nguyệt hợp chiếu hay có Nguyệt Hãm địa tọa thủ, gặp Lương hợp chiếu, là người giang hồ, suốt đời bôn tẩu nay đây mai đó, ví như cánh bèo, hay lá cỏ trôi nổi trên mặt nước.

6- Lương Tú, Âm, Linh, nghi tá đồng lương chi khách

Cung Mệnh an tại Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ có Lương tọa thủ, gặp Nguyệt, Linh hội chiếu, là nhiều có tài năng và dĩ nhiên là quý hiển.

7- Lương, Đồng, Tỵ, Hợi, nam đa lãng đãng, nữ đa dâm

Đàn ông mà cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi, có Lương hay Đồng tọa thủ, là người phóng đãng và thích phiêu lưu nay đây mai đó.

Đàn bà mà cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi, có Lương hay Đồng tọa thủ, là người dâm dật.

8- Ấm, Phúc tại Mệnh án ngữ, bất pha tai ương

Cung Mệnh Mệnh, Thân có lương hay Đồng Miếu địa, Vượng địa, Đắc địa tọa thủ, hay có Lương Đồng tọa thủ đồng cung, nên suốt đời không bao giờ mắc phải tai ương họa hại. (Ấm bà tên riêng của Thiên Lương, cũng như Phúc là tên riêng của Thiên Đồng).

9- Lương, Đồng, Cơ, Nguyệt, Dần, Thân vị nhất sinh lợi nghiệp thông minh

Cung Mệnh an tại Dần, Thân, có Lương, Đồng tọa thủ đồng cung, gặp Cơ, Nguyệt hội chiếu, nên rất thông minh và được hưởng giàu sang trọn đời.

10- Thiên Lương, Văn Xương, cư Miếu, Vượng vị chi công khanh

Cung Mệnh có Lương Miếu địa tọa thủ, gặp Xương đồng cung, nên rất quý hiển.

11- Lương phùng Hao Sát tại cung đào nghiệp hình thương

Cung Mệnh an tại Tỵ, có Lương tọa thủ, gặp Đại Tiểu Hao, Sát tinh hội hợp, tất khó tránh thoát được tai họa về đau thương hay súng đạn.

12- Thiên Lương, Thiên Mã ví nhân phiêu đãng vô nghi

Cung Mệnh an tại Tý, Hợi có Lương tọa thủ, gặp Mã đồng cung hay xung chiếu, là người phiêu đãng, thích chơi bời, ngoa du, nay đây mai đó, và hay thay đổi chí hướng.

13- Thiên Lương ngộ Mã, nữ Mệnh tiên nhi thả dâm

Đàn bà mà cung Mệnh an tại Ty, Hợi có Lương tọa thủ, gặp Mã đồng cung hay xung chiếu, là người hạ tiện và dâm dật.

THẤT SÁT ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Thất Sát tọa thủ, nên thân hình nở nang, hơi cao, nhưng thô xấu, da xám hây đen dòn, mặt thường có vết, mắt to và lồi, tính ương ngạnh, nóng nảy, làm việc gì cũng muốn cho chóng xong.

- Sát Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa, nên rất can đảm, dũng mãnh, thông minh, có nhiều mưu cơ, lại thêm tánh cương nghị, hiếu thắng, và hay nói đại ngôn, nhưng được nhiều người tin phục, tuy được hưởng giàu sang, sống lâu, nhưng trên đường đời gặp nhiều bứt thăng trầm.
- Sát Miếu địa, Dần, Thân, dĩ nhiên là quý hiển, nhưng tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ mà cung Mệnh có cách này, thật tài quan song mỹ.
- Sát Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sửa tốt về hội, nhất là Tử, Phủ, Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Mã, Kinh, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, có uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy.
- Sát Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, là người tàn nhẫn, đa sát, tuy được hưởng giàu sang, nhưng chẳng được lâu bền, lại có tật bệnh, thường gặp tai nạn xe cộ, đao súng, hay bị bắt bớ, giam giữ và chắc chắn giảm thọ.
- Sát Hãm địa là người hung bạo gian quyết, hay nói khoác lác, thường làm đồ tể, hàng thịt, thợ rèn, nếu giàu có, tất không thể sống lâu được.
- Sát Hãm địa, Mão Dậu, tuy mờ ám xấu xa, nhưng ứng hợp với tuổi Ất, Tân. Vậy cho nên tuổi Ất Tân mà cung Mệnh có cách này, cũng như được hưởng phú quý và tuổi thọ cũng gia tăng.
- Sát Hãm địa, gặp Tả, Hữu, Long, Phượng, Quang, Quý hội hợp, thường làm thợ vàng hay thợ bạc.
- Sát Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, phải loang thang phiêu bạt, thường có bệnh tật khó chữa, lại hay bị bắt bớ giam cầm, hay mắc tai nạn khủng khiếp, nhất là về xe cộ, đao súng và dĩ nhiên là yếu tử, nhưng chết một cách rất thâm hiểm.

- Sát Hãm địa, gặp Hình đồng cung, nếu không mắc tù tội, tất cũng bị giết chết, hay chết vì tai nạn xe cộ.

NAM MỆNH

- Sát Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, thường hiển đạt về võ nghiệp, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy và dĩ nhiên là sống lâu.
- Sát Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa, gặp Hình đồng cung, là người có biệt tài về quân sự và có oai phong lẫm liệt.
- Sát Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, thường có bệnh tật khó chữa, lại hay bị bắt bớ giam cầm, hay mắc tai nạn xe cộ, đao súng và chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

NỮ MỆNH

- Sát Miếu địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người, là người tài giỏi, đảm đang, gan góc và hay ghen tuông. Tuy được hưởng giàu sang, sống lâu, nhưng phải muộn lập gia đình mới tránh khỏi được những nỗi ưu phiền đau đớn vì chồng con. Đây, nếu Sát gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và phúc thọ song toàn.
- Sát Hãm địa là người độc ác, lòng lang dạ thú, khắc chồng hại con, thường có nhiều tật bệnh, suốt đời lao khổ, lại hay mắc tai nạn, và không thể sống lâu được. Đây, nếu Sát gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, lại có bệnh tật khó chữa, thường hay mắc tai họa khủng khiếp và chắc chắn là yếu tử, nhưng chết một cách rất thê thảm.

PHỤ GIẢI

- 1- Thất Sát Dần, Thân, Tý, Ngọ nhất sinh tước lộc, vinh xương

Cung Mệnh an tại Dần, Thân, Tý, Ngọ có Sát tọa thủ, tất được hưởng phú quý đến tột bậc.

(Thất Sát tọa thủ tại Dần, Thân gọi là “Thất Sát triều đầu” tọa thủ tại Tý Ngọ gọi là “Thất Sát ngưỡng đầu”)

- 2- Sát, Tử, Tồn cung. Đế huê bảo kiếm, Hỏa, Tuyệt nhập xâm, đa sát chi nhân, hanh ngộ, Bật, Khoa, Mã, Ấn, Hồng, Sinh, di lập chiến công di đại tướng.

Cung Mệnh an tại Tý Tồn cung có Sát, Tử đồng cung, tất được hưởng phú quý đến tột bậc và có uy quyền hiển hách, cũng ví như đức vua mang kiếm báu. Đây, nếu Sát, Tử gặp Hóa, Tuyệt hội hợp, lại là người tàn nhẫn khát máu.

Nếu Sát, tứ gặp Hỏa, Tuyệt hội hợp cùng với Bát, Khoa, Mã, Ấn, Hồng Sinh, tất hiển đạt về võ nghiệp, thường lập được chiến công một cách dễ dàng, và được vinh thăng lên hạng võ quan cao cấp.

3- Thất Sát, Liêm Trinh đồng vị, lộ thượng mai thi

Cung Mệnh An tại Sửu, Mùi có Sát, Liêm tọa thủ đồng cung, tất nhiên chết ở nơi giữa đường sá, hoặc vì tai nạn xe cộ, hoặc vì dao súng.

4- Sát, Liêm, Sửu, Mùi, Ất, Kỷ, Âm Nam, anh hùng trí dũng

Âm Nam tuổi Ất Kỷ mà cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Sát Liêm tọa thủ đồng cung, là bậc anh hùng trí dũng hơn người. Các tuổi khác mà cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Sát Liêm tọa thủ đồng cung, cũng là người can đảm và có tài thao lược.

5- Thất Sát, Phá Quân, nghi xuất ngoại: chư ban thủ nghệ bất năng tinh

Cung Mệnh có sát hãm địa tọa thủ (hay có Phá Hãm địa tọa thủ) tất phải lìa bỏ gia đình, đi làm ăn ở phương xa. Có cách này lại là người biết nhiều nghề, nhưng không được tinh thực.

6- Sát, Phá, Tham tại Nữ Mệnh nhi ngộ Văn Xương ư Tân Đinh tuế, sương phụ chi nhân
Đàn bà tuổi Tân, Đinh mà cung Mệnh có Sát tọa thủ, gặp Phá, Tham hội chiếu (hay có Phá tọa thủ, gặp sát hội chiếu, hay có Tham tọa thủ, gặp Sát, Phá hội chiếu và gặp Xương hoặc đồng cung, hoặc xung chiếu, là người góa bụa, suốt đời cô đơn, buồn buồn khổ. Có cách này, phải muộn lập gia đình hay lấy kế lấy lẽ, mới tránh được mấy độ tang tóc bi thương).

7- Thất Sát trung phòng Tứ sát yêu đà bối khúc trần trung vong

Cung Mệnh có Sát tọa thủ, gặp Kinh, Đà, Hỏa, Linh hội hợp, tất bị gù lưng, hay có tật ở lưng và nếu ra trận, chắc chắn là mạng vong.

8- sát, Kinh tại Ngọ, mã đầu đối kiếm tương giao sát diệu ư Bính Mậu nhân, mệnh nan toàn

Cung Mệnh an tại Ngọ có Sát, Kinh tọa thủ đồng cung, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, tất hay mắc tai họa khủng khiếp, nhất là về xe cộ, dao súng. Tuổi Bính Mậu mà cung Mệnh có cách này, chắc chắn là phải chết một cách rất thảm, thân thể không được vẹn toàn. Nhưng tuổi Giáp Kỷ mà cung Mệnh có cách này, lại là bậc cái thế anh hùng.

9- Sát lâm Tyệt địa hội Dương, Đà, Nhan Hôi yếu chiết

Cung Mệnh an tại Tuyệt địa có Sát tọa thủ, gặp Kinh, Đà hội hợp, tất phải yếu tử như ông Nhan Hôi, học trò đức Thánh Khổng. (Trong số của ông Nhan Hôi, cung Mệnh an tại Tuyệt địa, có Sát tọa thủ, gặp Kinh Đà hội hợp. Vậy cho nên ông chết sớm).

10- Thất Sát, Hỏa, Dương bản thả tiện, đồ tể chi nhân

Cung Mệnh có Sát Hãm địa tọa thủ, gặp Hỏa, Kinh hội hợp là người nghèo hèn, thường làm đồ tể, hàng thịt.

11- Sát cư Ly, Khảm nam nhân thể hiên đa hội: mạc ngộ Kiếp, Riêu, ố phụ ái cô thân, nữ Mệnh ai oan trái hồng nhan nan tự chủ

Đàn ông mà cung Mệnh an tại Ngọ (Ly), Tý (Khảm), có Sát tọa thủ, tất lấy được nhiều vợ hiền. Đây, nếu gặp Sát gặp Kiếp Riêu hội hợp, lại là người ghét đàn bà và thích ở độc thân. Đàn bà mà cung Mệnh an tại Ngọ, Tý, có Sát tọa thủ, gặp Kiếp Riêu hội hợp, tất giăng mắc vào lưới tình àm mang lụy, trong đời phải gặp nhiều phen khổ sở, điều đứng vì tình.

12- Sát, Hình hội long thần định giáng

Cung Mệnh có Sát Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa tọa thủ, gặp Hình đồng cung, là người có aoi phong lâm liệt, như Long thần giáng thế và chắc chắn là được hưởng phú quý, nhưng thường hiển đạt về võ nghiệp.

13- Sát, Hình tọa củng liêm trực vô tư

Cung Mệnh có Sát Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa tọa thủ, gặp Hình đồng cung hoặc chiếu, hay có Hình Đắc địa tọa thủ, gặp Sát chiếu, là người liêm khiết, thẳng thắn và vô tư.

14- Thất, Sát lâm, Thân chung thị yếu

Cung Thân có Sát tọa thủ rất không thể sống lâu được.

PHÁ QUÂN

ĐẠI CƯƠNG

Cung Mệnh có Phá Quân tọa thủ, nên thân hình đầy đặn, cao vừa tầm (phá đắc địa hay phá hãm địa, thân hình hay thấp) da hồng hào, mặt đầy đặn, mắt lộ, hầu lộ, lông mày thưa.

- Phá Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa là người thi công minh, cương quả, hiếu thắng, tự đắc, có thủ đoạn, có tài thao lược, lại can đảm, dũng mãnh, ưa hoạt động, thích đi xa, ham săn bắn.
- Phá Miếu địa lại hay nghe nịnh hót.
- Phá Đắc địa cũng hay nghe nịnh hót nhưng có tính gian hiểm, bất nhân.
- Phá Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa tất được hưởng giàu sang và sống lâu. Nhưng trên đường đời gặp nhiều bước thăng trầm, tiền tài ộcng danh như đám mây nổi, tụ tán thất thường.
- Phá Miếu địa ứng hợp với tuổi Đinh, Kỷ, Quý và khắc tuổi Bính, Mậu, Dần, Thân. Vậy cho nên tuổi Đinh, Kỷ, Quý, mà cung Mệnh có Phá Miếu địa tọa thủ, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn. Còn tuổi Bính, Mậu, Dần, Thân. Vậy cho nên tuổi Đinh, Kỷ, Quý mà có Phá Miếu địa tọa thủ, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn. Còn tuổi Bính, Mậu, dần, Thân mà cung mệnh có Phá Miếu địa tọa thủ, tuy cũng được hưởng giàu sang nhưng hay mắc tai họa.
- Phá Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Xương, Khúc, tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc hay Kinh đà, Không, Kiếp Đắc địa, thật là thang mây nhẹ bước, tất được hưởng phú quý đến tột bậc, lại có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy.
- Phá Miếu địa, Vương địa hay Đắc địa gặp nhiều sao mờ ám, xấu xa hội hợp, nhất là sát tinh hãm địa hay Đại tiểu hao, hổ, Kỵ, Hình, nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, nghèo túng, thường phải bôn tẩu nay đây mai đó, lại hay mắc tai nạn và khó tránh thoát được tù tội, tuổi thọ cũng bị chết giảm.
- Phá Hãm địa là người ươn ngạnh, hiếu thắng, hung tợn, nham hiểm, bất nhân, có óc kinh doanh, khéo tay, thường chuyên về kỹ nghệ, máy móc, thủ công hay đi buôn, suốt đời vất vả, thường mắc nhiều tai ách, nếu không ly tổ bốn ba, tất không thể sống lâu được.
- Phá Hãm địa, Mão Dậu ứng hợp với tuổi Ất, Tân, Quý. Phá Hãm địa Dần, Thân, ứng hợp với Giáp, canh, Đinh, Kỷ. Phá Hãm địa Tý Hợi ứng hợp với tuổi Mậu. Vậy cho nên tuổi Ất, tân, Quý, mà cung Mệnh an tại Mão Dậu có Phá tọa thủ, tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ, mà cung Mệnh an tại dần, Thân có Phá tọa thủ, và tuổi Mậu mà cung Mệnh an tại

Ty, Hợi có Phá tọa thủ, cũng vẫn khá giả và cũng chẳng đáng lo ngại nhiều về những sự chẳng lành xảy đến trong đời.

- Phá Hãm địa gặp Kinh, Đà, Không Kiếp Đắc địa hội hợp, cũng được hưởng giàu sang nhưng hay mắc tai họa.
- Phá Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh hãm địa hay Đại tiểu hao, Hổ, Ky, Hình, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt. Lại có tàn tật, có bệnh có chữa, thường mắc phải những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xiềng xích, nếu không cũng bị yếu tử, nhưng chết 1 cách thê thảm.

NAM MỆNH

Phá Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ mệnh, gặp nhiều sao sánh sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc thường hiển đạt về võ nghiệp, có uy quyền hiển hách và sống lâu.

- Phá hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại có tàn tật, có bệnh khó chữa, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, chân tay thường bị vướng vào xiềng xích nếu không cũng bị yếu tử nhưng chết 1 cách rất thê thảm.

NỮ MỆNH

Phá Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thủ Mệnh, là người ài giỏi, đảm đang, gan góc, hay ghen tuông, tuy được hưởng giàu sang, sống lâu nhưng phải muộn lập gia đình mới tránh được những nỗi ưu phiền, và đau đớn vì chồng con. Đây, nếu Phá gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý đến tột bậc.

- Phá Hãm địa là người dâm dật, ác độc, lăng lòn, phải lấy kế lấy lẽ may ra mới tránh được mấy độ buồn thương, suốt đời khổ cực, có nhiều bệnh tật, lại hay mắc tai nạn, nếu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, thật là chung thân cùng khổ cô đơn, khắc chồng hại con, phải lang thang phiêu bạt, thường mắc những tai nạn khủng khiếp, lại có tàn tật, hay có bệnh khó chữa, nếu không cũng yếu tử, nhưng chết 1 cách rất thê thảm.

PHỤ GIẢI

1- Phá Quân nhất diệu, tính nan mình

Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ, Thìn, Tuất, Dần, Thân có Phá đơn thủ (không gặp Chính diệu khác đồng cung) là người không sát suốt, hay nghe nịnh hót.

2- Phá Quân, tý, Ngọ, gia quan tiến lộc

Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ có Phá tọa thủ, tất được hưởng phú quý song toàn.

3- Phá Quân Khảm, Ly, Cô thân độc ảnh

Cung Mệnh an tại Tý (Khảm), Ngọ (Ly) có Phá tọa thủ, tất phải sớm xa cách cha mẹ anh em, nếu không cũng khắc vợ (hay chồng) hay hiếm con.

4- Phá Quân, Tham lang, Phùng lộc, Mã nam đa lãng đãng, nữ đa dâm

Cung Mệnh có Phá tọa thủ (hay có Tham tọa thủ), gặp Lộc, Mã hội hợp: đàn ông hay chơi bời hoang đãng, thích ngao du nay đây mai đó. Đàn bà rất dâm dật.

Đàn ông hay đàn bà mà cung Mệnh có Phá tọa thủ (hay Tham tọa thủ) gặp Lộc, Mã hình, là người vô hạnh, nhưng kiếm tiền dễ dàng.

5- Phá, Sát khủng phùng hỏa, Hao, mạc ngọc việt, Hình lão hạn quy thân họa nghiệp lai

Cung Mệnh có Phá, tọa thủ (hay có Sát tọa thủ) gặp Hỏa Hao hội hợp, thật là khó tránh thoát được những tai nạn khủng khiếp.

Cung Mệnh có Phá tọa thủ (hay sát tọa thủ) gặp Hỏa Hoa hội hợp, cùng với Việt, Hình, tất về già sẽ chết vì mắc tai nạn.

6- Phá, Kinh, Mão, Dậu, Nhi Phùng phụ, Bát, Khởi nguy Hoàng Sào

Cung Mệnh an tại Mão, Dậu, có Phá, Kinh tọa thủ đồng cung, gặp Phụ, Bát hội hợp là người độc ác, đa sát, làm loạn thiên hạ như Hoàng Sào (đời Đường) vậy.

7- Phá Quân, Hỏa, Linh, bốn ba lao tói

Cung Mệnh có Phá tọa thủ, gặp Hỏa, Linh hội hợp, nên suốt đời phải bốn ba lao khổ.

8- Dần, Thân, Phá, Hỏa, Việt lâm ư, Tân, Đinh, Tuế cơ xảo tài hành

Tuổi Tân, Đinh mà cung Mệnh an tại Dần, Thân, có Phá tọa thủ, gặp hỏa, Việt hội hợp, là người giỏi về máy móc, thường chuyên về kỹ nghệ.

Các tuổi khác mà cung Mệnh an tại Dần, Thân, có cách này cũng rất khéo tay.

9- Phá tọa ly, ngôn ngữ thô bạo: Phùng lộ, Dương nan giải xương cuồng

Cung Mệnh an tại Ngọ có Phá tọa thủ, nên hay gắt gỏng, nói năng thô lỗ. Đây nếu Phá hoặc gặp Lộc đồng cung, hoặc gặp Thiếu Dương đồng cung, hoặc gặp Lộc, Dương hội hợp lại rất vui tính, hay nói đùa bỡn.

10- Phá Quân Thìn, Tuất nhi ngộ Khoa, Tuần, cãi ắt vi lương: ư hợp Mậu, quý nhân, đa hạonh dành tài

Cung Mệnh an tại Thìn, Tuất có Phá tọa thủ, là người gian ác bất nhân. Đây, nếu Phá gặp Khao đồng cung, gặp tuần án ngữ, lại rất thẳng thắn, lương thiện. Đến Mậu, Quý, mà cung Mệnh an tại Thìn, Tuất, có Phá tọa thủ, gặp khoa đồng cung, gặp Tuần án ngữ tất hạonh phát danh tài.

11- Phá cư Mộ, cương quả chi nhân, phùng thời loạn thế, Phùng hình, Lộc, Chấn động uy danh

Cung Mệnh an tại tứ Mộ có Phá tọa thủ, là người cương quả, gặp được sự nghiệp lớn trong thời loạn. Đây, nếu Phá gặp Hình, Lộc hội hợp, tất có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy.

VĂN XƯƠNG – VĂN KHÚC

ĐẠI CƯƠNG

– Cung Mệnh có Văn Xương, hay Văn Khúc tọa thủ nên vẻ mặt thanh tú và khôi ngô.

– Xương, Khúc Đắc địa, nên tai thính, mắt rất sáng, trong mình thường có nốt ruồi kín hợp với quý tướng, lại là người thông minh, học rộng, biết suy xét, phán đoán mọi việc trước sau hay dở, có văn tài và có năng khiếu về âm nhạc.

– Xương, Khúc Đắc địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, nên đi thi đỗ cao, sớm hiển đạt, được hưởng phú quý, có uy danh lừng lẫy và sống lâu.

– Xương, Khúc Đắc địa, gặp Đồng Lương sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người khôn khéo, có nhiều tài năng, sớm hiển đạt và được hưởng giàu sang trọn đời. Trong trường hợp này, nếu Xương, Khúc gặp Tuần Triệt án ngữ, hay nhiều Sát tinh hội hợp, thật là mờ ám xấu xa. Có cách này, nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, lại hay mắc tai họa, nhất là tù tội, tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Chỉ có lánh mình ở chốn thuyền môn hay đạo viện may ra mới được yên thân và sống lâu.

– Khúc Đắc địa, gặp Vũ đồng cung, tất có tài kiếm văn võ, có uy quyền hiển hách và được hưởng giàu sang trọn đời. Tuổi Giáp mà cung Mệnh có Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp Vũ đồng cung là hợp cách, nên được hưởng phú quý đến cực độ và có uy danh lừng lẫy.

– Khúc Đắc địa gặp Tham, Hỏa đồng cung hay hội chiếu, tất có quan chức lớn và có rất nhiều của cải quý giá.

– Xương, Khúc Hãm địa nên làm nghề thủ công rất khéo léo, nếu chuyên về kỹ nghệ, mỹ nghệ sau cũng khá giả.

– Xương, Khúc Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hay Sát tinh hội hợp, tất trong mình có nhiều rối rắm, ứ đọng nông nổi, trước

khí làm bất cứ một việc gì, cũng không suy xét cẩn thận, nên hay nhầm lẫn, thất bại, suốt đời cùng khổ cô đơn, thường phải ly tổ hôn ba, khó tránh thoát được tai họa nhất là tù tội, nếu không có tàn tật, tất không thể sống lâu được.

– Cung Mệnh có Xương, Khúc tọa thủ, dù Đắc địa, hay Hãm địa, nhưng nếu gặp Tuế, tấu, Long, Phượng hội hợp, cũng là người khéo nói, hát hay và rất ham chuộng thi, ca, vũ, nhạc, kịch.

NAM MỆNH

– Xương, Khúc Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc là người thông minh, học rộng, có văn tài lỗi lạc, sớm nhẹ bước thang mây, uy danh lừng lẫy, được hưởng giàu sang trọn đời và sống lâu.

– Xương, Khúc Hãm địa, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hay Sát tinh hội hợp, nên suốt đời cùng khổ cô đơn, thường phải ly tổ hôn ba, khó tránh thoát được tai họa, nếu không có tàn tật phải yếu tử.

NỮ MỆNH

– Xương, Khúc Đắc địa thủ Mệnh, nên nhan sắc tuyệt vời rất đa tình.

– Xương, Khúc Đắc địa, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng phú quý và sung sướng suốt đời.

– Xương, Khúc Hãm địa, nét mặt cũng tươi tỉnh, nhưng tính rất thâm dâm và suốt đời phải buồn phiền vì chồng con.

– Xương, Khúc Hãm địa, Gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hay Sát tinh hội hợp, là hạng gái giang hồ, ty tiện, khắc chồng hại con, và thường phải yếu tử.

– Xương, Khúc thủ Mệnh, dù Đắc địa hay Hãm địa, nếu gặp Riêu đồng cung, cũng là người có tính đồng bóng.

PHU GIẢI

1 – Văn Quế, Văn Hoa, cứu trùng quý hiển

Cung Mệnh có Xương, Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nên rất quý hiển.

(Văn Quế là tên riêng của Văn Xương, Văn Hoa là tên riêng của Văn Khúc).

2 – Văn Xương, Văn Khúc vì nhân đa học đa năng

Cung Mệnh có Xương, Khúc, Đắc địa tọa thủ, là người thông minh, học rộng, có nhiều tài năng.

3 – Dương phi hảo sắc thị Khúc, Xương

Cung Mệnh của số Dương Quý Phi đời Đường, có Khúc, Xương tọa thủ, vậy cho nên nàng có nhan sắc “Chim sa cá lặn” và được vua Đường Huyền Tôn yêu quý chiều chuộng.

Đàn bà mà trong số có Khúc, Xương thủ Mệnh, cũng là người xinh đẹp.

4 – Nữ nhân Xương, Khúc thông minh, phú quý chỉ đa dâm

Đàn bà mà trong số có Xương, Khúc Đắc địa thủ Mệnh, là người thông minh, được hưởng phú quý, nhưng có tính dâm dăng.

5 – Ty, Hợi tọa Quế, Hoa, phi vinh tắc phú

Cung Mệnh an tại Ty, Hợi có Xương, Khúc tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên rất rục rờ. Có cách này nếu không quý hiển, cũng là triệu phú.

**6 – Xương, Khúc Liêm Trinh ư Ty, Hợi,
vì nhân bất thiện tạo hình**

Cung Mệnh an tại Ty, Hợi có Xương, Khúc tọa thủ, gặp Liêm đồng cung, là người gian dối, hay khoe khoang, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, thường phải ly tổ bốn ba, lại hay mắc tai họa, nhất là tù tội và không thể sống lâu được.

7 – Xương, Khúc Phá Quân phùng, hình khắc đa lao toái

Cung Mệnh có Xương, Khúc tọa thủ, dù Đắc địa hay Hãm địa, nếu gặp Phá đồng cung, tất suốt đời phải lao tâm khổ tứ và hay bị bắt bớ giam cầm.

**8 – Xương, Khúc, Phá Quân lâm Hổ, Thố, Sát, Dương
xung phá bốn ba**

Cung Mệnh an tại Dần (Hổ), Mão (Thố) có Xương, Khúc tọa thủ, gặp Phá đồng cung, gặp Sát tinh, nhất là Kinh xung chiếu, nên suốt đời lao khổ, thường phải lìa bỏ gia đình, bốn tẩu ở phương xa, lại hay mắc tai họa, tù tội và không thể sống lâu được.

9 – Xương, Khúc, Lương tinh vị chí thai cương

Cung Mệnh có Xương, Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp Lương đồng cung hay xung chiếu, nên rất quý hiển, có uy danh lừng lẫy.

10 – Xương, Khúc, Cơ, Lộc thanh tú, xảo

Cung Mệnh có Xương, Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp Cơ, Lộc hội hợp là người xinh đẹp và khéo léo.

11 – Xương, Khúc, Tả, Hữu, hội Dương, Đà dương sinh dị chí

Cung Mệnh có Xương, Khúc tọa thủ, gặp Tả, Hữu đồng cung, gặp Kinh, Đà hội hợp, nên trong mình có nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ.

12 – Xương, Khúc Lộc Tồn do vi kỳ thị

Cung Mệnh có Xương, Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp Lộc đồng cung, là người có nhiều tài năng xuất chúng.

13 – Xương, Khúc, Sửu, Mùi, Giáp nhân Dương nữ, kiêm phùng Hồng, Lộc hiển phụ chi nhân.

Dương Nữ tuổi Giáp mà cung Mệnh an tại Sửu, Mùi có Xương, Khúc tọa thủ đồng cung, gặp Hồng, Lộc hội hợp, là người có đức độ, đáng bậc hiển phụ, nhưng hưởng giàu sang trọn đời và rất vượng phu ích tử.

14 – Văn Xương hội Liêm Trinh, chi táng mệnh thiên niên

Cung Mệnh an tại Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi, Mão, Dậu, có Xương, Liêm tọa thủ đồng cung, nên không thể sống lâu được.

15 – Văn Xương, Vũ khúc ư Mệnh Thân, văn vũ kiêm bi

Cung Mệnh Thân, có Xương Đắc địa, gặp Vũ đồng cung, là người có tài kiêm văn võ, có uy danh lừng lẫy và được hưởng giàu sang trọn đời.

16 – Văn Xương, Tả Phụ vị chí tam thai

Cung Mệnh, có Xương Đắc địa tọa thủ, gặp Tả đồng cung, nên rất quý hiển.

17 – Nhị Khúc Vượng cung, uy danh hách dịch

Cung Mệnh, có Khúc Đắc địa tọa thủ, gặp Vũ đồng cung, là người có tài kiêm văn võ và có uy quyền hiển hách.

18 – Xương, Khúc Giáp Mệnh tối vi kỳ

Cung Mệnh giáp Xương, giáp Khúc, nên rất thông minh và được nhiều người kính trọng, quý mến.

19 – Xương, Khúc giáp Mệnh, xuất ngoại đa cận quý nhân

Cung Mệnh giáp Xương, giáp Khúc, ra ngoài hay được gần quý nhân.

20 – Xương, Khúc giáp Trì, quý nhi thả hiền

Cung Mệnh có Nhật sáng sửa tốt đẹp tọa thủ, lại giáp Xương, giáp Khúc, nên rất quý hiền và được hưởng giàu sang trọn đời.

21 – Văn tinh củng chiếu Giả Nghị Niên thiếu đẳng khoa

Trong số của Giả Nghị đời Hán, Cung Mệnh sáng sửa tốt đẹp, lại có Xương, Khúc, Khôi, Việt hội chiếu, vậy cho nên Giả Nghị thông minh, học rộng, đỗ đạt rất sớm. Người nào mà Cung Mệnh có cách này một cũng thông minh và sớm hiển đạt.

**22 – Nhị Khúc triều viên phùng, Tả, Hữu
tướng tướng chi tài**

Cung Mệnh sáng sửa tốt đẹp, có Khúc, Vũ hội chiếu và Tả, Hữu hội hợp, là người có tài kiêm văn võ, nhưng hiển đạt về võ nghiệp và được hưởng phú quý song toàn.

THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT**ĐẠI CƯỜNG**

Cung Mệnh có Thiên Khôi hay Thiên Việt tọa thủ, tất là con trưởng, nếu không, sau cũng đoạt trưởng, lại có vẻ mặt thanh tú, khôi ngô, mắt sáng, tính tình cao thượng và rất thông minh.

– Khôi, Việt gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ Xương, Khúc, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc nên có tài kiêm văn võ, có óc lãnh tụ, có mưu cơ tổ chức và sớm nhẹ bước thang mây, thường nắm giữ đầu mối những công việc lớn, nhỏ nên có uy quyền hiển hách, hay lui tới gần bên bậc nguyên thủ, lại được hưởng giàu sang và sống lâu.

– Khôi, Việt gặp Tuần Triệt án ngữ, hay gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Sát tinh, Kỵ, Hình, nên suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, công danh trắc trở, nếu được hưởng giàu sang, cũng chẳng lâu bền, thường có bệnh tật ở đầu, lại hay mắc tai họa khủng

khiếp, nhất là về đao thương, súng đạn và không thể sống lâu được.

NAM MỆNH

– Khôi, Việt thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý song toàn và sống lâu.

– Khôi, Việt gặp Tuần Triệt án ngữ, hay gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nên công danh trắc trở hay mắc tai họa, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

NỮ MỆNH

– Khôi, Việt, thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là bậc hiền phụ, có danh giá, nhưng hưởng giàu sang, sống lâu và rất vượng phu ích tử.

– Khôi, Việt gặp Tuần Triệt án ngữ, hay gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nên suốt đời phải lao tâm loại tử lại hay mắc tai họa, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

PHỤ GIẢI

1 – Khôi, Việt tại Mệnh, Thân vì trường tử

Cung Mệnh, Thân, có Khôi, Việt tọa thủ, tất là con trưởng, nếu không, sau cũng đoạt trưởng.

2 – Thiên Khôi, Thiên Việt, cái thế văn chương

Cung Mệnh có Khôi, Việt tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Văn tinh, như : Xương, Khúc, Khoa, Tuế, Tấu là người có văn tài lỗi lạc, và sớm nhẹ bước thang mây.

3 – Khôi, Việt phụ tinh, vì phúc thọ

Cung Mệnh có Khôi, Việt tọa thủ, lại gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phúc và sống lâu.

4 – Khôi, Việt tại Mệnh, Thân, đa chiết quế

Cung Mệnh, Thân có Khôi, Việt tọa thủ, tất đi thi đỗ cao ví như được bẻ cành quế.

5 – Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc tồn

Hình, Sát vô xung, đại phú quý

Cung Mệnh có Khôi, Việt tọa thủ, gặp Xương, Khúc, Lộc, hội hợp, may mắn lại không bị Sát tinh hay Kỵ, Hình xâm phạm, nên được hưởng phú quý đến cực độ và sống lâu.

6 – Khôi, Việt trùng phùng Sát, cố tật vưu đa

Cung Mệnh có Khôi, Việt tọa thủ, gặp nhiều sao hội hợp, nên trong mình có nhiều bệnh tật không thể chữa khỏi được.

7 – Khôi tinh lâm Mệnh, vị chí tam thai

Cung Mệnh có Khôi tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp, nên rất quý hiển. Nếu Cung Mệnh an tại Ngọ, có Khôi tọa thủ, gặp Tử đồng cung, chắc chắn là có uy danh lừng lẫy, và được hưởng giàu sang trọn đời.

8 – Khôi tinh giáp Mệnh vi kỳ cách

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, giáp Khôi, giáp Việt nên rất thông minh, sớm hiển đạt, được nhiều người kính trọng, yêu mến, ra ngoài hay được quý nhân phù trợ.

9 – Giáp, Quý, Giáp Lộc, thiếu nhân tri

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, giáp Khôi, Việt, giáp Lộc, nên rất quý hiển và giàu có, ít người sánh kịp.

LỘC TỒN**ĐẠI CƯƠNG**

– Cung Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, là người thông minh, học rộng, tính nhân hậu, từ thiện, có tài tổ chức, có nhiều sáng kiến lạ và biết ứng biến, suốt đời được hưởng giàu sang, được nhiều người kính trọng và sống lâu.

– Lộc gặp Tử, Phủ, Xương, Khôi, Việt, Mã hội hợp thật là rực rỡ tốt đẹp. Có cách này, chắc chắn là được hưởng phú quý trọn đời, có uy quyền hiển hách, tuổi thọ cũng gia tăng.

– Lộc gặp Quang, Quý, Thiên Quan, Thiên Phúc, Riêu, Y hội hợp, nên chuyên nghề thuốc, sau rất nổi tiếng.

– Cung Mệnh có Lộc tọa thủ, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Không, Kiếp, Hao, Kỵ, Tuế là người biển lận, ích kỷ và gian quyết, thường sớm khắc một trong hai thân, hay phải sớm lìa bỏ gia đình, lang thang bôn tẩu ở phương xa, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, tài lộc thiếu thốn, nếu có nhiều tiền của, lại hay bị mất cắp, lừa đảo, khó tránh được những tai họa khủng khiếp, và rất dễ mắc tù tội, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

NAM MỆNH

– Lộc thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Xương, Khúc, Khôi, Việt, nên được hưởng phú quý trọn đời, có uy danh lừng lẫy và sống lâu.

– Lộc gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Không, Kiếp, Hao, Kỵ, Tuế nên suốt đời quẩn bách, buồn phiền vì vợ con, thường phải sớm ly tổ, lại hay mắc tai họa và không thể sống lâu được.

NỮ MỆNH

– Lộc thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên rất đoan chính, được hưởng giàu sang trọn đời và rất vượng phu ích tử.

– Lộc gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp hội hợp, cũng không có tánh dâm dăng, nhưng suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, và phải hay buồn khổ vì chồng con.

PHỤ GIẢI**1 – Lộc Tồn hậu trọng đa y, thực**

Lộc tồn có Lộc tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên suốt đời được hưởng giàu sang, được ăn miếng ngon, mặc đồ tốt.

Nếu Cung Mệnh an tại Hợi, có Lộc tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, chắc chắn là tài quan song mỹ, được hưởng phú quý đến cực độ.

2 – Lộc Tồn tại viên, chỉ tứ tổ nghiệp

Cung Mệnh có Lộc tọa thủ, nên có cửa cái do tiền nhân để lại.

3 – Lộc triều viên, thân vinh quý hiển

Mệnh sáng sửa tốt đẹp, có Lộc chiếu, nên rất quý hiển.

4 – Lộc Tồn Tý, Ngọ vị, Mệnh, Thân,**Thiên Di phùng chí, lợi lộc nghi**

Cung Mệnh, Thân hay Thiên Di an tại Tý, Ngọ, có không tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên rất giàu sang, tiền của chất đống lên trong kho lẫm.

5 – Lộc phùng xung Phá, cát dã thành hung

Cung Mệnh có Lộc tọa thủ, gặp Phá xung chiếu nên rất mờ ám xấu xa. Có cách này, nên tiền tài thiếu thốn, suốt đời phải lo lắng vì sinh kế, và hay mắc tai họa.

6 – Song Lộc thủ Mệnh, Lã Hậu chuyên quyền

Cung Mệnh có Lộc Tồn và Hóa Lộc tọa thủ đồng cung, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người độc đoán, có óc lãnh tụ và thích chuyên quyền, như Lã Hậu đời Hán vậy.

Cung Mệnh của số Lã Hậu đời Hán cũng có cách này.

7 – Song Lộc trùng phùng, chung thân phú quý

Cung Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, gặp Hóa Lộc chiếu, hay có Hóa Lộc tọa thủ, gặp Lộc Tồn chiếu, hay có Lộc Tồn, Hóa Lộc tọa thủ đồng cung và nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn đời.

8 – Minh Lộc, ám Lộc, vị chí công khanh

(Cấm thượng thiêm hoa)

Cung Mệnh sáng sửa tốt đẹp, có Lộc Tồn tọa thủ, cung Nhị hợp có Hóa Lộc tọa thủ, hay cung Mệnh sáng sửa tốt đẹp có Hóa Lộc tọa thủ, cung Nhị Hợp có Lộc Tồn tọa thủ, như vậy thật là rục rờ. Có cách này như gấm thêu hoa, chắc chắn là được hưởng giàu sang, có quan chức lớn và uy quyền hiển hách.

(Trường hợp Minh Lộc, ám Lộc còn gọi là Uyên Ương Lộc hội).

9 – Lộc, Mã tối hỉ giao tri, chúng nhân sửng ái

Cung Mệnh Lộc tọa thủ, gặp Mã xung chiếu, hay mã tọa thủ, gặp Lộc xung chiếu, như vậy thật là rục rờ tốt đẹp. Có cách này, tất được hưởng giàu sang, dễ kiếm tiền và được nhiều người mến chuộng.

10 – Lộc đáo, Mã đáo, kỵ Kiếp, Không, Tuế

Cung Mệnh có Lộc tọa thủ, gặp Mã xung chiếu, hay có Mã tọa thủ, gặp Lộc xung chiếu, nếu lại gặp thêm Kiếp, Không, Tuế hội hợp, tất là mờ ám xấu xa. Có cách này, nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh thoát được tai họa.

TẢ PHỤ – HỮU BẬT

ĐẠI CƯƠNG

– Cung Mệnh có Tả, Phụ hay Hữu Bật tọa thủ, lại gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên thân hình đầy đặn, tính nhân hậu, khoan hòa, thẳng thắn, hay cứu giúp những người khốn cùng và có nhiều mưu trí.

– Tả, Hữu gặp Tử, Phủ, Xương, Khúc, Khôi, Việt hội hợp cùng với Khoa, Quyền, Lộc tất trong mình có nhiều nốt ruồi kín hợp với quý tướng. Vậy cho nên được hưởng phú quý trọn đời, có danh tiếng lừng lẫy, tuổi thọ cũng gia tăng.

– Tả, Hữu hội hợp với Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương, Long, Phượng, tất chuyên về nghề thuốc, sau rất khá giả.

– Tả, Hữu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa, hay Sát tinh hội hợp, tất trong mình có nhiều rối rắm, thường mang tật, tính rất gian trá, hiểm độc, hay lừa đảo, hại người, suốt đời cùng khổ cô đơn, khó tránh thoát được những tai họa khủng khiếp, tuổi thọ lại bị chiết giảm.

– Cung Mệnh có Tả, Hữu tọa thủ dù gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, hay gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, cũng phải sớm ly tổ hay sớm lìa bỏ gia đình, tự tay lập nghiệp ở phương xa.

NAM MỆNH

– Tả, Hữu thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người thông minh, học rộng, văn võ kiêm toàn, được hưởng giàu sang đến tận cuối đời.

– Tả, Hữu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Cự, Phá, Hãm địa hay Sát tinh hội hợp, tất phải mang tàn tật, suốt đời cùng khổ và thường yếu tử.

NỮ MỆNH

– Tả, Hữu thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, là người siêng năng, hiền hậu, giàu có hơn người và rất vượng phu ích tử.

– Tả, Hữu gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hay Sát tinh hội hợp, là hạng bất chính, khắc hại chồng con, dù có được hưởng giàu sang cũng chẳng được lâu bền, nếu chết nonn ấy là may mắn.

PHỤ GIẢI

1 – Tả, Phụ Hữu Bát chung thân phúc hậu

Cung Mệnh có Tả, Hữu tọa thủ, gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nên suốt đời được hưởng phúc, gặp nhiều may mắn và sống lâu.

2 – Tả, Hữu đồng cung, phi la y tử

Cung Mệnh an tại Sửu, Mùi, có Tả, Hữu tọa thủ đồng cung, lại gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Khoa, Quyền, Lộc tất được hưởng phú quý song toàn, ví như người mặc áo gấm tía.

3 – Mộ phùng Tả, Hữu tôn cư bát tọa chi quý.

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Tả, Hữu tọa thủ, lại gặp thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nên rất quý hiển. Tả, Hữu tọa thủ tại Tứ Mộ sáng sủa hơn là tại các vị trí khác.

4 – Phụ, Bát ái nhập Mộ cung, nhược phùng

Đế tượng, Văn đoàn, Võ cách, hoạnh phát danh tài

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ có Tả, Hữu tọa thủ, là hợp cách : nếu lại gặp Tử Vi, hay Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương (Văn đoàn), hội hợp, hay Sát, Phá, Liêm, Tham (Võ cách) hội hợp, tất hoạnh phát công danh và được hưởng giàu sang trọn đời.

5 – Tả, Hữu, Trinh, Dương, tạo hình lục

Cung Mệnh có Tả, Hữu tọa thủ, lại gặp Trinh, Dương hội hợp, nên hay mắc tù tội và suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

6 – Tả, Hữu, Khôi, Việt ư phúc thọ

Cung Mệnh có Tả, Hữu tọa thủ, lại gặp Khôi, Việt, tọa thủ, nên được hưởng phúc và sống lâu.

7 – Tả, Phủ đồng cung, tôn cư vạn thừa

Cung Mệnh có Tả, Hữu tọa thủ đồng cung, nên được hưởng giàu sang sung sướng. Nếu cung Mệnh an tại Tuất, có cách này thật là toàn mỹ : phú quý đến tận cuối đời.

8 – Hữu Bát, Thiên Tướng phúc lai lâm

Cung Mệnh có Hữu, Tướng tọa thủ đồng cung, nên được hưởng phúc sống lâu. Trong trường hợp này nếu Cung Mệnh an tại Tỵ, Hợi, tất được hưởng phú quý, nhưng không bền. Nếu cung Mệnh an tại Mão, Dậu, chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

9 – Tả, Hữu giáp Mệnh vì quý cách

Cung Mệnh có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, lại giáp Tả, giáp Hữu, nên rất quý hiển, có danh tiếng lừng lẫy, được nhiều người kính phục.

10 – Phụ, Bật giáp ĐẾ, phúc lai lâm

Cung Mệnh có Tử Vi tọa thủ, lại giáp Tả, giáp Hữu nên được hưởng phúc, có danh giá uy quyền.

11 – Tả, Hữu, đơn thủ chiếu Mệnh, ly tông thứ xuất

Cung Mệnh có Tả, Hữu hoặc xung chiếu, hoặc hội chiếu, tất phải sớm lìa bỏ gia đình, lập nghiệp ở phương xa. Trong trường hợp này, nếu Cung Mệnh có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất được hưởng giàu sang và sống lâu. Trái lại, nếu cung Mệnh có nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, tất cùng khổ cô đơn, trong đời gặp nhiều nỗi gian truân vất vả và thường yếu tử.

KINH DƯƠNG**ĐẠI CƯƠNG**

Cung Mệnh có Kinh, Dương đơn thủ, nên thân hình cao và thô, da xám, mặt choắt, hầu lộ, mắt lồi.

– Kinh Đắc địa, nên tính khí cương cường, quả quyết, dũng mãnh, lắm cơ mưu, thích mạo hiểm, nhưng hay kiêu căng tự đắc.

– Nhưng nếu Kinh Hãm địa, thì tính khí lại hung bạo, liều lĩnh, bướng bỉnh, ngang ngạnh và gian trá.

– Kinh tọa thủ tại Dần, Thân, tai hại nhất đối với tuổi Giáp Mậu, thường phải phá tán, tổ nghiệp, mang tật trong mình, suốt đời sầu khổ, có sớm rời xa quê hương, mới mong sống lâu được. Trong trường hợp này, nếu may mắn có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, thì lại khéo léo về thủ công.

– Kinh tọa thủ tại Mão, Dậu, tất chân tay có thương tích và mắt rất kém.

– Kinh gặp Nhật hay Nguyệt đồng cung, tất trai khắc vợ, gái sát chồng.

– Kinh gặp Liêm, Cự, Kỵ đồng cung, tất có ám tật. Nếu Liêm, Cự, Kỵ Hãm địa, tất chân tay bị thương tàn, hay mắc kiện tụng, tù

hình, càng về già lại càng khốn khổ. Đáng lo ngại nhất là tuổi Thìn, Tuất gặp cách này.

– Kinh gặp Tả, Hữu, Xương, Khúc hội hợp, tất trong mình có nốt ruồi kín đốm hay có nhiều rỗ sẹo.

NAM MỆNH

– Kinh Đắc địa thủ Mệnh, nên chuyên về quân sự, sau có uy quyền hiển hách.

– Kinh Đắc địa gặp Tử, Phủ cũng Đắc địa đồng cung, tất buôn bán lớn mà trở nên giàu có.

– Kinh Hãm địa, không gặp Tuần Triệt án ngũ, hay gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp cứu giải, thật là khó tránh thoát được tai họa, tuổi thọ cũng bị chiết giảm, còn sống ngày nào còn sầu khổ ngày đó. Trong trường hợp này, nếu chẳng may gặp Kinh lại thêm Đà, Hỏa, Linh, Kiếp, Sát hội hợp, chắc chắn là phải chết ở nơi đường sá, hay phải phơi thây ở chốn sa trường.

NỮ MỆNH

– Kinh Đắc địa thủ Mệnh nên rất giàu có và vượng phu ích tử.

– Kinh Hãm địa là hạng hạ tiện, dâm dật, khắc hại chồng con.

PHỤ GIẢI

1 – Kinh, Dương nhập Miếu, phú quý thanh dương

Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Kinh tọa thủ, lại gặp thêm nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nên được hưởng phú quý và có danh tiếng lừng lẫy. Tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có cách này lại càng quý hiển.

2 – Kinh Dương Tý, Ngọ, Mão, Dậu phi yếu chiết nhi hình thương

Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ, Mão, Dậu, có Kinh tọa thủ, tất phải chết non, nếu sống lâu, tất phải mang tàn tật và chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

3 – Mã đầu đối kiếm, phi yếu chiết nhi chủ hình thương

Cung Mệnh an tại Ngọ có Kinh tọa thủ, ví như kiếm kề cổ ngựa, nên rất đáng lo ngại. Nếu Kinh lại gặp thêm nhiều Sát tinh hay Sát, Hình hhh, tất phải chết yếu một cách thảm, nếu sống lâu tất phải mang tàn tật và cùng khổ cô đơn.

4 – Mã đầu đôi kiếm, trấn ngự biên cương

Cũng như trên, nhưng nếu Kinh xa lánh được Sát tinh, hay Sát, Hình và gặp thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhất là Lộc, Mã, Khoa, Quyền, tất hiển đạt về võ nghiệp, có uy quyền lớn, trọng trấn ở chốn biên thùy. Tuổi Bính Tuất có cách này thật là tài quan song mỹ. Còn các tuổi khác có cách này, tuy cũng quý hiển, nhưng sự nghiệp chẳng được lâu bền và hay mắc tai họa khủng khiếp.

5 – Kinh Dương, Đồng, Âm, nhi phùng, Phượng, Giải, nhất thế uy danh.

Cung Mệnh an tại Ngọ có Kinh, Đồng, Âm tọa thủ đồng cung, lại gặp thêm Phượng, Giải hội hợp, tất hiển đạt về võ nghiệp, lập được chiến công, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy, giàu sang trọn đời.

(Cung Mệnh với vua Hán Quang Vũ cũng có cách này).

Mệnh an tại Tý, có những sao kể trên cũng tốt đẹp, nhưng không rực rỡ như tại Ngọ.

6 – Kinh, Tù, Giáp, Ấn, hình tượng nan đào

Cung Mệnh giáp Kim, Liêm, Tướng, nên khó tránh thoát được tù tội. Nếu có quan chức, sau cũng bị bãi cách, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng.

7 – Kinh Dương, Hỏa Tướng, oai quyền xuất chúng đồng hành Tham, Vũ, uy yểm biên di

Cung Mệnh an tại Tứ Mụ, có Kinh, Hỏa tọa thủ đồng cung, nên có uy quyền hiển hách. Nếu Kinh, Hỏa, lại gặp thêm Tham, Vũ đồng cung, tất là bậc cái thế anh hùng, có danh tiếng lừng lẫy, chiến quân giặc ở chốn biên cương phải khiếp sợ.

8 – Kinh, Đà, Linh, Hỏa thủ Thân, Mệnh yêu đà bồi khúc chi nhân

Cung Mệnh hay cung Thân có Kinh, Đà, Linh, Hỏa hội hợp, là người gù lưng hay có tật ở lưng. Nếu những sao kể trên lại Hãm địa, tất suốt đời cùng khổ cô đơn, hay phải chết một cách thê thảm.

**9 – Dương, Đà, Hỏa, Linh phùng
phát tài, hung tặc kỵ**

Cung Mệnh có Kinh, Đà, Hỏa, Linh hợp nếu gặp thêm nhiều sao sáng sửa tới đẹp hội hợp, tất có tài lộc, nhưng nếu gặp thêm nhiều sao mờ ám xấu xa, tất suốt đời cùng khổ, sau lại mắc tai họa mà chết một cách tang thương.

10 – Mệnh, Dương, Đà gia Kiếp, thọ giảm

Cung Mệnh có Kinh hay Đà tọa thủ, gặp Kiếp đồng cung, nên giảm thọ.

11 – Giáp Dương, giáp Đà vì khất điều

Cung Mệnh xấu xa, lại giáp Kinh, giáp Đà, nên suốt đời cùng khổ, lang thang phiêu bạt, đôi khi phải đi ăn xin.

12 – Dương, Đà giáp Kỵ vì bại cục

Cung Mệnh có Kỵ tọa thủ, lại giáp Kinh, giáp Đà nên suốt đời nghèo túng, khổ sở, và hay mắc tai họa. Chỉ có sớm xa gia đình, may ra mới được an thân và no cơm ấm áo.

**13 – Kinh, Hư, Tuế, Khách, gia lâm,
mãn thế đa phùng tang sự**

Cung Mệnh có Kinh tọa thủ, lại gặp thêm Hư, Tuế, Khách hội hợp, nên suốt đời sầu khổ, trai sát vợ, gái khắc chồng, nếu không, cũng phải sớm xa cách cha mẹ anh em.

14 – Lý Quảng sức địch vạn chúng

Cung Mệnh có Kinh, Lực tọa thủ đồng cung, nên thân hình lực lưỡng có sức khỏe địch được muôn người, như Lý Quảng đời Hán vậy.

(Cung Mệnh của Lý Quảng có Kinh, Lực tọa thủ đồng cung).

15 – Kinh Dương phùng Lực Sĩ, Lý Quảng nan phong

Cung Mệnh có Kinh, Lực tọa thủ đồng cung, là người tài giỏi, lập được nhiều công trạng, nhưng không được người trên xét đến để phong thưởng, cũng như Lý Quảng lập được chiến công oanh liệt mà không được nhà vua phong tước.

ĐÀ LA**ĐẠI CƯỜNG**

– Cung Mệnh có Đà La đơn thủ, nên thân hình cao dài, hơi gầy, da xám, lông tóc rậm rạp, mặt thô, răng xấu, mắt kém.

– Đà Đắc địa là người can đảm, dũng mãnh, nhưng thâm trầm, có mưu cơ, thủ đoạn.

– Đà Hãm địa là người hung bạo, gian hiểm, độc ác và dâm dật, trong mình thường có tỳ vết hay có nhiều rỗ sẹo.

– Đà Hãm địa gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, nhất là Hỏa, Kinh, Không, Kiếp, Kỵ, Hình thật là chung thân cùng khổn cô đơn, phải lang thang phiêu bạt, lại hay đau răng, đau mắt, thường mắc kiện cáo, tù tội, mắc những tai nạn khủng khiếp, nên chân tay không bị thương tàn và nếu mắt không có tật, tất không thể sống lâu được.

HỎA – TINH – LINH – TINH**ĐẠI CƯỜNG**

– Cung Mệnh có Hỏa Tinh hay Linh tinh tọa thủ, nên thân hình thô xấu, lông tóc vàng hay đỏ, thường có tỳ vết ở chân, tay hay răng miệng, tính ương ngạnh, nóng nảy.

– Hỏa, Linh Đắc địa thủ Mệnh, là người can đảm, dũng mãnh, có chí khí hiên ngang. Sức khỏe dồi dào và ít khi mắc tai nạn. Người sinh năm Dần, Mão, Tỵ, Ngọ có Hỏa, Linh Đắc địa thủ Mệnh, là hợp cách. Trong trường hợp này, nếu Hỏa Linh lại gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, thì chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn đời.

– Người sinh ở phương Đông, Nam, mà cung Mệnh có Hỏa, Linh Đắc địa tọa thủ, cũng là hợp cách, nên cũng được hưởng phú quý.

– Người sinh ở phương Tây, Bắc mà cung Mệnh có Hỏa, Linh Đắc địa tọa thủ, tuy cũng được hưởng giàu sang, nhưng chẳng được lâu bền.

– Cung Mệnh có Hỏa, Linh Hãm địa tọa thủ, là người thâm hiểm, gian ác và rất liêu lĩnh, thường mắc bệnh thần kinh hay khí huyết, nên sức khỏe càng ngày càng suy kém, suốt đời cùng khổ.

khó tránh được những tai họa khủng khiếp, nếu không mang tài trong mình, tất phải yếu tử. Chỉ có sớm xa gia đình, làm con nuôi họ khác, may ra mới tạm được an thân.

– Người sinh ở phương Tây, Bắc mà cung Mệnh có Hỏa, Linh Hãm địa tọa thủ, thật là nguy khốn đến cùng cực.

– Cung Mệnh an tại Tứ Mộ, có Hỏa, Linh tọa thủ gặp Tham, Vũ đồng cung, rất rực rỡ tốt đẹp. Có cách này, chắc chắn là xuất tướng, nhập tỉnh, văn võ toàn tài, có uy quyền hiển hách, danh tiếng lừng lẫy, và được hưởng giàu sang trọn đời.

NAM MỆNH

– Hỏa, Linh Đắc địa thủ Mệnh, ứng hợp năm sinh và phương hướng của nơi sinh, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn và hiển đạt về võ nghiệp.

– Hỏa, Linh Hãm địa thật rất đáng lo ngại, vì hay mắc phải những bệnh tật, tai họa nguy hiểm, suốt đời cùng khổ cô đơn, thường phải sớm lìa bỏ gia đình, lang thang bốn tấu, nếu chân tay không bị thương tàn, tất không thể sống lâu được.

NỮ MỆNH

– Hỏa, Linh Đắc địa thủ Mệnh, ứng hợp năm sinh và phương hướng của nơi sinh, tất là con nhà khuê các, nhưng có tính cương cường, nóng nảy và có gan dạ như đàn ông, suốt đời cũng được hưởng giàu sang.

– Hỏa, Linh Hãm địa, là người hạ tiện, dâm dật, đêm ngủ hay nằm mơ thấy đàn ông và thường khắc chồng hại con.

PHU GIẢI

1 – Hỏa Tinh, Linh Tinh chuyên tác họa

Hỏa, Linh là hai sao gây nên tai họa. Nếu Hỏa, Linh Đắc địa thủ Mệnh, cũng không đáng lo ngại lắm. Nhưng nếu Hỏa, Linh Hãm địa thủ Mệnh, thật khó tránh được những sự chẳng lành.

2 – Hỏa, Linh tương ngộ, đa trấn chư bang

Cung Mệnh có Hỏa Đắc địa tọa thủ, gặp Linh chiếu hay có Linh Đắc địa tọa thủ, gặp Hỏa chiếu, hay có Hỏa, Linh Đắc địa tọa thủ đồng cung, là người có tài ba xuất chúng, thường hiển đạt về võ nghiệp và có uy quyền danh tiếng lừng lẫy.

3 – Hỏa, Linh khả tỵ, Sửu, Mùi, Việt, Tham, Vũ ứng ngộ, lai phùng Kiếp diệu, đao binh dị tác tai thương

Cung Mệnh an tại Sửu Mùi, có Hỏa, Linh tọa thủ (tuy Hãm địa nhưng cũng không đáng lo ngại) gặp Việt, Tham, Vũ đồng cung, là người xuất tướng nhập tướng, hiển đạt về võ nghiệp, có uy quyền và được hưởng phú quý trọn đời. Nhưng trong trường hợp này, nếu cung Mệnh có thêm Kiếp tọa thủ hay chiếu, thật là khó tránh được những tai họa về đao thương, súng đạn.

4 – Hỏa, Linh, Kinh Dương vi hạ cách

Cung Mệnh có Hỏa, Linh, Kinh hội hợp, nên công danh trắc trở, tài lộc không được phong túc và hay mắc tai nạn.

5 – Hỏa, Linh giáp Mệnh vi bại cục

Cung Mệnh giáp Hỏa, Linh nên suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, thường phải lang thang bốn tẩu ở phương xa.

6 – Hỏa diệu phùng Tuyệt tại Hợi cung, nhi ngộ Tham, Hình, uy danh quán thế

Cung Mệnh an tại Hợi có Hỏa, Tuyệt tọa thủ đồng cung, gặp Tham, Hình hội hợp, là người dũng mãnh, có chí khí hiên ngang, hiển đạt về võ nghiệp, uy danh lừng lẫy.

7 – Linh phùng Mã, nhi ngộ Dương, Đà, hữu tật tử chi

Cung Mệnh có Linh, Mã tọa thủ đồng cung, lại gặp Kinh, Đà hội hợp, nên chân tay có tàn tật.

ĐỊA KIẾP – ĐỊA KHÔNG

ĐẠI CƯỜNG

– Cung Mệnh có Địa kiếp hay Địa Không đơn thủ, nên thân hình thô xấu, da kém vẻ tươi nhuận.

– Kiếp, Không Đắc địa, là người kín đáo, hay suy xét, có mưu trí và rất can đảm, nhưng sự nghiệp thăm trầm, giàu sang như đám mây nổi vật vờ.

– Kiếp, Không, Hãm địa là người gian tà, xảo quyệt, ích kỷ và biển lận, suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng, lại thường mang tật trong mình.

– Cung Mệnh có Kiếp, Không tọa thủ, dù Đắc địa hay Hãm địa, cũng thường hay mắc bệnh đau phổi, khó thở, nghẹt cuống họng, nếu không, cũng mắc bệnh ngoài da như ghẻ lở, ung nhọt có mủ.

– Kiếp, Không Đắc địa hội hợp với Tử, Phủ cũng Đắc địa, lại thành mờ ám xấu xa, thật là khó tránh được tai họa. Trong trường hợp này, nếu Tử, Phủ Hãm địa lại càng nguy khốn, ví như người bị vây hãm ở chốn hiểm nghèo.

– Kiếp, Không Hãm địa hội hợp với Tử, Phủ Đắc địa, cũng không đáng lo ngại lắm. Trong trường hợp này, nếu Tử, Phủ cũng Hãm địa, tất tuổi thọ bị chiết giảm, mà hung họa đầy dẫy, không kể xiết được.

– Kiếp, Không hội hợp với nhiều Sát tinh, tất trai thì khắc vợ, gái thì khắc chồng. Nếu những sao kể trên cùng Đắc địa thì cũng được hưởng giàu sang trong một thời gian ngắn, nhưng nếu cùng Hãm địa, thật rất đáng lo ngại suốt đời, phải lao tâm khổ tứ, khóc nhiều hơn cười.

– Kiếp, Không hội hợp với Đào, Hồng, nên duyên tình dang dở, thường phải cưới xin đến hai lần, lại hay mắc bệnh hoa liễu, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

NAM MỆNH

– Kiếp, Không Đắc địa thủ Mệnh, nên làm việc gì cũng mau chóng, nhưng sự nghiệp chẳng được lâu bền.

– Kiếp, Không Hãm địa là hạng gian xảo, ty tiện, nếu hội hợp với nhiều sao mờ ám xấu xa, thật là suốt đời cùng khổ cô đơn, khó tránh được tai họa.

NỮ MỆNH

– Kiếp, Không Đắc địa thủ Mệnh là người cương cường, có mưu lược và can đảm như đàn ông, làm việc gì cũng chóng thành tựu, nhưng chẳng được lâu bền.

– Kiếp, Không Hãm địa, nên khắc chồng hại con, suốt đời khốn khổ.

– Kiếp, Không, dù Đắc địa hay Hãm địa, hội hợp với Đào, Hồng, tất khó giữ được toàn danh tiết và thường là hạng hồng nhan bạc mệnh.

PHỤ GIẢI

1 – Địa Kiếp độc thủ thị kỷ phi nhân

Cung Mệnh có Kiếp đơn thủ, là người ích kỷ.

2 – Kiếp, Không, Ty, Hợi, đồng vị, tảo đạt công danh.

Cung Mệnh an tại Ty, Hợi có Kiếp, Không tọa thủ đồng cung, nên công danh sớm đạt, nhưng chẳng được lâu bền.

3 – Sinh sử Kiếp, Không do như bán thiên chiết sí

Kiếp, Không Hãm địa thủ Mệnh (*Mệnh an tại Tút Sinh*) nên không thể sống lâu được, ví như con chim đang bay bị gãy cánh ở lưng chừng trời.

**4 – Dẫn, Thân, Kiếp, Không nhi ngộ Quý tinh
thăng trầm vô độ**

Cung Mệnh an tại Dẫn Thân, có Không hay Kiếp tọa thủ, gặp nhiều sao sáng xấu tốt đẹp hội hợp, tất trên đường đời gặp nhiều bước thăng trầm, công danh tiền tài như đám mây nổi, tụ tán thất thường.

5 – Kiếp, Không giáp Mệnh vi bại cực, chủ bản tiện

Cung Mệnh an tại Ty, Hợi, giáp Kiếp, Không, là người nghèo hèn, suốt đời vất vả, thường phải sớm lìa bỏ gia đình, lang thang phiêu bạt nơi góc bể chân trời.

6 – Kiếp, Cơ ngộ Hỏa, tất ngộ hỏa tai

Cung Mệnh có Kiếp, Cơ tọa thủ đồng cung, gặp Hỏa hoặc cũng đồng cung, hoặc xung chiếu, tất hay gặp hỏa tai, như cháy nhà, phỏng lửa, vân vân...

**7 – Mệnh trung ngộ Kiếp, Tham
do như lãng lý hành thuyền**

Cung Mệnh có Kiếp, Tham tọa thủ đồng cung, ví như ngồi thuyền trôi trên sông cả. Có cách này, thật là suốt đời lao khổ, phải lang thang phiêu bạt nay đây mai đó và hay mắc tai nạn sông nước.

**8 – Kiếp, Không hà hiềm Ty, Hợi, Tướng, Mã đồng
cư chi hội Khoa tinh, loạn thế phùng quân nhi cách**

Cung Mệnh an tại Ty, Hợi, có Kiếp, Không, Tướng, Mã tọa thủ đồng cung, gặp Khoa hoặc cũng đồng cung hoặc xung chiếu, là người tài giỏi, tìm được chân chúa trong thời loạn và lập nên sự nghiệp lớn lao trong cảnh trúc chẻ tro bay, khói lửa ngập trời.

9 – Kiếp, Phù, Khốc, Khách, mặc ngộ Cự, Dương chung thân đa lệ

Cung Mệnh có Kiếp tọa thủ, gặp Phù, Khốc, Khách hội hợp cùng với Cự, Nhật, nên suốt đời cô đơn sầu khổ.

10 – Nhan Hối yếu tử do hữu Kiếp, Không, Đào, Hồng Đà, Linh thủ Mệnh

Ông Nhan Hối, học trò Đức Khổng Tử, chết non vì cung Mệnh có Kiếp, Không, Đào, Hồng, Đà, Linh tọa thủ đồng cung. Người nào mà cung Mệnh có cách này cũng không thể sống lâu được.

TỬ HÓA

HÓA LỘC

– Cung Mệnh có Hóa Lộc tọa thủ, nên rậm râu tóc, tính thẳng thắn, lương thiện, rất thông minh, sành ăn uống, suốt đời được ăn miếng ngon, mặc đồ tốt.

– Lộc gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Khoa, Quyền, tất được hưởng giàu sang trọn đời.

– Lộc gặp Đại, Tiểu Hao hay Sát tinh hội hợp, tất hay tiêu pha hoang phí, nếu tiền tài cũng hao tán, không thể giữ của bền lâu được.

HÓA QUYỀN

Cung Mệnh có Hóa, Quyền tọa thủ, nên trong mình có tướng lạ, tính kiêu căng và tự đắc.

– Quyền gặp Tử, Phủ hội hợp, nên thân hình đầy đà, có oai phong, có quan chức và uy quyền hiển hách.

– Quyền gặp Cự, Vũ hội hợp, nên hay “xuất tướng nhập tướng” và được nhiều người kính nể.

– Quyền gặp Sát tinh hội hợp, tất hay liều lĩnh, trước khi làm bất cứ một việc gì cũng không suy tính cẩn thận. Vậy cho nên suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, lại hay mắc tai họa, kiện cáo và hay phải buồn phiền vì con cái.

– Quyền gặp Tuần Triệt án ngữ, nên công danh trắc trở, trong đời thành ít, bại nhiều.

HÓA KHOA

– Cung Mệnh có Hóa, Khoa, tọa thủ, nên vẻ mặt thanh tú, tính nhân hậu, có lòng từ thiện và rất thông minh.

– Khoa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, nhất là Tử, Phủ, Xương, Khúc, Khôi, Việt, tất đi thi đỗ cao, có quan chức lớn, có uy quyền hiển hách và danh tiếng lừng lẫy. Trong trường hợp này, nếu có nhiều Sát tinh xâm phạm, thì cũng phải đoán là bậc mô phạm có văn tài xuất chúng.

HÓA KỶ

– Cung Mệnh có Hóa Kỵ tọa thủ, nên thường phải mang tật ở chân tay hay ở mắt, tính nóng nổi, hay nhầm lẫn, trước khi làm bất cứ một việc gì, cũng không suy xét cẩn thận, lại hay mắc thị phi khẩu thiệt.

– Kỵ gặp Nhật, Nguyệt hội hợp, bất cứ tại vị trí nào, cũng phải đoán là hay đau mắt và mắt rất kém.

Kỵ Đắc địa, gặp Nhật, Nguyệt sáng sửa đồng cung, ví như mây năm sắc vương vấn trên nền trời. Có cách này, chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn đời.

– Kỵ Đắc địa, gặp Nhật, Nguyệt mờ ám hội hợp, nên sức khỏe rất kém và công danh trắc trở.

– Kỵ Hãm địa, gặp Nhật, Nguyệt mờ ám Hình, nên hay đau yếu, suốt đời cùng khổ cô đơn, khó tránh thoát được những tai họa khủng khiếp, thường phải lang thang phiêu bạt và yếu tử.

– Kỵ gặp Cự hay Tham đồng cung, nên rất dễ mắc tai nạn về sông nước, hay bị bắt bớ giam cầm. Đàn bà con gái có cách này, ví như ngọc có vết.

– Kỵ gặp nhiều Sát tinh Đắc địa hội hợp, nên danh tài hoành phát, nhưng sau lại hoành phá, suốt đời bốn ba lưu lạc. Trong trường hợp này, nếu Sát Hãm địa, tất phải nghèo khổ, hay mắc tai họa khủng khiếp và không thể sống lâu được.

– Kỵ gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt hội hợp, là người có học, nhưng không hiển đạt.

– Kỵ gặp Tuế, Đà hội hợp là người lăm điều, hay mắc thị phi, kiện cáo, tai thường bị ừ, đôi khi bị điếc, tuổi thọ cũng bị chiết giảm.

– Kỵ gặp Đào, Hồng đồng cung, nên hay vướng vào lưới tình, đau khổ vì tình, hôn phối cũng trắc trở. Đàn bà con gái có cách này là người bất chính, khó mà giữ được toàn danh tiết trước khi lấy chồng, hay phải lo buồn vì chồng con và thường hay yếu tử.

PHỤ GIẢI

1 – Hóa Lộc hoàn vi hảo, hữu hưởng Mộ trung tàng

Lộc và sao tốt đẹp. Nhưng nếu Lộc thủ Mệnh tại Tứ Mộ, lại kém tốt đẹp, vì ở đây, Lộc như bị chôn vùi lấp kín. Vậy cho nên có cách này, không thể thành đại phú được.

Trong trường hợp Lộc thủ Mệnh tại Tứ Mộ, nếu gặp Tham, Vũ đồng cung, thật là rục rỏ, vì đủ bộ sao thuận vị. Có cách này, chắc chắn là được hưởng giàu sang trọn đời, tiền của chất đống lên trong kho lẫm.

2 – Hóa Lộc Đắc địa Dần Mão, cố thủ tham tài

Cung Mệnh an tại Dần, Mão, có Lộc tọa thủ, là người giàu và khéo giữ của.

3 – Hóa Lộc Tỵ Ngọ, Phu Tử văn chương quán thế

Số Đức Khổng Tử có cung Mệnh an tại Tỵ, có Lương tọa thủ, gặp Hóa Lộc Tồn hội hợp, vậy cho nên không những Ngài có tài kinh bang tế thế, mà lại còn có biệt tài về văn chương, san định được năm kinh và được đời sau tôn là Vạn thế sư biểu.

Người nào có số, trong đó cung Mệnh an tại Tỵ, Ngọ, mà có cách trên đây, cũng thường là bậc vĩ nhân có văn tài xuất chúng sự nghiệp lớn lao và danh tiếng lừng lẫy.

4 – Hóa Lộc, củng Lộc, định vi văn võ toàn tài

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, có Hóa Lộc hợp chiếu, Lộc Tồn xung chiếu, hay có Liêm Trinh hợp chiếu, Hóa Lộc xung chiếu, là người có tài kiêm văn võ, được hưởng giàu sang trọn đời.

5 – Lương Lộc Ngọ Dần nui phùng Tử, Vũ, Đinh, Kỷ

Âm nam phú đa danh thọ

Âm nam tuổi Đinh Kỷ, có cung Mệnh an tại Tỵ, Ngọ, có Hóa Lộc hay Lộc Tồn tọa thủ, gặp Tử, Vũ hội hợp, tất được hưởng phú quý và sống lâu.

– Trong trường hợp này, nếu cung Mệnh đã có một Lộc tọa thủ, lại có thêm một Lộc nữa chiếu thì thật là toàn mỹ. Các tuổi khác có cách này cũng được hưởng giàu sang và trường thọ, nhưng dù sao cũng không bằng tuổi Đinh, Kỷ.

ÂM NAM

6 – Lộc phùng Lương Miếu, bảo tư tài ích dũ tha nhân

Cung Mệnh có Lộc tọa thủ, gặp Lương Miếu địa đồng cung là người giàu, hay đem của riêng đi giúp đỡ người khác.

7 – Song Lộc cư nhị ngọ, Cơ, Lương phú gia địch quốc

Cung Mệnh có Hóa Lộc hay Lộc Tồn tọa thủ, gặp Cơ, Lương hội hợp là người rất giàu.

Trong trường hợp cung Mệnh an tại Dần, Thân, có một Lộc tọa thủ, gặp Cơ, Lương đồng cung, và gặp một Lộc nữa chiếu, thật là rục rỏ tốt đẹp. Có cách này chắc chắn triệu phú.

8 – Mệnh vô Chính diệu, hoan ngộ Tam Không, hữu Song Lộc, phú quý khả kỳ.

Cung Mệnh vô Chính diệu, có Tuân Triệt án ngữ và Thiên, Địa Không hội hợp, thật là rục rỏ tốt đẹp. Trong trường hợp này, nếu cung Mệnh lại có thêm Hóa Lộc, Lộc Tồn hội hợp, tất được hưởng giàu sang, nhưng chẳng được lâu bền.

9 – Quyền, Lộc trùng phùng, tài quan song mỹ

Cung Mệnh có Quyền tọa thủ, gặp Lộc chiếu hay có không tọa thủ gặp Quyền chiếu, hay có Quyền, Lộc tọa thủ đồng cung, chắc chắn là được hưởng phú quý song toàn.

10 – Quyền, Lộc Mệnh phùng, kiêm hợp cát, uy danh lừng lẫy quyền áp chúng

Cũng như trên, nhưng nếu cung Mệnh lại có thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất cần phải uy quyền hiển hách, khiến mọi người phải kính nể.

11 – Quyền Lộc, trùng phùng Sát thấu, hư dụ chi long

Cung Mệnh có Quyền, Lộc trùng phùng, nhưng nếu lại có thêm nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, hay bị nhiều Sát tinh xâm phạm, tất chỉ có hư danh bề ngoài mà thôi.

12 – Quyền, Khốc đồng cung, minh danh vụ thế

Cung Mệnh có Quyền, Khốc tọa thủ đồng cung, tất có uy danh lừng lẫy. Nếu Cung Mệnh an tại Tý, Ngọ, có Quyền, Khốc tọa thủ đồng cung, thật là toàn mỹ, chắc chắn là được hưởng giàu sang và có quyền thế.

13 – Khoa, Lộc tuần phùng, Chu Bội hân nhiên nhập tướng

Cung Mệnh có Khoa tọa thủ, gặp Lộc chiếu, hay có Lộc tọa thủ gặp Khoa chiếu, hay có Khoa, Lộc tọa thủ đồng cung lại thêm nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, tất có quan chức lớn, xuất tướng nhập tướng.

Số Chu Bội đời Hán được phong tướng, có cung Mệnh đắc cách này.

14 – Khoa, minh, Lộc ám, liệt vị tam thái

Cung Mệnh có Khoa tọa thủ, cung Nhị hợp có Lộc tọa thủ nên rất quý hiển.

15 – Khoa, Lộc, giáp vị quý cách

Cung Mệnh giáp Khoa, giáp Lộc là người có danh giá.

16 – Khoa Mệnh Quyền triều, đẳng chung giáp đệ

Cung Mệnh có Khoa tọa thủ, gặp Quyền chiếu, tất đi thi đỗ cao và có quan chức lớn.

17 – Khoa, Quyền, Lộc hợp, phú quý song toàn.

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, lại có Khoa, Quyền, Lộc hội hợp, nên được hưởng giàu sang trọn đời.

18 – Khoa, Quyền, Lộc vọng danh dự chiếu trường

Cung Mệnh sáng sủa tốt đẹp, lại có Khoa, Quyền, Lộc hội chiếu, nên sớm hiển đạt, được hưởng phú quý song toàn và có danh tiếng lừng lẫy.

19 – Tam Kỳ giao hội, mạc ngộ Kỵ, Kinh giáng lộ thanh vân

Cung Mệnh có Khoa, Quyền, Lộc hội hợp, lại gặp Kỵ, Kinh nên đường đời gặp nhiều bước thăng trầm, chẳng được hưởng giàu sang lâu bền, công danh tiền tài như sương đọng, mây sa tụ tán thất thường.

20 – Khoa danh hãm ư hung thần, miêu nhi bất tú

Cung Mệnh có Khoa tọa thủ, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa hội hợp, hay bị nhiều Sát tinh xâm phạm, ví như mầm non mới trở đã khô héo. Có cách này, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, vì công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm.

21 – Hóa Kỵ, văn nhân bất nại

Cung Mệnh có tọa thủ, gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt hội hợp là người thông minh, có văn tài, nhưng trắc trở về đường công danh và không thể hiển đạt được.

22 – Kỵ ngộ Khoa tinh cư Hợi, Tý

Cung Mệnh an tại Hợi, Tý, có Kỵ tọa thủ, gặp Khoa hoặc đồng cung hoặc xung chiếu, là người khôn ngoan, cẩn thận, biết tri thủ, từ lời nói cho đến việc làm đều đúng mực, nên được chúng nhân kính trọng.

23 – Hóa Kỵ Tý cung, Khoa, Lương phụ chiếu, đắc quân dân sủng ái

Cung Mệnh an tại Tý có Kỵ tọa thủ, gặp Khoa, Lương hội chiếu và có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, là người có đức độ, có danh vọng được quân, dân (*Chính quyền và nhân dân*) quý mến và ngưỡng mộ.

LỤC BẠI**ĐẠI HAO – TIỂU HAO**

– Cung Mệnh có Đại Hao hay Tiểu Hao tọa thủ, nên nên thân hình nhỏ nhắn, bộ tiêu hóa không được lành mạnh : tính khôn ngoan nhưng không quả quyết, không bền chí, thích xa nhà, thích ăn ngon mặc đẹp, dễ say mê những thú vui : đánh cờ, đánh bạc, chơi bời cho thỏa, tiêu tiền không biết tiếc, suốt đời túng thiếu, phải sớm ly tổ lập nghiệp ở phương xa và hay đổi chỗ ở.

– Hao Đắc địa lại là người thông minh, tuy ham chơi, nhưng cũng có lúc rất ham học, muốn trông xa biết rộng.

– Hao Đắc địa ứng hợp với tuổi Dần, Thân. Vậy cho nên tuổi Dần, Thân mà cung Mệnh có Hao Đắc địa tọa thủ, là người chơi bời, thích ngao du nay đây mai đó, nhưng sau hiển đạt, nhưng hưởng giàu sang trọn đời.

– Hao gặp nhiều Sát tinh hội hợp, tất hay mắc những tai nạn về đao súng.

– Hao gặp Hỏa, Linh hội hợp, thường mắc nghiện (*ghiền*).

– Hao gặp Tuyệt đồng cung, là người xảo quyết.

✶ Cung Mệnh vô Chính diệu có Hao, Tuyệt tọa thủ đồng cung, là người xảo quyết, nhưng rất keo kiệt và tham lận.

TANG MÔN – BẠCH HỔ

– Cung Mệnh có Tang Môn hay Bạch Hổ tọa thủ, là người can đảm, cương nghị, nhưng hơi ương ngạnh, mới lọt lòng mẹ đã có tang. Suốt đời ưu tư phiền muộn, thường có bệnh khí huyết, bệnh đau gân xương, tim phổi không được lành mạnh và rất khó nuôi sức vật.

– Tang, Hổ Đắc địa lại là người tài giỏi thao lược, biết xét đoán, lý luận, thích hoạt động chính trị.

– Tang, Hổ dù Đắc địa hay Hãm địa, gặp nhiều Sát tinh hội hợp, là người bạo ngược, chung thân cùng khổn cô đơn, khắc vợ (hay chồng) hại con, lại có nhiều bệnh tật khó chữa, chân tay thường bị vướng vào xích xiềng, hay mắc những tai nạn khủng khiếp và không thể sống lâu được.

– Tang, Hổ gặp Kinh hay Hình, hoặc đồng cung hoặc xung chiếu, tất có chí khí hiên ngang.

– Cung Mệnh có Hổ Đắc địa tọa thủ, sinh ban đêm là hợp cách. Như thế dĩ nhiên hiển đạt.

– Hổ gặp Tham đồng cung : bị thú dữ cắn chết.

– Hổ, gặp Tấu đồng cung : có văn tài, sớm hiển đạt.

– Hổ gặp Phi đồng cung : suốt đời may mắn, nhẹ bước trên đường công danh.

– Dần ông cung Mệnh có Tang, Hổ Đắc địa tọa thủ, thường quán xuyến cả quân sự, chính trị và hiển đạt về võ nghiệp. Hổ thủ Mệnh là người chơi bời, thích ăn ngon mặc đẹp. Hổ Đắc địa thủ Mệnh, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp, lại có thể chuyên về pháp lý, làm quan tòa, thẩm kiện.

– Dần bà mà cung Mệnh có Tang, Hổ tọa thủ, nên vẻ mặt buồn tẻ : hôn phối thường bị trắc trở, phải muộn lập gia đình mới tránh được mấy độ buồn thương. Sau này sinh nở rất nguy nan, có bệnh ở tử cung hay đau yếu : khó nuôi con và sầu khổ vì con.

THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ

Cung Mệnh có Thiên Khốc hay Thiên Hư tọa thủ, nên da xanh xám, vẻ mặt buồn tẻ, mắt có quầng đen, thận hư, tính đa sầu đa cảm, suốt đời ưu tư phiền muộn.

Xem tiếp phần 2_2